

TS. NGUYỄN HỒNG HÀ

**NẾP SỐNG
GIA ĐÌNH
Ở KHU ĐÔ THỊ MỚI**



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TS. NGUYỄN HỒNG HÀ

NẾP SỐNG GIA ĐÌNH Ở KHU ĐÔ THỊ MỚI

(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KHU CHUNG CƯ
TRUNG HÒA - NHÂN CHÍNH)

TRUNG TÂM THÔNG TIN NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2012
Vb.50586

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	11
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	15
1.1. Lược sử vấn đề nghiên cứu	15
1.2. Các lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu	22
1.2.1. Lý thuyết hành động xã hội	22
1.2.2. Lý thuyết chức năng	25
1.2.3. Lý thuyết tương tác biểu trưng	30
1.2.4. Lý thuyết trao đổi xã hội và lựa chọn hợp lý	34
1.3. Khái niệm công cụ	36
1.3.1. nếp sống, lối sống	36
1.3.2. Gia đình	42
1.3.3. Cơ cấu nhân khẩu xã hội	44
1.3.4. Khu đô thị	45
1.3.5. Chung cư	46
CHƯƠNG 2: ĐẶC TRƯNG CÁC HỘ GIA ĐÌNH SỐNG TẠI CHUNG CƯ TRUNG HÒA NHÂN CHÍNH	49
2.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu	49
2.2. Kiến trúc khu đô thị	49
2.2.1. Về môi trường sống	49

2.2.2. Không gian công cộng trong khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính	64
2.3. Hộ gia đình khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính	72
2.3.1. Cấu trúc gia đình ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính	72
2.3.2. Cơ cấu nhân khẩu của các hộ gia đình khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính	79
2.3.3. Quan hệ lao động trong gia đình	85
2.3.4. Quan hệ cộng đồng của các gia đình	105
CHƯƠNG 3: TƯƠNG TÁC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI CỦA GIA ĐÌNH	119
3.1. Tương tác cùng thế hệ	121
3.1.1. Sinh hoạt thường ngày và quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong gia đình	122
3.1.2. Quản lý ngân sách trong gia đình	127
3.1.3. Quan niệm về giá trị của con cái trong gia đình	134
3.1.4. Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình	138
3.2. Tương tác liên thế hệ	144
3.2.1. Sự giúp đỡ của con cháu với người cao tuổi	145
3.2.2. Sự giúp đỡ của người cao tuổi đối với con cháu	160
3.2.3. Mâu thuẫn giữa các thế hệ	166
3.3. Tương tác trong quan hệ cộng đồng của gia đình	174
KẾT LUẬN	195
TÀI LIỆU THAM KHẢO	204

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 2.1:</i> Mô hình sống hiện tại của các gia đình ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính	73
<i>Bảng 2.2:</i> Tương quan giữa trình độ học vấn và mô hình sống hiện tại	74
<i>Bảng 2.3:</i> Tương quan thu nhập và mô hình sống hiện tại	76
<i>Bảng 2.4:</i> Trình độ học vấn của vợ, chồng	80
<i>Bảng 2.5:</i> Cơ cấu nghề nghiệp của người dân khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính	83
<i>Bảng 2.6:</i> Phân công việc nhà trong gia đình	87
<i>Bảng 2.7:</i> Tham gia họp tổ dân phố và họp phụ huynh cho con	89
<i>Bảng 2.8:</i> Tổng số con trong các gia đình theo mẫu nghiên cứu	93
<i>Bảng 2.9:</i> Tương quan trình độ học vấn của bố mẹ với việc học hành của con cái	96
<i>Bảng 2.10:</i> Tương quan mức thu nhập và việc quan tâm giáo dục con cái	98
<i>Bảng 2.11:</i> Kết quả thống kê về độ tuổi của vợ, chồng tham gia các hoạt động cộng đồng	106
<i>Bảng 2.12:</i> So sánh cơ cấu theo khoảng tuổi 10 năm của người tham gia các hoạt động công cộng ở hai thời điểm khảo sát	108

<i>Bảng 2.13:</i> Nhóm tuổi tham gia các hoạt động cộng đồng	109
<i>Bảng 2.14:</i> Mối quan hệ giữa độ tuổi với mức độ tham gia hoạt động thể thao trong khu đô thị	111
<i>Bảng 2.15:</i> Kết quả quan sát tại sân nhà 34T	113
<i>Bảng 2.16:</i> Quan sát tại tầng 1 tòa nhà 24T2 tại các thời điểm khác nhau	116
<i>Bảng 3.1:</i> Lựa chọn hình thức đi chợ	123
<i>Bảng 3.2:</i> Tương quan giữa mức thu nhập của hai vợ chồng với việc lựa chọn địa điểm đi chợ	126
<i>Bảng 3.3:</i> Người nắm giữ ngân sách chính	127
<i>Bảng 3.4:</i> Thu nhập trung bình hàng tháng của vợ và chồng	133
<i>Bảng 3.5:</i> Vấn đề chợ búa và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng	139
<i>Bảng 3.6:</i> Quan niệm về trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ già	149
<i>Bảng 3.7:</i> Mức thu nhập của hai vợ chồng và quan niệm về trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ già	150
<i>Bảng 3.8:</i> Mức thu nhập của hai vợ chồng và cách thức chăm lo đời sống vật chất cho bố mẹ	153
<i>Bảng 3.9:</i> Mức độ chia sẻ, tâm sự với bố mẹ già của các cặp vợ chồng trẻ	157
<i>Bảng 3.10:</i> Nghề nghiệp và mức độ tâm sự, trò chuyện với bố mẹ già	159
<i>Bảng 3.11:</i> Cách thức ông bà tham gia và giáo dục các cháu trong gia đình	164

<i>Bảng 3.12:</i> Cách đóng góp ý kiến của bố mẹ già trong công việc và cuộc sống gia đình và con cái	167
<i>Bảng 3.13:</i> Những vấn đề làm nảy sinh mâu thuẫn giữa bố mẹ già với các cặp vợ chồng (xét những trường hợp gia đình sống đa thế hệ)	168
<i>Bảng 3.14:</i> Cách thức giải quyết khi có mâu thuẫn	172
<i>Bảng 3.15:</i> Hình thức quan hệ với hàng xóm	180
<i>Bảng 3.16:</i> Mối quan hệ giữa năm đến sống và hiểu biết về hàng xóm láng giềng	182
<i>Bảng 3.17:</i> Mối quan hệ giữa số năm ở và mức độ hiểu biết về hàng xóm	183
<i>Bảng 3.18:</i> Mối quan hệ giữa năm cư trú và mức độ qua nhà hàng xóm chơi	187
<i>Bảng 3.19:</i> Mối quan hệ giữa độ tuổi và mức độ qua nhà hàng xóm chơi	188
<i>Bảng 3.20:</i> Mối quan hệ giữa nghề nghiệp của người được hỏi với mức độ qua thăm hàng xóm	190

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

<i>Biểu 2.1:</i> Mô hình sống và mong muốn thay đổi mô hình sống hiện tại	77
<i>Biểu 2.2:</i> Người thường xuyên thực hiện các công việc liên quan đến việc học tập của con cái	94
<i>Biểu 2.3:</i> Kết quả học tập của trẻ em ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính	104
<i>Biểu 3.1:</i> Tương quan giữa người nắm giữ ngân sách và người quyết định các công việc lớn trong gia đình	128
<i>Biểu 3.2:</i> Người đóng góp ngân sách trong gia đình	130
<i>Biểu 3.3:</i> Hình thức mâu thuẫn và quan niệm “phải có con mới là gia đình” (xét theo chỉ báo con cái)	136
<i>Biểu 3.4:</i> Hình thức mâu thuẫn và quan niệm sinh con	137
<i>Biểu 3.5:</i> Hình thức mâu thuẫn trong các giai đoạn chung sống	143
<i>Biểu 3.6:</i> Hình thức hiếu thảo với bố mẹ	146
<i>Biểu 3.7:</i> Lứa tuổi và những mâu thuẫn nảy sinh trong sinh hoạt hàng ngày	170
<i>Biểu 3.8:</i> Hình thức sinh sống và mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày	171
<i>Biểu 3.9:</i> Số hộ trong cùng một tòa nhà đến chia sẻ khi hàng xóm có việc quan trọng	192

LỜI NÓI ĐẦU

Cùng với sự phát triển của xã hội, các khu đô thị mới xuất hiện ngày càng nhiều. Sự ra đời của hệ thống các nhà chung cư ở các khu đô thị mới đã hình thành nên những nét văn hóa, lối sống, cách ứng xử... mang đặc trưng riêng khác với những khu dân cư truyền thống. Với tư cách là một ngành khoa học nghiên cứu về xã hội, việc nghiên cứu những hiện tượng mới xuất hiện trong mô hình các gia đình sống tại các khu chung cư mới là việc làm cần thiết, giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về mô hình đời sống gia đình khu đô thị mới. Trong thực tiễn, địa bàn và không gian sống có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới các gia đình mà từ đó hình thành những đặc điểm riêng.

Những chung cư cao tầng trong các khu đô thị mới ở Hà Nội là nơi hội tụ các gia đình từ nhiều nơi đến làm ăn sinh sống, nên văn hóa có sự khác nhau, nhưng cũng là nơi ươm mầm tốt nhất cho sự giao thoa văn hóa. Mặc dù người dân khác nhau về lối sống, cách sinh hoạt, nhưng lại có sự ảnh hưởng lẫn nhau về nhiều mặt, thay vì họ đồng nhất và có cùng khuynh hướng tư duy như nhau. Số lượng người tham gia trong quá trình giao lưu hội nhập càng lớn thì sự khác biệt tiềm tàng giữa họ cũng càng lớn. Do đó lối sống văn hóa và tư duy của các thành viên trong gia đình ở các khu đô thị mới tại Hà Nội có sự khác nhau rất nhiều so với các gia đình sống ở môi trường truyền thống. Mỗi quan hệ họ hàng, láng giềng và tình cảm xuất phát từ việc sống chung nhau qua nhiều thế hệ theo một truyền thống dân gian chung sẽ có nhiều biến đổi, một tập hợp nhiều gia

đình với nguồn gốc và nền tảng khác nhau. Trong những điều kiện như vậy, sẽ tạo ra các mối quan hệ mới, thay thế cho những quan hệ làng xóm vốn đã được giữ gìn tồn tại qua nhiều thế hệ, sự quan hệ quen biết cá nhân vốn có giữa các cư dân đồng hương cũng sẽ có nhiều khác biệt. Ở các chung cư cao tầng trong các khu đô thị mới là nơi sống và làm việc của các cá nhân vốn ít có quan hệ tình cảm với nhau. Họ học tập, làm việc để nâng cao trình độ, nâng cao vị thế của bản thân và cũng từ đó nảy sinh sự cạnh tranh (tích cực và tiêu cực) đôi khi có cả sự lợi dụng lẫn nhau... Các yếu tố về mật độ dân số, giá trị đất đai, khả năng tiếp cận, lợi ích cho sức khỏe, giá trị thẩm mỹ, chất lượng môi trường ảnh hưởng tới nếp sống, của các gia đình là điều kiện để các hộ cân nhắc lựa chọn. Ngoài các yếu tố thuộc về địa lý khu dân cư, còn có yếu tố thuộc về con người như là nơi làm việc, bản chất công việc, thu nhập, địa vị xã hội, phong tục, tập quán, ý thích, thị hiếu và định kiến cũng là những yếu tố quan trọng để chọn lựa nơi ở. Như thế đô thị được phân bố thành những vùng định cư ít nhiều có sự phân biệt, có sự khác nhau. Do đó, ở đô thị mới tại Hà Nội gồm những hộ gia đình khác nhau cư ngụ trong một vùng không gian sẽ xuất hiện các đặc trưng riêng về nếp sống và sinh hoạt.

Sự tương tác giữa các cá nhân có nguồn gốc khác nhau trong xã hội ở các khu đô thị mới tại Hà Nội đưa đến một mô hình gia đình hoàn toàn mới. Trong các khu chung cư cao tầng với mật độ dân cư cao, mối quan hệ giữa các gia đình có phần lỏng lẻo. Điều này không có nghĩa là các gia đình sống ở các chung cư cao tầng tại khu đô thị mới ít có quan hệ qua lại hơn các gia đình truyền thống khác, mà thực tế dù gặp gỡ nhiều nhưng họ vẫn biết ít hơn về nhau. Các gia đình ở các chung cư tại khu đô thị mới gặp gỡ nhau và biết về nhau dưới các góc cạnh khác nhau. Tuy nhiên các gia đình ở

chung cư cao tầng ít qua lại với nhau dưới góc cạnh là họ hàng, thân tộc, hay láng giềng thân thiết tối lửa tắt đèn có nhau.

Những đặc điểm về nếp sống, sinh hoạt đó đã làm cho quan hệ xã hội của các gia đình trên địa bàn khu đô thị mới lỏng lẻo, ngược lại với lối sống truyền thống “bán anh em xa, mua láng giềng gần” từ ngàn đời xưa để lại. Chính vì thế, kiểu quan hệ xã hội của lối sống đô thị này dễ dẫn đến nguy cơ tạo cho con người có lối sống hời hợt, phá vỡ lối sống truyền thống tương thân tương ái của người Việt Nam. Dù vậy, trong mỗi quan hệ này cũng nảy sinh những vấn đề tích cực và tiêu cực. Quy mô của các gia đình có nhỏ đi, gia đình ba thế hệ có ít đi, vậy vấn đề đặt ra là truyền thống trong gia đình tại các chung cư cao tầng ở các đô thị mới có còn được duy trì phát huy các giá trị tốt đẹp nữa hay không cũng là một vấn đề cần được nghiên cứu.

Cuốn sách *Nếp sống gia đình ở khu đô thị mới (nghiên cứu trường hợp khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính* ra đời trên cơ sở bổ sung và hoàn thiện bản luận án Tiến sỹ cùng tên với mong muốn làm sáng tỏ phần nào các đặc trưng nếp sống, sinh hoạt của các gia đình sống ở chung cư cao tầng tại các khu đô thị mới ở Hà Nội, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm xây dựng mô hình không gian sống phù hợp.

Nhân dịp này tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến những người thầy đáng kính luôn luôn giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu. Đó là PGS. TS. Vũ Hòa Quang, GS. TS. Đặng Cảnh Khanh, GS. TS. Nguyễn Đình Tấn, PGS. TS. Phạm Bích San, PGS. TS. Phạm Văn Quyết, PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Hoa, TS. Vũ Đạt, TS. Trịnh Hòa Bình. Đồng thời xin chân thành cảm ơn GS. TS. Lê Thị Quý, PGS. TS. Vũ Tuấn Huy,

PGS. TS. Nguyễn Chí Dũng, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Trịnh Văn Tùng, TS. Nguyễn Thị Trà Vinh, TS. Trương Xuân Trường, TS. Hoàng Thị Thu Hương đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho luận án. Lời cảm ơn cũng xin được chuyển đến Ban lãnh đạo trường Đại học Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cùng các bạn bè đồng nghiệp và cơ sở Đào tạo khoa Xã hội học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã giúp tôi bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Hà Nội, tháng 5 năm 2012

Tác giả

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Lược sử vấn đề nghiên cứu

Ở Việt Nam, ngành Xã hội học ra đời khá muộn, nhưng dưới góc độ khác nhau của khoa học xã hội đã có nhiều công trình nghiên cứu về gia đình. Ngay từ thời phong kiến, các vấn đề gia phong, gia giáo trong gia đình đã được các nhà nghiên cứu quan tâm. Tuy nhiên, những nghiên cứu mang tính thực nghiệm, khảo sát thực tế về gia đình thì phải đợi tới khi ngành Xã hội học ở Việt Nam hình thành như một khoa học độc lập.

Những chủ đề thường được quan tâm trong thời kỳ đầu là vị trí của gia đình trong cơ cấu xã hội Việt Nam, các loại hình gia đình Việt Nam trong lịch sử, những đặc điểm của thiết chế gia đình Việt Nam và mối quan hệ với những thiết chế khác trong xã hội. Nghiên cứu những chủ đề này, các tác giả chủ yếu dựa trên phương pháp tiếp cận lịch sử. Chẳng hạn PGS. Trần Đình Hượu đã nghiên cứu kĩ di sản của Nho giáo và những ảnh hưởng của nó đến gia đình Việt Nam. Giáo sư Vũ Khiêu và nhóm chuyên gia nghiên cứu về Nho giáo đã tổ chức tổng hợp, chọn lọc, dịch thuật và biên soạn các tài liệu liên quan đến quan điểm các nhà kinh điển của nho giáo về gia

đình. Cuốn sách *Nho giáo và gia đình* [Vũ Khiêu, Lê Thị Quý, Đặng Như: 1995] của nhóm tác giả đã là một tài liệu khoa học có giá trị tham khảo tốt đối với việc tìm hiểu về gia đình truyền thống. Cuốn sách đã xếp đặt, phân loại các quan điểm chung về đạo đức, chuẩn mực, giá trị, văn hoá nho giáo xung quanh các mối quan hệ gia đình, quan hệ cha con, anh em, vợ chồng...

Trong số nghiên cứu về gia đình truyền thống, có thể kể đến một loạt những nghiên cứu của các học giả Phan Kế Bính, Toan Ánh, Nhất Thanh, Phạm Côn Sơn, Vũ Ngọc Khánh...liên quan đến những vấn đề văn hoá gia đình, gia đình với các phong tục tập quán của người Việt, văn hóa trong quan hệ giữa các thành viên với nhau. Học giả Phạm Côn Sơn biên soạn một số chuyên khảo xung quanh những vấn đề gia đình truyền thống, những vấn đề về gia giáo, gia phong, chẳng hạn như *Đạo nghĩa trong gia đình* (Nhà xuất bản Đồng Nai 1999), *Nền nếp gia phong* (Nhà xuất bản Đồng Tháp, 1996)... ở đó là những quy định cho mỗi cá nhân, thành viên tuân theo những quy định, nề nếp, lễ thói đã đề ra.

Trong mảng nghiên cứu gia đình Việt Nam hiện đại đã xuất hiện nhiều công trình đáng chú ý. Hai cuốn sách *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam* do Tương Lai chủ biên, tập I, xuất bản năm 1991, tập II, xuất bản năm 1996. Các tác giả đã đề cập nhiều đến các chức năng của gia đình, trong nội dung quan hệ gia đình nằm dần trải và xuyên suốt toàn bộ việc thực hiện các chức năng của gia đình.

Từ năm 1992 - 1993, đề tài KX 07-09 *Vai trò của gia đình trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam* có những nội dung chính sau:

+ Nghiên cứu những vấn đề về lý luận xã hội hoá con người, về chức năng xã hội hoá của gia đình trong lịch sử và thời kỳ hiện đại.

+ Phân tích vai trò của gia đình Việt Nam trong việc tổ chức đời sống con người, nuôi dưỡng, đào tạo lớp trẻ hoàn thiện nhân cách của con người trưởng thành.

+ Trách nhiệm và những hạn chế của giáo dục gia đình trong tình hình hiện nay; những điều kiện, biện pháp, chính sách cần thiết nhằm giúp gia đình làm tròn chức năng của nó.

Những nội dung của đề tài phân nào phác thảo và vạch ra được những nét cơ bản trong quan hệ gia đình, làm sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ công trình nghiên cứu của tác giả.

Từ những kết quả điều tra xã hội học, PGS.TS. Vũ Tuấn Huy (chủ biên) xuất bản cuốn sách: *Xu hướng gia đình Việt Nam ngày nay* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2004) đã phân tích thực trạng của gia đình Việt Nam ngày nay, đồng thời dự báo xu hướng biến đổi của gia đình, trong đó nhóm tác giả nhấn mạnh tới sự mở rộng của mô hình gia đình hạt nhân và thu hẹp phạm vi các gia đình mở rộng trong thời gian tới, biến đổi quan hệ gia đình, gợi ra những hướng phân tích về thực trạng chất lượng quan hệ gia đình. Nhóm tác giả cũng đề xuất những giải pháp nhằm củng cố vị trí và vai trò của gia đình trong sự phát triển của xã hội, và biện pháp nâng cao chất lượng quan hệ gia đình.

Nhóm tác giả do Mai Quỳnh Nam (chủ biên) đã xuất bản cuốn sách *Gia đình trong tâm gương xã hội học* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2002), tập hợp nhiều bài viết xung quanh những nghiên cứu xã hội học gia đình như cơ cấu gia

đình hiện nay, việc thực hiện các chức năng kinh tế, chức năng sinh sản của gia đình, văn hoá gia đình, sự biến đổi các quan hệ gia đình... Đây là một cuốn sách khá toàn diện những nghiên cứu gia đình.

Trong cuốn *Xu hướng gia đình ngày nay: Một vài đặc điểm từ nghiên cứu thực nghiệm tại Hải Dương* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2004), tác giả Vũ Mạnh Lợi đã phân tích về mối quan hệ giữa vợ và chồng trong gia đình thông qua sự phân công lao động và xu hướng của mô hình phân công lao động lao động này. Từ kết quả nghiên cứu của tác giả đã cho thấy, truyền thống những hoạt động trong gia đình có sự phân công theo giới. Các hoạt động trong gia đình như “giữ tiền”, “rửa bát”, “giặt giũ”, “chăm sóc con nhỏ” thường do người vợ đảm nhận. Trong những quan hệ xã hội với bên ngoài gia đình như “tiếp khách”, “đại diện cho gia đình tham gia vào các hoạt động cộng đồng” thường do người chồng thực hiện. Tương ứng với sự phân công vai trò đó là sự phân công về quyền của người vợ và người chồng trong việc quyết định. Như vậy quan hệ giữa vợ và chồng trong gia đình không chỉ thể hiện trong việc thực hiện các vai trò mà còn biểu hiện ở quyền của người vợ và người chồng trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

Một nghiên cứu khác về gia đình của PGS. TS. Vũ Mạnh Lợi: *Quan niệm về gia đình của người Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp tại Yên Bái, Tiền Giang, Thừa Thiên Huế* chỉ ra rằng, một bộ phận lớn nông dân đổ ra thành thị đã làm mối nối kết cộng đồng trong xã hội nông thôn trở nên lỏng lẻo, mối quan hệ giữa người với người ở nông thôn bắt đầu rã đám. Họ sống theo kiểu “nhà nào biết nhà ấy”, không chịu bắt

kỳ một sức ép nào để điều chỉnh hành vi, lối sống có chuẩn mực của mình, dẫn tới tình trạng an ninh xã hội khó kiểm soát. Tác giả đã đề xuất, cần nâng cao vai trò của các loại hình hợp tác xã và rất cần một cơ chế, chính sách lôi cuốn các tổ chức xã hội tham gia vào cộng đồng làng xã, để dân tự lo liệu. Cần có cách nhìn mới về quản lý con người, theo một cách năng động hơn.

Trong xu hướng nghiên cứu về xã hội học gia đình, chúng ta thấy còn có cuốn sách *Gia đình Việt Nam - quan hệ, quyền lực và xu hướng biến đổi* (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội - 2006) của nhóm tác giả khoa Xã hội học trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn do PGS. TS. Vũ Hào Quang chủ biên. Đây cũng là một công trình được biên soạn khá công phu, đề cập tới hiện trạng gia đình Việt Nam một cách tương đối toàn diện và đa dạng, các số liệu điều tra xã hội học có nhiều phát hiện tốt. Là nền tảng để phân tích thực trạng quan hệ gia đình và nâng cao chất lượng quan hệ gia đình hiện nay.

Những nghiên cứu về gia đình, và các mối quan hệ trong gia đình, cũng phải đề cập tới công trình của GS.TS. Đặng Cảnh Khanh và PGS. TS. Lê Thị Quý, cuốn *Gia đình học* (Nxb Thông tin lý luận, 2007). Cuốn sách với gần 700 trang đã cập nhật nhiều thông tin lý thuyết mới về nghiên cứu gia đình trên thế giới, các tác giả đã trình bày tương đối rõ những quan điểm chung nhất về *Gia đình học*. Cụ thể hơn tác giả đã đi vào phân tích một cách sâu sắc và toàn diện về các khía cạnh của gia đình, với những dẫn chứng sinh động và số liệu thực tế chứng minh cho thực trạng các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình hiện nay như thế nào (quan hệ ông bà-cháu, quan hệ bố mẹ - con cái, quan hệ anh chị em, quan

hệ mẹ chồng nàng dâu...), từ đó đưa những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng các quan hệ trong gia đình và phát triển gia đình trong thời kỳ hiện nay.

Tiếp cận gia đình dưới góc độ các sai lệch chuẩn mực và giá trị, hai tác giả Lê Thị Quý và Đặng Vũ Cảnh Linh đã xuất bản cuốn sách có tiêu đề: *Bạo lực gia đình - một sự sai lệch giá trị* (Nxb Khoa học xã hội, 2007). Cuốn sách đã đưa ra những cảnh báo về thực trạng của hiện tượng bạo lực gia đình trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đồng thời tổng kết những nghiên cứu thực tiễn, những mô hình quản lý, truyền thông, ngăn chặn bạo lực gia đình mà các tác giả đã thực hiện. Cuốn sách chỉ ra những biểu hiện sai lệch trong quan hệ vợ chồng, xã hội cần lên tiếng nhằm ngăn chặn hiện tượng này nếu không sẽ ảnh hưởng đến các mối quan hệ khác trong gia đình, suy giảm chức năng gia đình. Các nghiên cứu về bạo lực gia đình của PGS. TS. Lê Thị Quý đã xem xét các vấn đề xung đột trong gia đình qua các hình thức bạo lực trong gia đình, nó được chia thành hai dạng: “bạo lực không nhìn thấy được” và “bạo lực nhìn thấy được”. “Bạo lực không nhìn thấy được” là sự phân công lao động bất hợp lý giữa nam và nữ. Trong xã hội, phụ nữ làm việc như nam giới, về nhà lại làm việc nội trợ dẫn đến xung đột do làm việc quá sức, không có thời gian nghỉ ngơi và không có thời gian học tập để nâng cao trình độ. Nó không nhìn thấy được vì quan niệm của xã hội cho rằng nội trợ là thiên chức của phụ nữ. “Bạo lực nhìn thấy được” là kết quả tiêu cực của xung đột thể hiện ra các hành vi như là đánh vợ, bạo lực tâm lý, bạo lực tình dục. Hình thức này thì cả vợ và chồng đều là nạn nhân. Liên quan đến vấn đề này còn có các công trình nghiên cứu về bạo lực gắn với sức

khỏe sinh sản phụ nữ, gây hậu quả nặng nề trong gia đình của tác giả Lê Thị Phương Mai. Hoặc có công trình nghiên cứu về mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng của PGS. TS. Vũ Tuấn Huy.

Ngoài ra còn có các nghiên cứu mang tính can thiệp của Trung tâm nghiên cứu Giới và phát triển phối hợp với Quỹ dân số Liên hợp quốc và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Gần đây mảng chủ đề về gia đình và việc chăm sóc giáo dục trẻ em và mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái được xác lập trên vai trò chăm sóc giáo dục cũng đã được quan tâm chú ý. Các mối quan hệ này có bền vững đạt chất lượng hay không là do sự tác động từ cha mẹ và con cái. Tiêu biểu cho xu hướng này có các công trình khoa học của GS. Phạm Tất Dong về vai trò của gia đình và cộng đồng trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, của GS. Đặng Cảnh Khanh về gia đình và việc giáo dục các giá trị văn hoá truyền thống cho trẻ em...

Những nghiên cứu xã hội học về gia đình ở Việt Nam đã đặt ra vấn đề về sự thích ứng của gia đình Việt Nam trong bối cảnh có nhiều những nghiên cứu về sự thay đổi gia đình ở Việt Nam là chỉ ra sự biến đổi mang tính thiết chế. Các nhà nghiên cứu xã hội học Việt Nam muốn tìm hiểu ở điều kiện nào thì mô hình tổ chức xã hội trong hoạt động của các cá nhân và quan hệ giữa các cá nhân sẽ biến đổi từ khung cảnh bên trong gia đình, thân tộc, đến các tổ chức bên ngoài gia đình; mối liên hệ giữa quá trình biến đổi mang tính thiết chế đó với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa diễn ra như thế nào trong thực tế. Mục đích của hiện đại hóa trong những hoàn cảnh như vậy nhằm biến đổi xã hội thành một quốc gia tiên tiến bằng cách sáp nhập những bộ phận văn hóa truyền

thống vào trật tự xã hội mới. Các kết quả nghiên cứu của các nhà xã hội học về gia đình cũng đã chỉ ra rằng sự biến đổi trong mô hình nơi ở và quan hệ thân tộc phản ánh xu hướng thu nhỏ quy mô gia đình, trong đó kinh tế đóng vai trò quan trọng. Nhiều nghiên cứu cho thấy sự tác động của môi trường sống tới các quan hệ của các thành viên trong và ngoài gia đình.

Kế thừa các nghiên cứu trước đó, nghiên cứu này tập trung xem xét nếp sống sinh hoạt của các gia đình khu đô thị mới dưới các tác động của các nhân tố kinh tế, xã hội, văn hoá xã hội.

1.2. Các lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu

1.2.1. Lý thuyết hành động xã hội

Những người đề xướng phải kể đến như V.Pareto, M.Weber, G.Mead, T.Parsons,... lý thuyết hành động xã hội được vận dụng để giải thích các hành động ứng xử của các thành viên trong gia đình.

“Theo M. Weber, hành động được gọi là hành động xã hội khi nó tương quan và định hướng vào hành động của những người khác theo cái ý đã được nhận thức bởi chủ thể hành động”. [Vũ Hào Quang, 1997, tr. 92-96]

Ông chỉ ra rằng khi con người hành động thì luôn có nội dung, ý nghĩa chủ quan. Do đó, chúng ta phải xâm nhập vào thế giới tình cảm, thế giới suy nghĩ nếu muốn giải thích hành động của người đó.

Để nghiên cứu hành động xã hội, M. Weber đưa ra phương pháp hiệu. Ông đã xây dựng một hệ thống kiểu mẫu hành

động xã hội, bao gồm 4 dạng hành động căn bản: hành động theo cảm xúc, hành động mang tính truyền thống, hành động duy lý giá trị và hành động hợp mục đích.

Hành động theo cảm xúc: phần lớn hành động của con người được thực hiện do cảm xúc. Hành động được thúc đẩy bởi những tình cảm như thế thì khó kiểm tra, thường tự phát. Tính tự phát của hành động theo tình cảm là duy nhất. Bởi vì, cùng con người ấy, trong cùng hoàn cảnh ấy, có thể hành động rất khác nhau, do cảm xúc. Hành động này là khó nghiên cứu nhất.

Hành động mang tính truyền thống: con người hành động do nhân tố quan trọng là thói quen và truyền thống. Họ hành động xuất phát từ cái đã được học và cho là đúng. Trong mỗi nền văn hóa đều có những quy tắc cơ bản mà người ta cần thực hiện theo, không cần suy nghĩ về chúng. Hành động truyền thống có một đặc tính hầu như là quá trình tự động, nó đã được phân biệt bởi khuynh hướng của chủ thể trong bất kỳ tình huống nào để định hướng vào những hành vi quen thuộc, lặp đi lặp lại chứ không phải là để khám phá những khả năng mới mẻ cho hành động. Hành động theo truyền thống chỉ là phản ứng tự nhiên đối với kích thích quen thuộc đang tồn tại trong một khuôn khổ tâm thể đã từng được thiết lập.

Hành động duy lý giá trị: hành động theo giá trị khác hành động theo truyền thống. Nếu hành động theo truyền thống không cần đắn đo, suy nghĩ nhiều thì hành động theo giá trị lại cần kiểm tra xem nó có đem lại giá trị nào đó hay không. Nói cách khác, hành động này có thể nhằm vào mục đích phi lý nhưng lại được thực hiện bằng công cụ, phương tiện duy lý có tính toán đến giá trị.

Khi phân tích hành động hợp lý về giá trị, ta thấy nổi bật lên vai trò của yếu tố khách quan, buộc chủ thể phải cân nhắc và thận trọng, để lựa chọn những gì mà nó cho là có ý nghĩa, có giá trị. Hành động này là loại hành động tuân thủ theo quy tắc của hành vi chuẩn. Hành động hợp lý về giá trị được thực hiện bởi niềm tin của chủ thể vào giá trị đã được hình thành trong đời sống xã hội thông qua các hoạt động của các thiết chế chủ yếu như gia đình, kinh tế, chính trị, giáo dục, tôn giáo,... Hành động loại này luôn phụ thuộc vào những đòi hỏi nào đó đối với chủ thể. Khi hành động chủ thể nhận thức được nghĩa vụ của mình, lúc đó nó thực hiện nghĩa vụ phù hợp với những đòi hỏi được đo bằng thang giá trị mà cá nhân đã lĩnh hội được, chỉ khi đó ta thấy hành động cá thể hợp với giá trị (theo phán xét của chính cá thể đó).

Hành động hợp mục đích: cho thấy nỗ lực của cá nhân trên cơ sở phân tích, định hướng vào điều kiện, hoàn cảnh để xác định sự hợp lý về mục đích hành động của mình. Loại hành động này được xác định bởi sự rõ ràng, tính giá trị duy nhất của mục đích, tương ứng với nó là những phương tiện đã được ý thức một cách hợp lý nhằm đảm bảo cho việc chiếm lĩnh hành động. Tính hợp lý của mục đích được thỏa mãn trên 2 phương diện: *hợp lý về nội dung của chính mục đích và hợp lý về phương tiện được chủ thể lựa chọn.* Hành động hợp lý về mục đích đòi hỏi chủ thể hành động cần có những cân nhắc, tính toán hợp lý để có những phản ứng phù hợp, đồng thời tận dụng hành vi của những người xung quanh để đạt mục đích mình đã đặt ra. Theo M. Weber, hành động hợp lý về mục đích có ưu điểm về mặt phương pháp luận, đóng vai trò mô hình mà theo đó các loại hành vi của con người được hình thành và xây dựng trên cơ sở những hoàn cảnh cụ thể.

Bốn kiểu hành động này không tách rời nhau một cách minh bạch. Trong số những hành động của con người, có những hành động vì mục đích, có hành động vì một giá trị nào đó, hay hành động theo cảm xúc hoặc hành động tuân thủ các giá trị truyền thống. Trên thực tế rất hiếm khi hành động của con người thuần túy thuộc về một trong 4 loại đã nêu, nó thường là sự kết hợp giữa các loại hành động đó. Trong quá trình con người hành động, tương tác với nhau, con người luôn suy nghĩ lựa chọn phương án hành động, qua tìm hiểu phương thức hành động và cách biểu đạt nó, ta có thể nhận ra ý nghĩa của họ.

Qua việc phân tích cấu trúc của hành động xã hội, ta thấy vận dụng lý thuyết này vào xem xét hành vi ứng xử của các thành viên trong gia đình. Xác định chủ thể của hành vi ứng xử trong gia đình cho chúng ta biết về các đặc trưng của các nhóm người ở các khu dân cư khác nhau. Chúng ta cần tìm hiểu xem các đặc trưng của chủ thể hành động có tác động như thế nào tới hành vi ứng xử của họ. Hoàn cảnh, môi trường của hành động chính là bối cảnh bên trong cũng như bên ngoài của các gia đình. Những hoạt động diễn ra trong và ngoài gia đình đều có những tác động nhất định tới những hành vi ứng xử trong gia đình. Xem xét công cụ, phương tiện của hành động tức là chúng ta xem xét việc các thành viên trong gia đình đối xử như thế nào với nhau, thậm chí cả việc đối xử giữa các thành viên trong gia đình này với gia đình khác.

1.2.2. Lý thuyết chức năng

Lý thuyết chức năng có thể dùng để lý giải các hoạt động diễn ra trong và ngoài gia đình, lý giải sự tương tác của các thành viên trong gia đình cũng như mối quan hệ xã hội của gia đình.

Lý thuyết chức năng phân tích cấu trúc các nhóm xã hội và các mối quan hệ giữa các nhóm xã hội đó. Quan điểm này coi xã hội là một cơ thể, bao gồm nhiều bộ phận cấu thành. Các bộ phận này có các chức năng riêng và hoạt động tương tác với nhau tạo ra sự hoạt động của cơ thể xã hội.

Tiếp cận nghiên cứu gia đình theo thuyết chức năng cần xem xét gia đình là một đơn vị xã hội với những chức năng cơ bản trong đó.

Talcott Parsons nhà xã hội học Mỹ có ảnh hưởng và nổi tiếng nhất vào những năm đầu sau thế chiến thứ hai, cho thấy tầm quan trọng của gia đình như một tác nhân xã hội chủ yếu đối với sự tiến bộ của trẻ em qua một số giai đoạn phát triển. Trong mỗi trường hợp, vai trò của bố mẹ, con trai, con gái được phân biệt rõ ràng (mỗi người có vai trò và chức năng riêng). Talcott Parsons cũng nhấn mạnh ý kiến cho rằng gia đình chỉ là một hệ thống nhỏ trong hệ thống xã hội. Dần dần, có một số tiểu hệ thống trong gia đình, như quan hệ giữa mẹ và con và tiểu hệ thống hôn nhân một vợ một chồng, cả hai tiểu hệ thống này được nghiên cứu riêng. Điều liên kết tất cả các tiểu hệ thống này với nhau trong gia đình lẫn xã hội là sự nhất trí cao về điều tốt và quan trọng. Ông cũng nhấn mạnh rằng trong khi gia đình cho phép con em mình phát triển nhân cách và vai trò của chúng trong gia đình và điều này cũng quan trọng khi trẻ em nhận thức vai trò to lớn hơn của chúng trong xã hội, đặc biệt là từ bạn bè và trường học để chúng thực hiện vai trò trưởng thành hoàn thiện trong xã hội.

Theo lý thuyết của ông về tiến hóa xã hội, xã hội biến đổi qua một quá trình "phân hóa về cấu trúc", nghĩa là các thể chế tiến hóa bằng cách chuyên biệt

hóa vào ít chức năng hơn. Gia đình không còn thực hiện nhiều chức năng như trước nữa, mà có sự chuyển giao bớt các chức năng của gia đình cho các thể chế khác (nhà trường, bệnh viện, nhà thờ, nhà trẻ v.v...). Gia đình mất đi nhiều chức năng và gần như trở thành "không còn chức năng" nữa. Cụ thể: trừ một số ngoại lệ, nó không còn tham gia nhiều vào hoạt động kinh tế - sản xuất; nó không phải một đơn vị quan trọng trong hệ thống quyền lực chính trị v.v... Các thành viên riêng lẻ của gia đình tham gia vào tất cả những chức năng trên, nhưng với tư cách cá nhân, không phải với tư cách thành viên gia đình.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa tầm quan trọng của gia đình đang suy giảm, mà đúng hơn, gia đình trở nên chuyên biệt hơn; vai trò của nó vẫn mang tính chất sống còn.

Theo ông, trong xã hội Mỹ hiện đại, gia đình vẫn còn hai chức năng "cơ bản và không thể quy giản", và hai chức năng này cũng tồn tại trong gia đình ở mọi xã hội. Đó là "xã hội hóa sơ cấp đối với trẻ em và ổn định nhân cách người lớn".

1. Xã hội hóa sơ cấp là xã hội hóa diễn ra vào những năm đầu đời và chủ yếu trong gia đình (còn xã hội hóa thứ cấp diễn sau đó, và gia đình ít tham gia hơn, trong khi các tác nhân khác như nhóm bạn cùng tuổi và nhà trường có ảnh hưởng ngày càng tăng).

Trong xã hội hóa sơ cấp có hai quá trình cơ bản: nhập tâm nền văn hóa của xã hội và cấu trúc hóa nhân cách.

Thứ nhất, nếu nền văn hóa không được nhập tâm, xã hội sẽ ngừng tồn tại, vì đời sống xã hội không thể diễn ra nếu vắng những chuẩn mực và giá trị chung được mọi người chia sẻ.

Thứ hai, văn hóa không chỉ được học hỏi, nó còn được nhập tâm và trở thành một bộ phận của cơ cấu nhân cách. Nhân cách của đứa con được nhào nặn theo những giá trị trung tâm của nền văn hóa, đến mức chúng trở thành một bộ phận của đứa con.

2. Một khi đã được tạo ra rồi, thì nhân cách cần được giữ ổn định. Đây là chức năng cơ bản thứ hai của gia đình.

Ở đây, nhấn mạnh quan hệ hôn nhân và sự an ninh về tình cảm mà cặp vợ chồng dành cho nhau. Đây là đối trọng với những căng thẳng trong đời thường hàng ngày vốn có xu hướng làm nhân cách mất ổn định. Chức năng này đặc biệt quan trọng ở xã hội công nghiệp hiện đại phương Tây, vì gia đình phần lớn cô lập với mạng lưới thân tộc (vì thế ông gọi nó là "gia đình hạt nhân biệt lập" - isolated nuclear family). Khi không còn nền an ninh mà mạng lưới thân tộc trước đây mang lại, cặp vợ chồng càng cần sự hỗ trợ tình cảm của nhau.

[Mai Huy Bích, 2003, tr.209-210]

Những nghiên cứu mới đây cho thấy xã hội là một mạng lưới những tiểu hệ thống với mạng lưới quan hệ phụ thuộc phức tạp. Quan niệm vai trò đóng góp lớn, làm nổi bật sự việc chức năng của cùng một con người tham gia vào nhiều hệ

thống xã hội và có nhiều vai trò đa dạng. Quan điểm chức năng cho rằng mỗi cá nhân từ khi sinh ra đã được tương tác với một môi trường xã hội rộng lớn mà cơ bản nhất là từ gia đình. Khi các cá nhân lớn lên, thể đứng trong xã hội của nó thay đổi, vị thế ban đầu của cá nhân lớn dần lên theo sự phát triển của gia đình và xã hội.

Theo quan điểm này, gia đình hạt nhân phải được định vị cân xứng với các tiểu hệ thống xã hội khác. Các thành viên, các mối quan hệ trong gia đình tạo thành các tiểu hệ thống, chẳng hạn các cặp vợ chồng là một tiểu hệ thống, những đứa trẻ cùng toàn thể anh chị em nó, hay tất cả người phái nam, người phái nữ trong gia đình,... Thực ra đây là sự kết tổng hợp các mối quan hệ đan xen trong gia đình và như vậy nếu gia đình càng ít người thì số tiểu hệ thống càng nhỏ.

Có nhiều hình thức tổ chức quan hệ giữa các tiểu hệ thống gia đình, giữa các hệ thống xã hội với nhau. Có một số chức năng rất quan trọng đối với mục đích phân tích, nghiên cứu về gia đình. Các cấu trúc tạo ý nghĩa cho gia đình phải được phân định rõ ràng hơn.

Quan điểm chức năng phù hợp cho các nhà nghiên cứu khi họ đứng tiếp cận đối tượng từ phía bên ngoài để xem xét các sự vật hiện tượng, các chức năng vận hành bên trong gia đình. Bản thân các thành viên trong gia đình khó có thể nhận ra các hoạt động đó.

Nghiên cứu gia đình Việt Nam theo cách tiếp cận chức năng đòi hỏi phải xem xét tới các chức năng của gia đình Việt Nam, qua đó đề cập đến những đóng góp của gia đình Việt Nam vào phát triển xã hội. Tìm hiểu mối quan hệ giữa các

chức năng giữa gia đình Việt Nam và các bộ phận khác trong xã hội như mức độ hội nhập của gia đình với hệ thống chính trị xã hội của quốc gia. Tiếp cận chức năng trong nghiên cứu gia đình cũng cần xem xét sự tác động của các chức năng trong gia đình tới các thành viên sống trong nó. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường các mô hình đời sống gia đình Việt Nam cũng đang có những thay đổi. Nếp sống, sinh hoạt các gia đình đô thị ngày nay đang biến đổi một cách đa dạng, phong phú. Nhiều mô hình gia đình mới đã xuất hiện từ đó dẫn đến sự thay đổi chức năng và vai trò của gia đình. Những mô hình gia đình mới xuất hiện đó hình thành và tác động tới sự phát triển của xã hội như thế nào?

Những vấn đề kể trên là những vấn đề ra đặt ra khi vận dụng quan điểm chức năng vào nghiên cứu các gia đình tại Việt Nam.

1.2.3. Lý thuyết tương tác biểu trưng

Lý thuyết tương tác biểu trưng là quan điểm cho rằng các cá nhân trong quá trình tương tác qua lại với nhau không phản ứng đối với các hành động trực tiếp của người khác mà đọc và lý giải chúng.

Theo khái niệm, chúng ta luôn tìm được những ý nghĩa gán cho mỗi hành động cử chỉ đó tức là các biểu tượng. Chỉ khi chúng ta đặt mình vào vị trí của đối tượng tương tác, ta mới có thể hiểu hết ý nghĩa của những phát ngôn, những cử chỉ, hành động của họ. Đặc biệt đối với trẻ nhỏ khi mà khả năng nhận thức và tư duy còn giản đơn nên để giao tiếp với trẻ chúng ta cần phải đặt mình vào vị trí của trẻ để hiểu chúng và lý giải được những suy nghĩ, hành động của trẻ.

Tất cả những vật thể, hình ảnh, hành động, cử chỉ xung quanh chúng ta có thể được con người gán cho những ý nghĩa và trở thành biểu tượng trong giao tiếp. Ví dụ khi cha mẹ không đồng ý với hành động của trẻ thì cha mẹ sẽ lắc đầu hoặc đồng ý thì sẽ gật đầu...

Lý thuyết tương tác biểu trưng cũng không bỏ qua hệ thống biểu tượng quan trọng bậc nhất trong quá trình tương tác giữa các cá nhân đó là ngôn ngữ nói và viết. Bởi quá trình tương tác rất phong phú và đa dạng nhiều hành động được diễn đạt thông qua hệ thống các biểu tượng, những suy nghĩ, hành động của các đối tượng trong quá trình giao tiếp được biểu tượng biểu tượng hóa. Lý thuyết tương tác biểu trưng có rất nhiều quan điểm khác nhau trong đó nổi bật lên là quan điểm của Herbert Blumer và Mead.

Theo Mead, trẻ học cách tương tác với những người khác thông qua sự bắt chước và thấm nhuần một hệ thống chung các biểu tượng và cho phép có được sự thoả ước xã hội về ý nghĩa cho đến khi nào trẻ có thể hành động tương tác theo các vai trò khác nhau, thực hiện được sự đối thoại nội tại giữa cái tôi khách quan và cái tôi chủ quan, và quan hệ giữa các nhóm xã hội được xem như là : “Sự khái quát, tổng hợp về những vấn đề khác ”.

Thông qua các biểu tượng, ý nghĩa hình thành, các cá nhân thường được xem là duy nhất vì họ có thể hình dung được hệ quả của các hình thức giao tiếp biểu tượng đối với những cá nhân khác.

Theo quan điểm của Herbert Blumer, tương tác luận biểu trưng dựa trên ba luận đề sau:

Thứ nhất: Con người hành động dựa trên cơ sở các ý nghĩa mà họ gán cho các đối tượng và sự kiện hơn là hành động nhằm phản ứng lại với những kích thích bên ngoài như các động lực xã hội hay với những kích thích bên trong như các bản năng. Do đó, tương tác luận biểu trưng phủ nhận cả quyết định luận sinh học lẫn quyết định luận mang tính thiết chế xã hội.

Thứ hai, các ý nghĩa nảy sinh từ quá trình tương tác hơn là có ngay từ khi bắt đầu và định hình hành động tương lai. Các ý nghĩa được sáng tạo, cải biến, phát triển và thay đổi trong các tình huống tương tác hơn là được cố định và xác định trước. Trong quá trình tương tác, chủ thể không tuân thủ một cách nô lệ các chuẩn mực được xác định trước. cũng không máy móc thực hiện các vai trò được thiết lập chính thức.

Thứ ba, các ý nghĩa là kết quả của những thủ tục lý giải mà các chủ thể thực hiện trong bối cảnh tương tác. Bằng việc đóng vai trò của người khác, chủ thể lý giải các ý nghĩa và ý định của người khác. Bằng cơ chế "tự tương tác", các cá nhân biến cải hoặc thay đổi cách xác định của họ về tình huống, nhằm lại các chuỗi hành động thay thế hay loại trừ nhau và cân nhắc những hậu quả khả dĩ.

Như vậy, các ý nghĩa chỉ đạo hành động nảy sinh trong quá trình tương tác thông qua một chuỗi những thủ tục lý giải phức tạp. Cách tiếp cận này chủ yếu áp dụng vào nghiên cứu quá trình xã hội hóa trẻ em.

Theo cách tiếp cận này, con người ta phát triển quan niệm về bản thân thông qua cái nhìn, quan điểm của người khác về họ, thông qua sự tương tác với những người đóng vai trò quan

trọng trong đời sống cá nhân (như cha mẹ, thầy cô giáo, bạn cùng tuổi hay thậm chí các ca sĩ, ngôi sao điện ảnh, vận động viên v.v...). Nhưng nếu người này tạo thành nhóm quy chiếu cho trẻ em, các em sẽ ngưỡng mộ họ và dùng họ làm mô hình hoặc điểm quy chiếu để chỉ dẫn hành vi của mình, để phát triển ý thức về bản thân và quan điểm ứng xử với xã hội.

Thuyết tương tác biểu trưng coi xã hội hóa là một quá trình, theo đó trẻ em tham gia vào sự hình thành bản sắc của mình. Gần đây đã xuất hiện quan điểm coi đứa trẻ là một chủ thể hành động tích cực. Theo họ, đứa trẻ cùng tạo nên sự phát triển của bản thân. Ví dụ một bà mẹ chỉ có thể dạy con mình đọc nếu đứa trẻ hợp tác với mẹ và tích cực tham gia. Quan điểm này lấy cảm hứng từ thuyết tương tác biểu trưng.

Thuyết tương tác biểu trưng phản ánh sự vận hành hàng ngày của quan hệ con người tốt hơn thuyết chức năng. Song cũng có một số khuyết điểm:

1. Nó có xu hướng giảm đến tối thiểu vai trò của quyền lực trong quan hệ vợ chồng.
2. Nó xét chúng ta chỉ như một tổng số các vai trò mà không giải thích đầy đủ các khía cạnh tình cảm của đời sống con người.
3. Nó không xét hôn nhân và gia đình trong một bối cảnh xã hội rộng hơn, do đó bỏ qua hoặc giảm đến tối thiểu những thể lực tác động đến gia đình từ bên ngoài.

Như vậy, vận dụng lý thuyết này khi nghiên cứu gia đình ở Việt Nam đặc biệt bổ ích khi xem xét quan hệ cha mẹ và con cái. Nó sửa chữa những khuyết điểm vốn có ở các lý thuyết trước đây về xã hội hóa và sự phát triển trẻ em vì các

lý thuyết đó coi trẻ em là đối tượng thụ động nhận sự tác động của cha mẹ.

Lý thuyết này cũng được sử dụng để phân tích sự thích ứng về mặt hôn nhân trong các gia đình Việt Nam, thanh niên nam nữ hẹn hò tìm hiểu nhau và chọn vợ chọn chồng. Nó quan tâm đến cách con người ta tác động qua lại với nhau mà nhân tố then chốt là giao tiếp. Trong một mối quan hệ, không phải bao giờ mọi việc đều rõ ràng, và chúng ta cần làm rõ nó. Cách thức làm rõ là thông qua giao tiếp và chúng ta giao tiếp với nhau bằng nhiều hình thức như: ngữ điệu, bằng cử chỉ, động tác v.v...

1.2.4. Lý thuyết trao đổi xã hội và lựa chọn hợp lý

Các nhà lý thuyết kinh tế như Adam Smith, David Ricardo, John Stuart Mill và Jeremy Bentham trong giai đoạn từ 1770 đến 1850 đã có những đóng góp rất quan trọng đối với tư duy kinh tế và tư duy xã hội. Họ là những đại diện tiêu biểu của thuyết vị lợi. Với các nhà kinh tế cổ điển này thì con người được xem như có tính duy lý khi tìm cách để tối đa hóa lợi ích vật chất hay lợi ích của họ từ sự giao dịch hay trao đổi với những người khác trong nền kinh tế thị trường tự do và cạnh tranh. Thuyết vị lợi giả định rằng hành động của con người có tính mục đích và mục tiêu, được định hướng bởi một trật tự về sự ưa thích và đó là hợp lý theo nhiều cách: (1) chủ thể hành động tính toán các lợi ích và sự ưa thích trong việc lựa chọn cách thức hành động; (2) chủ thể hành động cũng tính toán đến chi phí cho mỗi phương pháp và (3) chủ thể hành động cố gắng tối đa hóa những lợi ích của họ trong khi theo đuổi một sự lựa chọn cụ thể nào đó. Quan điểm của lý

thuyết này đã có ảnh hưởng tới xã hội học, trong đó có lý thuyết trao đổi. Lý thuyết trao đổi hiện đại có một số giả định chính như sau:

Cá nhân không tìm kiếm để tối đa hóa lợi ích mà họ luôn luôn cố gắng đạt được một số lợi ích trong những sự giao dịch với những người khác

Không có sự hợp lý hoàn hảo, nhưng con người luôn cố gắng tính toán các chi phí và lợi ích trong những sự giao dịch xã hội.

Không có thông tin đầy đủ về tất cả những phương án có thể có do hành động xã hội mang lại, nhưng các cá nhân luôn nhận thức về vài cách, nhưng đủ để hình thành nên cơ sở cho các đánh giá chi phí và lợi ích.

Các cá nhân luôn hành động cạnh tranh với người khác để tìm kiếm lợi ích trong những mối giao dịch của họ.

Các cá nhân cố gắng xoay sở trong các giao dịch kinh tế trong thị trường tự do được xác định một cách rõ ràng trong tất cả các xã hội, nhưng những giao dịch đó chỉ là một trường hợp đặc biệt của những mối quan hệ trao đổi nói chung xuất hiện trong cá nhân gần như trong tất cả các bối cảnh xã hội.

Việc theo đuổi những mục tiêu vật chất trong trao đổi của các cá nhân đã huy động và trao đổi cả những nguồn lực phi vật chất, chẳng hạn như cảm xúc, các dịch vụ và các biểu tượng.

Lý thuyết trao đổi này đã được nhiều nhà nghiên cứu vận dụng vào để tìm hiểu gia đình. Như vậy, những quan điểm nghiên cứu gia đình từ lý thuyết trao đổi và lựa chọn hợp lý đã gợi ra việc vận dụng lý thuyết này trong một số hướng nghiên

cứu về gia đình ở Việt Nam. Lý thuyết trao đổi và lựa chọn hợp lý được dùng để xem xét sự hoạt động trong gia đình của các nhóm dân cư, phân tích những những lợi ích trong các mối quan hệ của các thành viên trong gia đình. Hoặc áp dụng lý thuyết này vào phân tích sự thay đổi các mô hình chọn lựa các hình thức sinh hoạt giải trí gia đình.

1.3. Khái niệm công cụ

1.3.1. Nếp sống, lối sống

Nếp sống: Nếp sống là những khuôn mẫu hành vi đã định hình ở một cá nhân hay một nhóm xã hội. Trong những môi trường sống cụ thể nếp sống được hình thành như hệ thống chuẩn mực chung được thừa nhận rộng rãi trở thành thói quen và người ta cứ theo đó thực hiện các hành vi ứng xử một cách tự nhiên.

Nếp sống được thể hiện qua cách thức tổ chức cuộc sống, sinh hoạt ổn định của các thành viên trong gia đình, gồm cả hoạt động nghề nghiệp, vui chơi giải trí, giáo dục con cái, ăn ngủ, cũng như những hoạt động trong ngày lễ tết. Nó được thể hiện qua mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Đó là toàn bộ sự phân công thực hiện các nhiệm vụ khác nhau giữa các thành viên nhằm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của mỗi gia đình. Nếp sống được hình thành từ những hoạt động hàng ngày của gia đình tạo thành thói quen trong các hành vi ứng xử trong các mối quan hệ trong và ngoài gia đình.

Cần phân biệt nếp sống và lối sống. Nếp sống thường có phạm vi hẹp trong một gia đình. Còn lối sống có phạm vi rộng như lối sống của một dân tộc, một giai cấp, một quốc gia. Vì

vậy, trong gia đình, người ta thường dùng thuật ngữ "nếp sống" còn ngoài xã hội, người ta dùng thuật ngữ "lối sống", như "lối sống xã hội chủ nghĩa"...

Nếp sống của mỗi gia đình khác biệt nhau bởi các yếu tố:

- Môi trường sống.
- Điều kiện kinh tế.
- Tính chất nghề nghiệp: trí thức, công nhân...

Ngoài các điểm khác biệt đó, nếp sống gia đình cũng có nhiều điểm chung, đó là:

Tổ chức đời sống gia đình, vấn đề cơ bản là giải quyết các nhu cầu vật chất về ăn, ở, mặc... Để giải quyết các nhu cầu đó, các thành viên phải có nghề nghiệp ổn định đảm bảo sự tồn tại và phát triển gia đình. Mỗi nghề nghiệp đòi hỏi phải có một số phẩm chất, nhân cách riêng. Chẳng hạn, nghề nông do người lao động thường xuyên tiếp xúc với thiên nhiên, đất đai, cây cỏ, sông nước... nên tính thường thật thà, chất phác..., quan hệ giữa con người có tình làng nghĩa xóm. Nghề buôn bán, thường tiếp xúc với hàng hóa, thương trường, giá cả, lỗ, lãi... nên tiếp xúc với khách hàng đòi hỏi cởi mở, dễ mến, có duyên để thu hút khách hàng, và họ cũng phải tính toán lỗ, lãi nên dễ xảy ra thiếu trung thực, khách sáo, tình cảm dễ thay đổi... Những phẩm chất nhân cách nghề nghiệp ấy, con cái tự tiếp thu, tích lũy thường tạo thành phong cách sống tương tự như cha mẹ chúng. Nghề nghiệp còn quyết định đến cách ăn, ở, sinh hoạt. . và trở thành "thói quen" của mỗi người.

Sắp xếp, tổ chức lao động trong gia đình, bao gồm sự phân công lao động hợp lý theo lứa tuổi, khả năng để làm các công

việc cho nhu cầu sinh hoạt hay giữ vai trò lao động chính kiếm tiền cho gia đình. Qua lao động hình thành thói quen nếp sống tốt: cần cù, nhẫn nại, tỉ mỉ, thận trọng, tác phong nhanh nhẹn, chính xác và có tinh thần trách nhiệm.

Tổ chức tốt đời sống văn hóa tinh thần cho mỗi thành viên tùy theo sở thích và thói quen của mỗi người như báo chí, phim ảnh... hay giao tiếp với bạn bè. Các nhu cầu này cần duy trì thường xuyên, ổn định sẽ tạo ra sự cân bằng trong đời sống tinh thần của mỗi thành viên, như vậy mới giúp con người có phong thái điềm tĩnh, thận trọng tự tin. Mất cân bằng về đời sống tinh thần, con người dễ sinh ra cáu gắt, xích mích, tạo thành mối bất hòa giữa các thành viên bởi suy nghĩ chưa chín chắn, khiến cho hành động hấp tấp, nóng vội thiếu chính xác. Nhu cầu giao tiếp giữa các thành viên là nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống gia đình. Giao tiếp, ứng xử với nhau biểu hiện qua cử chỉ và lời nói mà giữ được bầu không khí tâm lý gia đình yên ấm, hòa thuận hay căng thẳng ngột ngạt "bằng mặt mà không bằng lòng".

Hành vi ứng xử của mọi người trong gia đình là biểu hiện toàn bộ nhận thức, thái độ của người đó với gia đình. Mỗi gia đình có một nếp sống, một truyền thống, mỗi con người có một tính cách khác nhau, đòi hỏi ta phải hiểu biết phong tục, nếp sống của gia đình đó. Nếp sống, truyền thống, phong tục tập quán sẽ tạo ra nhân cách con người, trong đó một phần nhân cách là của ông bà, cha mẹ, những người thân trong gia đình hợp thành nhằm hoàn thiện con người.

Lối sống

Lối sống được hiểu là một khái niệm ở phạm vi rộng hơn, nó là phương thức sống cách thức tổ chức của một dân tộc,

một giai cấp, một quốc gia như “Lối sống xã hội chủ nghĩa, lối sống thời Pháp thuộc” ... Lối sống là một thói quen có định hướng, có chất lượng lý tưởng, là phương cách thể hiện tổng hợp tất cả các cấu trúc, nền văn hoá, đặc trưng văn hoá của một cộng đồng. Lối sống không chỉ là hành vi như cách đi lại, ăn nói, nó là hành vi hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm tư duy, làm việc và phương cách xử lý các mối quan hệ .

Ngược dòng lịch sử, vào tháng 7/1984, Bộ Văn hoá có tổ chức một Hội nghị khoa học tại Hà Nội bàn về lối sống xã hội chủ nghĩa. Tiếp thu ý kiến của các nhà khoa học tại Hội nghị này, Cục Văn hoá - Thông tin cơ sở đã đúc kết: “Thuật ngữ lối sống có sự kết hợp biện chứng yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần, gắn liền với phương thức sản xuất của xã hội, với chế độ chính trị xã hội, với hình thái kinh tế - xã hội. Xây dựng lối sống là xây dựng một hình thái kinh tế - xã hội, một nền văn hoá xã hội”; còn: “Thuật ngữ nếp sống hàm chứa ý nghĩa hẹp hơn. Nếp sống bao gồm những cách thức, hành động và suy nghĩ, những quy ước được lặp đi lặp lại hàng ngày trở thành thói quen, tập quán trong sản xuất, sinh hoạt, trong phong tục, lễ nghi, trong hành vi đạo đức, pháp luật.

Lối sống nói lên tính định hướng, định tính, chỉ ra phương châm chính trị và tư tưởng của vấn đề, còn nếp sống nói lên tính định hình, định lượng.

[Nguyễn Hữu Thức: 2010]

Như thế, lối sống là những cách thức, phép tắc tổ chức và điều khiển đời sống cộng đồng đã được thừa nhận rộng rãi thành các qui tắc chuẩn mực chung.

Lối sống có quan hệ chặt chẽ với phương thức sản xuất của mỗi thời đại, C.Mác đã viết trong *Hệ tư tưởng Đức*” như sau: *“Không nên nghiên cứu phương thức sản xuất ấy đơn thuần theo khía cạnh nó là sự tái sản xuất ra sự tồn tại thể xác của cá nhân. Mà hơn thế, nó đã là một hình thức hoạt động nhất định của những cá nhân ấy, một hình thức nhất định của sự biểu hiện đời sống của họ, một lối sống nhất định của họ”* [C.Mác; Ph.Ăngghen: 2004]. Như thế, phương thức sản xuất, theo Mác, là cơ sở đầu tiên để chúng ta nghiên cứu, tìm hiểu về lối sống.

Cũng từ đó có thể kết luận rằng mỗi tầng lớp, mỗi nhóm người có lối sống riêng của mình. Tuy nhiên, lối sống hình thành và thể hiện không chỉ trong lao động sản xuất, mà cả trong nhiều lĩnh vực khác như hoạt động xã hội, hoạt động chính trị, hoạt động tư tưởng văn hoá, thể dục thể thao...

Lối sống bao gồm nhiều yếu tố cấu thành như:

- Cách thức lao động, làm ăn, kinh doanh...
- Các phong tục tập quán.
- Cách thức giao tiếp, ứng xử với nhau.
- Quan niệm về đạo đức và nhân cách.

Người ta không thể có lối sống, hay quyền hành động, tự do tuyệt đối.

Trên thực tế bao giờ cũng có những sự ràng buộc nhất định. Một số chế độ chính trị quy định hay giám sát các hành vi sống. Một số nhà chính trị vô tình hoặc cố ý làm cho con người nhầm tưởng rằng tự nhiên họ đã bị ràng buộc như vậy. Thực ra, không nên chỉ huy hành vi mà nên chỉ huy các tiêu chuẩn văn hoá của hành vi. Khi người ta tạo ra các tiêu chuẩn văn hoá của hành vi thì tự nhiên con người cảm thấy rằng

minh không còn phải tuân thủ một người hoặc một lực lượng nào đó, mà hành động theo các tiêu chuẩn xã hội văn hoá.

Trên lý thuyết, người ta phân biệt giữa lối sống cộng đồng và lối sống cá nhân. Tuy nhiên, trong thời đại toàn cầu hoá, khái niệm này là tương đối.

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà không ai có thể đứng ngoài mối quan tâm và lợi ích chung, không quốc gia nào có thể đứng ngoài các mối quan tâm và quyền lợi của cộng đồng thế giới. Để tạo ra cuộc sống, người ta phải đi lại, va chạm, gia nhập vào cộng đồng thế giới. Trong xã hội hiện đại, nhờ những phương tiện kỹ thuật tiên tiến, sự giao lưu của con người không chỉ khắc phục được những hạn chế cố hữu về thời gian và không gian trước đây mà còn diễn ra với sự đổi mới cơ bản về chất, nghĩa là khoảng cách giữa lối sống cá nhân và lối sống cộng đồng càng ngày càng bị thu hẹp lại.

Cũng như hành vi cá nhân, lối sống cá nhân không tuyệt đối. Lối sống cá nhân bị lệ thuộc rất nhiều vào lối sống cộng đồng. Cộng đồng sống, với cá nhân đó, được định nghĩa như là một thói quen, một tiêu chuẩn được chấp nhận bởi cộng đồng sống thường xuyên mà người ta gọi là lưu trú, cư trú. Mật độ thời gian đi lại, giao lưu với các cộng đồng khác ngày càng lớn hơn do nhu cầu làm ăn phát triển, hội nhập, giao lưu... Như vậy, các cá nhân không những va chạm với cộng đồng mình mà còn va chạm với cộng đồng khác và các cộng đồng cũng va chạm với nhau. Điều này tạo ra sự hình thành các tiêu chuẩn về lối sống, về giao lưu rất đặc biệt trong thời đại của chúng ta.

Việc hình thành thói quen, lối sống, các tiêu chuẩn hành vi càng ngày càng trở nên phức tạp. Các tiêu chuẩn và phong thái có tính chất khu trú càng ngày càng bị bẻ gãy, nghiền nát, uốn mềm đi để phù hợp với tiêu chuẩn hội nhập. Hội nhập không

phải là vấn đề chính trị mà là qui luật của đời sống hiện đại. Nhiều nhà lãnh đạo quốc gia đang xây dựng những quan hệ song phương rời rạc, trong khi đó điều cần thiết và không thể tránh khỏi là phải xây dựng quan hệ đa phương thống nhất. Tất cả mọi người đều phải xây dựng một tiêu chuẩn sống, tiêu chuẩn hành vi của mình trên cơ sở hình thành các quan hệ đa phương. Vì vậy, lối sống phải được xây dựng trên tiêu chuẩn đa phương chứ không phải song phương như trước đây nữa. Các chính phủ đang cố gắng ký được các hiệp định kinh tế song phương. Ký hiệp định hợp tác kinh tế, đó chính là cách thoả thuận các lối sống về kinh tế. Nhưng việc ký các hiệp định song phương khác với những tiêu chuẩn khác nhau sẽ tạo cơ hội để các quan hệ song phương xé nát đời sống xã hội. Để tự bảo tồn trong các quan hệ song phương, người ta phải có một số tiêu chuẩn cơ bản để ứng xử và tiêu chuẩn ấy phải không thiên vị với từng cặp quan hệ song phương. Trong thời đại chúng ta, con người không thể sắp xếp một cách nhân tạo để tạo ra yếu tố đa phương trong các quan hệ song phương. Các cặp quan hệ song phương có tính trội sẽ tạo ra tính chỉ huy trong việc hình thành các tiêu chuẩn đa phương của hành vi.

1.3.2. Gia đình

Gia đình là một phạm trù xuất hiện rất sớm trong lịch sử xã hội loài người và không ngừng biến đổi cùng với những bước tiến của nền văn minh nhân loại. Lịch sử loài người đã trải qua nhiều dạng gia đình khác nhau. Ph.Ăng-ghe-nơ đã khái quát lại rằng *“Có 3 hình thức hôn nhân chính, tương ứng về đại thể với 3 giai đoạn phát triển chính của nhân loại. Ở thời đại mông muội, có chế độ quần hôn; ở thời đại dã man có chế độ hôn nhân cặp đôi; ở thời đại văn minh có chế độ hôn nhân một vợ một chồng”*. [C.Mác, Ph. Ăngghen, 2004, tr.215]

Có thể nói, hình thức gia đình biến thiên theo lịch sử và khác nhau ở các xã hội khác nhau. Thế nhưng trong nhiều năm, các nhà xã hội học đã sử dụng định nghĩa của George Murdock về gia đình như là một chuẩn mực. Murdock định nghĩa gia đình là *“một nhóm xã hội được xác định bởi một nơi trú ngụ chung, sự cộng tác và tái sản xuất về kinh tế (bao gồm): những người trưởng thành của cả hai giới, trong đó có ít nhất là hai người duy trì mối quan hệ tình dục được xã hội công nhận, và một hoặc nhiều đứa trẻ, là con đẻ hay con nuôi, của những người trưởng thành có quan hệ như vợ chồng với nhau”*. [Charles L.Jones, Lorne Tepperman, Susannah J.Wilson, 2002 tr. 35-36]

Trong nghiên cứu Xã hội học, gia đình là một nhóm xã hội hình thành trên cơ sở các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc được nuôi dưỡng tuy không có quan hệ máu mủ. Các thành viên trong gia đình gắn bó với nhau về trách nhiệm và quyền lợi (kinh tế, văn hoá, tình cảm...).

Theo *Từ điển xã hội học* thì gia đình được định nghĩa như sau: *“Gia đình là nhóm người gắn bó với nhau bằng mối quan hệ hôn nhân, huyết thống hay là việc nhận con nuôi. Có sự tác động qua lại giữa vợ và chồng, giữa bố và mẹ, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em và họ hàng xa hơn ...”* [Nguyễn Khắc Viện, 1994 tr.130]

Khái niệm gia đình được hiểu một cách chung nhất: *“Gia đình là một thiết chế xã hội liên kết con người lại với nhau nhằm thực hiện việc duy trì nòi giống và chăm sóc con cái. Các mối quan hệ gia đình còn được gọi là mối quan hệ họ hàng. Đó là những sự liên kết ít nhất cũng là của hai người*

dựa trên cơ sở huyết thống, hôn nhân và việc nhận con nuôi.” [Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, 2007, tr.54]

Gia đình thường được hiểu là một nhóm xã hội đặc thù. Khi đề cập đến gia đình như một nhóm xã hội, tức là phải có từ hai người trở lên để tạo nên gia đình. Nếu vì lí do nào đó, chỉ có một người sinh sống thì không tồn tại các mối quan hệ trong gia đình. Lúc đó gia đình cũng mất đi. Nếu hiểu theo nghĩa này, gia đình không chỉ là tập hợp các cá nhân có những mối liên hệ, ràng buộc bởi pháp luật và quan hệ máu mủ, gia đình còn bao gồm các những mối quan hệ giữa các cá nhân, thành viên trong gia đình. Vì vậy, gia đình được coi là nhóm xã hội đặc thù, bởi mức độ liên kết giữa các thành viên chặt chẽ hơn so với những nhóm xã hội khác.

Trong nghiên cứu này, điều đặc biệt quan tâm ở đây là gia đình với tư cách là một nhóm xã hội, với các mối quan hệ bên trong của nó, sự tác động qua lại trong nội bộ của các thành viên để thoả mãn những nhu cầu riêng tư của họ.

1.3.3. Cơ cấu nhân khẩu xã hội

Theo cuốn *Từ điển xã hội học* của Harper Collins thì khái niệm cơ cấu có hai nghĩa. Thứ nhất, cơ cấu được hiểu là “*bất cứ sự sắp đặt của các thành tố trong một khuôn mẫu xác định*”. Thứ hai, cơ cấu là “*những quy tắc làm nền tảng và chịu trách nhiệm cho sự tạo ra cơ cấu bề mặt*”. Cơ cấu theo quan niệm thứ hai xem xét tới “*các quy tắc và các nguồn lực, hàm ý trong sự tái sản xuất những hệ thống xã hội*” [Jary và Jary, 1991, tr. 500]. Đại từ điển Tiếng Việt định nghĩa cơ cấu là: “*1. Sự cấu tạo nội bộ của máy móc, hoặc một bộ phận hoàn chỉnh của máy; 2, Cách tổ chức, sắp xếp các thành phần, bộ phận trong nội bộ nhằm thực hiện một chức năng chung*”. [Nguyễn Như Ý, 1999, tr. 464].

“*Nhân khẩu*” là một khái niệm thường được dùng trong dân số học để thống kê một số dân nhất định theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân,... Đại từ điển Tiếng Việt viết “*nhân khẩu*” là “*người trong gia đình hay một địa phương, trong quan hệ phân phối sản phẩm cần thiết cho sinh hoạt*”, còn “*nhân khẩu học*” là “*ngành khoa học thống kê nghiên cứu thành phần, sự phân bố, sự phát triển và mật độ dân cư trên một địa bàn nhất định*”. [Nguyễn Như Ý, 1999, tr.1239].

Về khái niệm “*xã hội*” theo Từ điển xã hội học Harper Collins có hai ý nghĩa: “*1. Toàn bộ những mối quan hệ của con người; 2. bất cứ sự hợp thành nhóm nào của con người đang tồn tại và chiếm giữ một lãnh thổ bị giới hạn một cách tương đối, hầu như có văn hóa và những thiết chế riêng của chính nó*”. [Jary và Jary, 1991, tr.467].

Như vậy, khi xem xét cơ cấu của một nhóm nào đó thì *cơ cấu nhân khẩu* được hiểu là sự sắp đặt những người trong nhóm đó theo các đặc trưng về nhân khẩu và *cơ cấu xã hội* là sự sắp đặt những người trong nhóm đó theo các mối quan hệ xã hội của họ hoặc theo các đặc trưng nào đó có tính xã hội hay tính phổ biến.

Tóm lại, trong nghiên cứu này, *cơ cấu nhân khẩu* của các gia đình được tiếp cận dưới góc độ giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp.

1.3.4. Khu đô thị

Một đô thị hay khu đô thị là một khu vực có mật độ gia tăng các công trình kiến trúc do con người xây dựng so với các khu vực xung quanh nó. Các đô thị có thể là thành phố, thị xã, trung tâm dân cư đông đúc nhưng thuật ngữ này thông

thường không mở rộng đến các khu định cư nông thôn như làng, xã, ấp. Các đô thị được thành lập và phát triển thêm qua quá trình đô thị hóa. Đo đạc tầm rộng của một đô thị sẽ giúp ích cho việc phân tích mật độ dân số, sự mở rộng đô thị, và biết được các số liệu về dân số nông thôn và thành thị.

Không như một đô thị, một vùng đô thị không chỉ bao gồm đô thị mà còn bao gồm các thành phố vệ tinh cộng vùng đất nông thôn nằm xung quanh có liên hệ về kinh tế xã hội với thành phố đô thị cốt lõi, tiêu biểu là mối quan hệ từ công ăn việc làm đến việc di chuyển hàng ngày ra vào mà trong đó thành phố đô thị cốt lõi là thị trường lao động chính. Thật vậy, các đô thị thường kết hợp và phát triển như trung tâm hoạt động kinh tế, dân số trong một vùng đô thị lớn hơn.

Các vùng đô thị thường được định nghĩa bằng việc sử dụng các quận hoặc các đơn vị chính trị cấp quận làm đơn vị nền tảng. Quận có chiều hướng hình thành các ranh giới chính trị bất di bất dịch. Các kinh tế gia thường thích làm việc với các thống kê xã hội và kinh tế dựa vào các vùng đô thị. Các đô thị được dùng để thống kê thích hợp hơn trong việc tính toán việc sử dụng tỉ lệ đất quân bình trên đầu người và mật độ dân cư.

Theo định nghĩa của *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, đô thị là: “Không gian cư trú của cộng đồng người sống tập trung và hoạt động trong những khu vực kinh tế phi nông nghiệp”

1.3.5. Chung cư

Theo Điều 70 của Luật Nhà ở 2005 quy định

1. Nhà chung cư là nhà ở có từ hai tầng trở lên, có lối đi, cầu thang và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho nhiều hộ gia đình, cá nhân. Nhà chung cư có phần sở hữu

riêng của từng hộ gia đình, cá nhân và phần sở hữu chung của tất cả các hộ gia đình, cá nhân sử dụng nhà chung cư.

2. Phần sở hữu riêng trong nhà chung cư bao gồm:

a) Phần diện tích bên trong căn hộ, bao gồm cả diện tích ban công, lô gia gắn liền với căn hộ đó.

b) Phần diện tích khác trong nhà chung cư được công nhận là sở hữu riêng theo quy định của pháp luật.

c) Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với căn hộ, phần diện tích thuộc sở hữu riêng.

3. Phần sở hữu chung trong nhà chung cư bao gồm:

a) Phần diện tích nhà còn lại của nhà chung cư ngoài phần diện tích thuộc sở hữu riêng quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Không gian và hệ thống kết cấu chịu lực, trang thiết bị kỹ thuật dùng chung trong nhà chung cư, gồm khung, cột, tường chịu lực, tường bao ngôi nhà, tường phân chia các căn hộ, sàn, mái, sân thượng, hành lang, cầu thang bộ, thang máy, đường thoát hiểm, lồng xả rác, hộp kỹ thuật, nơi để xe, hệ thống cấp điện, nước, ga, thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình, thoát nước, bể phốt, thu lôi, cứu hoả và các phần khác không thuộc sở hữu riêng của căn hộ nào.

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài nhưng được kết nối với nhà chung cư đó.

Theo bách khoa toàn thư Encyclopedia Britanica 2006 [Britanica :2006]

Trong tiếng Anh hiện đại, từ “condominium” (được viết tắt là “condo”), là từ được sử dụng phổ biến để chỉ một công trình chung cư thay thế cho từ “apartment”. Khái niệm “chung

cư” (condominium) là một khái niệm cổ đã được người La Mã cổ đại sử dụng từ thế kỷ thứ 6 trước CN, trong tiếng Latin “con” có nghĩa là “của chung” và “dominium” là “quyền sở hữu” hay “sử dụng”. Ngày nay, condominium là một hình thức quyền sở hữu chứ không phải là hình thức tài sản nguyên vẹn. Một condominium được tạo ra dưới một khế ước về quyền sở hữu, đồng thời với việc ghi nhận khuôn viên khu đất và mặt bằng công trình trên vị trí xây dựng. Các căn hộ ở được tạo ra đồng thời và nằm bên trong khuôn viên khu đất chung cư. Khi một người sở hữu căn hộ chung cư condominium, anh ta có quyền sở hữu đối với không gian nằm giữa các bức tường, sàn và trần căn hộ của mình, và một quyền sử dụng chung không thể chia sẻ (undivided share) đối với tất cả “không gian chung” (common areas) thuộc khuôn viên dự án chung cư chứa căn hộ đó. Khái niệm chung cư condominium thường được sử dụng hoán đổi với nghĩa toàn bộ dự án chung cư hoặc dùng để chỉ từng căn hộ chung cư. Trên phương diện kỹ thuật, từ condominium dùng để chỉ dự án chung cư (project); còn từ “apartment” hay “unit” dùng để chỉ các căn hộ chung cư đơn lẻ. Condominium có thể có mọi hình dáng và kích cỡ, từ dạng tháp cao tầng cao cấp sang trọng cho tới những nhà chung cư cải tạo cũ kỹ.

Vậy có thể hiểu chung cư như sau: Chung cư là những khu nhà bao gồm một hay nhiều đơn nguyên, bên trong chung cư bố trí các căn hộ khép kín cho các gia đình sinh sống. “Chung cư” là dạng nhà ở không sở hữu đất, trong đó mỗi căn hộ chỉ dành riêng cho mục đích ở và có lối vào riêng tách từ diện tích chung của khu nhà chung cư. Chủ sở hữu căn hộ có quyền sử dụng chung tất cả không gian cộng đồng trong khuôn viên khu chung cư.

Chương 2

ĐẶC TRƯNG CÁC HỘ GIA ĐÌNH SỐNG TẠI CHUNG CƯ TRUNG HÒA - NHÂN CHÍNH

2.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính nằm ở Tây Nam Hà Nội. Diện tích khu vực nằm trên phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy và phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân (đôi khi một số phần của xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, phường Yên Hòa quận Cầu Giấy và phường Thanh Xuân Trung quận Thanh Xuân cũng được tính vào khu vực này). Trung Hòa - Nhân Chính được coi là một trung tâm mới của Hà Nội. Khu Trung Hòa - Nhân Chính là nơi tập trung của nhiều trụ sở quan trọng, các ngân hàng và doanh nghiệp. Nơi này còn rất gần với trung tâm hội nghị Quốc gia, siêu thị Big C Thăng Long và tòa nhà Hanoi Landmark cao nhất Việt Nam cùng các trục đường huyết mạch như đường cao tốc Phạm Hùng, đường Trần Duy Hưng, đường Lê Văn Lương,... nên được coi là trung tâm mới của thành phố.

2.2. Kiến trúc khu đô thị

2.2.1. Về môi trường sống

Ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có một điều kiện rất thuận lợi đó là về giao thông. Hai làn đường lớn ở hai đầu khu



Bản đồ địa chính khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính

vực là đường Lê Văn Lương và đường Trần Duy Hưng, và sau lưng là đường Nguyễn Thị Định. Ngoài ra trong khu đô thị còn có nhiều đường ngõ lớn ô tô chạy được phân bố khắp nơi, ven các tòa nhà. Quy mô và hình thức của các con đường này khá đa dạng. Có những đường nhỏ chạy ven các tòa nhà có lộ giới chỉ khoảng 2m nhưng cũng có những đường rộng tới 7m cho phép chạy được hai làn xe ô tô như đường Lê Văn Lương, đường Trần Duy Hưng. Những con đường này có chức năng giao thông tương đối quan trọng, có thể dẫn người đi tới trung tâm thành phố Hà Nội hoặc đi lên vùng Hòa Lạc - Sơn Tây. Nhìn chung, các con đường xung quanh khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính được quy hoạch tương đối đẹp, tiện cho các gia đình sử dụng ô tô làm phương tiện tham gia giao thông chính.

Nghiên cứu về nếp sống, sinh hoạt của các gia đình sống ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính thì việc xem xét về kiến trúc của các tòa nhà và các loại hình dịch vụ đi kèm là một vấn đề rất quan trọng.

Về kiến trúc tổng thể, các tòa nhà cao tầng thuộc khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính bao gồm 14 tòa nhà. Cụ thể:

- Có 9 tòa nhà 17 tầng, trong đó:
 - + Từ tòa nhà 17T1 đến 17T3 thuộc phường Trung Hòa.
 - + Từ tòa nhà 17T4 đến 17T9 thuộc phường Nhân Chính.
- Có 2 tòa nhà 18 tầng thuộc phường Nhân Chính.
- Hai tòa nhà 24 tầng thuộc phường Trung Hòa.
- Một tòa nhà 34 tầng thuộc phường Trung Hòa.

Theo kết quả khảo sát, tổng số căn hộ ở khu đô thị này là khá lớn (tòa ít nhất là 125 căn hộ). Như vậy tính cả 14 tòa nhà, ta có số lượng là khoảng 1700 căn hộ. Tuy nhiên, số căn hộ thực tế có người ở chỉ chiếm 1/3 đến 1/2 trong tổng căn hộ được xây dựng. Nguyên nhân là rất nhiều căn hộ được thay đổi mục đích sử dụng. Nhiều chủ nhà đã biến căn hộ của mình thành văn phòng công ty riêng hoặc cũng có người cho công ty khác thuê (đặc biệt là những căn hộ ở tầng thấp). Cũng có chủ hộ vì cho người nước ngoài thuê được giá cao nên họ chấp nhận dời đi ở nơi khác để lấy tiền chênh lệch phục vụ cho mục đích khác. Điển hình tại tòa nhà 18T2, khảo sát thấy ở tầng 9 có 12 căn hộ, nhưng thực tế chỉ có 6 căn hộ có người ở, còn lại đều sử dụng cho thuê làm văn phòng công ty. Đây cũng là một nét khác biệt ở khu vực này và nó cũng tạo nên những nét sinh hoạt, lối sống đặc trưng của khu chung cư cao cấp. Một đặc điểm nữa đó là diện tích các căn hộ tại khu chung cư cao cấp Trung Hòa – Nhân Chính khá đa dạng. Trong mỗi tòa nhà lại có thể có nhiều loại căn hộ với diện tích khác nhau như $65m^2$, $105m^2$, $116m^2$, $122m^2$... Và các tòa nhà khác nhau lại có kiểu cấu tạo căn hộ khác nhau. Trong các căn hộ ở các tòa nhà 17 tầng không có phòng làm việc riêng biệt mà phòng làm việc được cấu tạo trong phòng khách, cũng là phòng sinh hoạt chung. Với những căn hộ $65m^2$ chỉ có một phòng ngủ, một phòng khách, một phòng ăn (bao gồm cả bếp) và một nhà vệ sinh. Những căn hộ rộng hơn như căn $116m^2$ cũng chỉ có hai phòng ngủ, một phòng khách, một phòng ăn (bao gồm cả bếp) và hai nhà vệ sinh. Như vậy, có thể thấy với những căn hộ thuộc tòa nhà 17 tầng chưa thể đáp ứng được yêu cầu của khu căn hộ cao cấp được. Các căn hộ ở các tòa nhà 24 tầng và 34 tầng được thiết kế hiện đại hơn, bao gồm

nhieu phòng chức năng, diện tích của các phòng rộng, đặc biệt là phòng khách. Có những gia đình phòng khách của họ có thể chia thành hai bộ phận tiếp khách cùng một lúc với hai bộ sofa lớn. Ngoài ra, ban công của những căn hộ kiểu này cũng rất rộng, thoáng, chủ hộ có thể tùy ý trang trí, bày biện giống như một khu vườn nho nhỏ để ngắm cảnh, thư giãn mỗi khi về nhà. Cũng theo quan sát của chúng tôi, các gia đình ở các nhà 24 tầng và 34 tầng có mức sống cao hơn các gia đình ở các tòa nhà 17 tầng. Điều này thể hiện ngay ở mức giá cả mua căn hộ với diện tích khác nhau và đồ đạc sử dụng, cách bài trí nhà cửa sang trọng hơn hẳn các gia đình ở tòa nhà 17 tầng. Đa số các chủ hộ khi nhận nhà đều có sự sửa chữa lại nội thất theo ý của mình nhưng chủ yếu là lát sàn gỗ, sơn tường và một vài chi tiết nhỏ chứ không đập phá hay thay đổi kết cấu nhà.

Chúng ta đều biết rằng quá trình đô thị hóa các đô thị lớn song song với các quá trình dịch cư từ khu vực nông nghiệp sang khu vực đô thị. Cùng với quá trình gia tăng dân số tự nhiên, quá trình gia tăng dân số cơ học thiếu sự kiểm soát đã khiến cho hầu hết các đô thị ở Hà Nội nói chung và khu Trung Hòa - Nhân Chính nói riêng rơi vào tình trạng quá tải về cư dân đô thị. Sự thay đổi cơ cấu dân số do quá trình dịch cư, sự ảnh hưởng của phương thức sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các tầng lớp nhập cư, lối sống sinh hoạt cộng đồng truyền thống cũng có ảnh hưởng đáng kể đến tính chất cũng như cấu trúc của hầu hết các khu đô thị mới.

Vấn đề an ninh ở đây cũng được các gia đình đánh giá cao. Đây cũng chính là một trong những lý do khiến nhiều hộ gia đình dù mới chuyển đến cũng cảm thấy hài lòng. Ở mỗi tầng nhà đều có camera quan sát, có ban quản lý từng tòa nhà và

tầng trệt là phòng thường trực của tổ bảo vệ luôn có người túc trực và quản lý các màn hình quay tại các tầng nhà. Nhờ có hệ thống an ninh tương đối tốt nên rất nhiều sự cố đã được xử lý kịp thời. Về an ninh nói chung, theo những người dân ở đây cho biết chưa có vụ việc trộm cắp, lừa đảo nghiêm trọng nào xảy ra tại đây. Người dân khá hài lòng với tình trạng an ninh hiện tại. Ngoài việc có camera theo dõi thì các căn hộ cũng tách biệt, an toàn. Cá biệt, còn có người chia sẻ:

“Đi vắng 10 ngày quên khóa cửa mà về nhà mọi thứ vẫn nguyên xi. Ở đây có camera nên cũng yên tâm nhiều. Quanh các tòa nhà cũng có bảo vệ chung, rồi ai đi ra đi vào cũng phải qua phòng thường trực dưới tầng 1, nói chung là sống ở khu này rất yên tâm”. [PVS 20: Nữ, 1966, Thạc sỹ, Kiểm toán].

“Camera ở tầng bị hỏng rồi, nhưng nói chung tình trạng trộm cắp, mất trật tự là ít, không xảy ra”. [PVS 16: Nữ, 1966, Đại học, Nghỉ hưu].

“Ở đây mỗi tầng đều có camera cho nên các cháu hoặc là khách khứa đến, có sự việc gì lộn xộn mà muốn truy cứu ngay là chỉ cần xuống dưới tầng 1 gặp ban quản lý, người ta có thể kiểm tra lại cho mình ngay. Cái đấy nó lưu một thời gian nên người ta có thể giờ xem lại xem vào thời điểm ấy có ai vào ra, ăn cắp cái gì, dáng người thế nào, đi đứng thế nào”. [PVS 14: Nam, 1942, Đại học, Nghỉ hưu].

“Nói chung sống ở đây cũng không thấy vấn đề an ninh nào lớn. Tuy nhiên, việc những văn phòng ở đây cũng gây bất tiện như việc những người đến giao

dịch hay phòng vấn... khiến nhiều người lạ ra vào chung cư, khó kiểm soát về an ninh". [PVS 24: Nữ, 1975, Đại học, Kinh doanh].

"Về an ninh ở đây cũng tốt lắm. Tầng nào cũng có camera, rồi có quản lý ở dưới tầng 1. Năm ngoái, đi chơi miền nam nửa tháng, nhà không ai trông mà khi về, nhà cửa vẫn y nguyên.". [PVS 14: Nam, 1942, Cao đẳng, Nghỉ hưu].

Tóm lại, qua điều tra cho thấy khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, an ninh khá tốt so với các khu vực khác.

Điều khá lý thú là những người dù mới đến hay đã sống từ năm 2003 hầu hết gắn bó với căn hộ của mình, muốn định cư lâu dài ở đây, rất ít người có ý muốn chuyển đi.

Có tới 89,1% trả lời là sẽ định cư lâu dài tại đây và không có ý định chuyển đi. Chính vì vậy mà sự thay đổi chủ sở hữu và các thông tin về rao bán căn hộ ở đây cũng rất ít xảy ra. Dân cư trong mỗi tòa nhà tương đối ổn định, ít có sự xáo trộn và thay đổi. Đây là một nét đặc trưng của khu vực này, khác với những đặc điểm thường thấy ở những khu dân cư cũ. Người dân sống ở đây hầu như không có nhu cầu thay đổi chỗ ở, họ mua căn hộ là để sinh sống chứ không phải để mua đi bán lại, có người mua tới 2, 3 căn hộ cùng tầng nhà để chia cho con. Số người mua các căn hộ thì ngày một nhiều, còn số người chuyển đi thì rất ít.

"Cũng nhiều lý do khiến bác thích ở nhà chung cư lắm. Bây giờ bác đã hơn 60 tuổi rồi, sống trên một mặt bằng cảm thấy tốt hơn là nhà mặt đất, ngày trèo đi trèo lại cầu thang. Rồi con cháu chạy nhảy trong

nhà cũng yên tâm, để mắt cũng dễ hơn. Nhà mình bây giờ không buôn bán kinh doanh, thực ra ở thế này là tốt nhất. Bác chỉ thích đi làm về đóng cửa, không ồn ào, bụi bặm, va chạm nhau. Mà nhà cửa thế này bác cũng thấy ấm cúng, cha mẹ con cái dễ quan tâm, hỏi han nhau hơn. Bác dự định sẽ sống lâu dài ở đây, bác thấy hài lòng khi sống thế này". [PVS 14: Nam, 1942, Cao đẳng, Nghỉ hưu]

"Về lâu dài thì chị cũng chưa có ý định chuyển nhà, mặc dù chị cũng có nhà khác để ở đấy nhưng nói chung ở đây thấy cũng được rồi. Với chị, diện tích như thế này (116 m²) thì thấy là thoải mái rồi". [PVS 5: Nữ, 1966, Đại học, Kế toán]

"Tôi xác định sẽ ở đây lâu dài. Chắc chắn là nó vẫn mình hơn những khu dân cư mặt đất. Nhưng cũng phải nói là ở đây chung cư cũng chỉ được vài ba nhà. Có nhà 34T với hai nhà này T24 là chất lượng còn tốt, chứ còn các tòa nhà khác thì chất lượng cũng bình thường lắm". [PVS 19: Nam, 1960, Đại học, CNVC]

"Thực ra anh chị làm về nhà đất, trước cũng có cái nhà riêng, nhưng giờ tạm thời ở nhà chung cư. Nói chung nó phù hợp với mức sống của mình, đường sá đi học của con cái, mình đi làm cũng tiện. Thích nhất là ô tô để ngay dưới chân chung cư, đồ đạc xách vài mét vào thang máy rồi lên tận nhà mình. Chứ ở nhà riêng, ô tô gửi mãi cách nhà đến cả nửa ki lô mét, nhiều khi đi siêu thị về mua đồ lếch thếch xách về nhà mệt lắm. Anh chị đang có nhà riêng rồi nhưng chắc sau này lại về chung cư ở thôi, chị thích ở đây

hơn. Nhiều khi ở nhà riêng, cái khu mình ở nhiều kiểu dân cư, trình độ dân trí lắm, chứ ở nhà chung cư thế này, mà ở khu này nói thẳng là mức sống của mọi người phải khá trở lên, rồi trình độ dân trí cao, ở thoải mái hơn.”

([PVS 20: Nữ, 1966, Thạc sĩ, Kiểm toán].

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ hài lòng hay không của người dân trong khu đô thị mới này chính là có sở hạ tầng được xây dựng khá đồng bộ, bao gồm: đường sá, điện, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng và hệ thống gas đun nấu. Hệ thống thu gom rác thải cũng khá thuận tiện, được thiết kế tới từng tầng nhà. Mỗi tầng nhà đều có hầm vớt rác. Người dân có thể đưa rác vào đường hầm rồi từ đó, rác được chuyển xuống tầng trệt và nhân viên vệ sinh sẽ thu gom. Chính vì thế mà ở đây không hề có tình trạng xả rác bừa bãi. Điều này khác hẳn với những khu dân cư truyền thống. Trước đây ở những khu dân cư mặt đất, người ta có thể vô tư mà xả rác. ở những nhà ngoại ô có khi họ gom lại một góc vườn mà chôn lấp, mà đốt. Ở những khu dân cư đó, thỉnh thoảng người dân lại được “hun khói” mù mịt. Ngày nay, hầu hết các khu dân cư đều có dịch vụ thu gom rác thải tận nhà. Tuy nhiên, giờ xe rác đi thu gom thì có khi chủ nhà lại không có nhà để vớt rác, và tối về thì không ai có thể chịu nổi trong căn nhà mấy chục mét vuông lại có một túi rác bốc mùi khó chịu. Còn ở khu đô thị mới thì không có hiện tượng nêu trên. Dù cho có đi làm về muộn, người dân vẫn có thể bỏ rác xuống hầm chứa rác ngay trên tầng nhà của mình mà không phải mất công xuống tận tầng trệt. Tuy nhiên, cũng có điều bất cập trong xây dựng mà chủ đầu tư chưa tính đến đó là khâu thoát khí cho

hầm chứa rác chưa triệt để nên vào những ngày nắng nóng hoặc mưa to rồi nắng lên, hầm rác bốc mùi gây khó chịu cho nhiều hộ gia đình sống ở đây. Với những người dân đã từng ở khu dân cư truyền thống, họ đã từng chịu đựng bao nhiêu năm cơ sở hạ tầng thấp kém, với những ngõ ngách chật chội, ẩm thấp, ngập nước và tối tăm. Nhiều ngõ phố quanh co uốn khúc như đường làng và còn bị chia nhỏ với nhiều ngách hốc. Còn ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, như đã trình bày ở trên, hệ thống giao thông rộng rãi, 100% đường sá đã được bê tông hóa, thuận tiện, ít có sự ùn tắc vào giờ cao điểm. Vào mùa mưa đường trong khu vực ít khi bị ngập nước, và nếu có thì nước cũng rút khá nhanh. Còn điện chiếu sáng khắp những nơi công cộng và hiếm khi có trục trặc về vấn đề điện sinh hoạt. Ở khu chung cư mới được chủ đầu tư thiết kế theo mô hình chung cư nước ngoài. Trong mỗi gia đình đều có hệ thống gas sinh hoạt dẫn vào tận bếp ăn và cuối tháng các gia đình thanh toán theo chỉ số đồng hồ báo lượng gas đã sử dụng. Đây là một trong những tiện ích mà cơ sở hạ tầng thiết kế đồng bộ đem lại cho người dân. Trên đây là những phòng vấn sâu được thực hiện vào tháng 9 năm 2007 khi mà khu chung cư đưa vào sử dụng được khoảng 3 - 4 năm và nhận thấy họ tương đối hài lòng với chất lượng sống ở đây. Tuy nhiên tại cuộc khảo sát lần thứ 2 vào tháng 9 năm 2009 thì quan điểm của nhiều gia đình sống ở đây có phần thay đổi, nhiều ưu thế về cơ sở hạ tầng trước đây bây giờ lại nhiều gia đình than phiền. Cùng với quá trình đô thị hóa, cùng với sự mở rộng của nội thành, các khu vực đất thuộc ven đô trước đây đã thuộc nội thành. Tuy nhiên, về nếp sống, sinh hoạt còn mang đậm dấu ấn nông nghiệp, tiểu thương, tiểu thủ công nghiệp của ngàn đời để lại. Mặt khác, số lượng di dân tự do và cơ học, số

lượng cán bộ công nhân viên chức làm việc tại Hà Nội xuất thân từ các địa phương khác không thuộc đô thị cũng chiếm một tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu dân cư đô thị. Chính vì thế, có thể nói, một phần không nhỏ cư dân đô thị của Hà Nội vẫn chịu ảnh hưởng của nếp sống và sinh hoạt cộng đồng nói riêng của các khu dân cư truyền thống. Và điều này được phản ánh rất rõ trong những phỏng vấn sâu mà chúng tôi đã thực hiện, hầu hết người dân được hỏi đều nói tới nhu cầu có không gian công cộng trong khu đô thị.

“Nói về cảnh quan môi trường nơi đây: đúng nghĩa là chung cư mới nhưng không thể gọi là điển hình được, bởi bác nói đơn thuần thế này, ở những khu chung cư ngày xưa 4 tầng, 5 tầng mà còn có khu vui chơi cho trẻ con, nó còn có cái cầu trượt. Nhưng ở đây tuyệt nhiên không có bất cứ một cái gì. Cái đấy có thể nói là không phải chủ đầu tư bỏ ngờ trong việc xây dựng này mà họ quá đi vào con đường kinh doanh, họ chiếm dụng đất để làm nhà. Trong quy hoạch là có đấy chứ, đây là họ làm sai quy hoạch. Họ biết cả chứ có phải không đâu”. [PVS 14: Nam, 1942, Cao đẳng, Nghỉ hưu]

Qua tìm hiểu, những tòa nhà cao cấp của khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính không có một vườn hoa công cộng nào để người dân dạo mát hay tập thể dục... vào những lúc rảnh rỗi. Cả 14 tòa nhà chỉ có duy nhất một cái sân lớn trước của tòa nhà 34T. Vào những buổi sáng và buổi tối mùa hè, người dân của các tòa nhà lân cận cũng sang sân của nhà 34T để tập thể dục hoặc dạo mát. Với trẻ em ở khu vực này thì đây là sân chơi chính. Nếu quan sát vào buổi tối, ta sẽ thấy nhiều loại hình hoạt

động diễn ra ở đây, từ thể dục nhịp điệu cho đến tập xe đạp, trượt patin, tán chuyện gẫu... Trừ những ngày mưa, còn những ngày nắng nóng, nơi đây thường đông vui, tấp nập. Theo kế hoạch ban quản lý cũng đã cho xây một bể bơi thông minh phía sau tòa nhà 17T3 nhưng từ nhiều năm nay dự án này vẫn đang xây dựng mà chưa đưa vào sử dụng.

Một điều đáng bàn ở đây là khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính được coi là khu đô thị cao cấp nhưng còn thiếu những không gian công cộng như vườn hoa, bể bơi, phòng hội họp... mà một số khu đô thị đã có như khu đô thị Văn Quán, Hà Đông. Tất cả mặt tiền của các tòa nhà đều sử dụng sai mục đích ban đầu, bởi lẽ tầng trệt của các tòa nhà đều được sử dụng làm các loại hình dịch vụ như ngân hàng, quán café, văn phòng công ty... Điều này gây bất bình cho nhiều người dân sống ở đây. Theo điều tra, ở tòa nhà 17T5 vì người dân mua nhà từ những năm 2003, khi tòa nhà mới khởi công nên trong sổ đỏ của họ có ghi rõ diện tích đất sử dụng riêng và diện tích đất sử dụng chung (tầng hầm, tầng trệt...) nên cho đến nay người dân ở tòa nhà này vẫn không bị ban quản lý ép về giá cả dịch vụ như gửi xe đạp vẫn chỉ 10.000đ/tháng, xe máy là 20.000đ/tháng và ô tô là 300.000đ/tháng. Còn những tòa nhà xây về sau, người dân nhận sổ đỏ chỉ thấy ghi diện tích sử dụng riêng mà thiếu phần diện tích sử dụng chung nên ban quản lý cũng vin vào đó mà ngang nhiên tăng giá các loại dịch vụ và hiện nay theo giá thị trường tại thời điểm tháng 5-2010 thì giá trông giữ xe đạp là 50.000đ/tháng, xe máy là 100.000đ/tháng và ô tô là 1.500.000đ/tháng.

Một vấn đề nữa khiến cho người dân ở đây chưa thật hài lòng đó là vấn đề kỹ thuật xây dựng tòa nhà. Thứ nhất là độ

cách âm của trần nhà không đảm bảo, trong khi đó rất nhiều công ty thuê địa điểm ở đây để đặt văn phòng. Một căn hộ ở đây thường chỉ cấu tạo cho một gia đình từ 4 đến 5 người ở mà một văn phòng thuê thường có từ 7 đến 20 người. Trần cách âm kém, nhiều khi buổi trưa hay 10h đêm văn phòng vẫn hoạt động, gây ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt của các hộ gia đình ở tầng dưới, nhất là với những gia đình có người già, con nhỏ hay có người ốm. Hơn nữa, khi xây dựng, nhà thiết kế chỉ tính đến số lượng dân cư ở thực tế, các công trình công cộng như thang máy, cầu thang thoát hiểm cũng phù hợp với số lượng dân cư trong các hộ. Và như vậy không đáp ứng để phục vụ cho các văn phòng đặt tại đây. Điều này dẫn đến tình trạng tắc nghẽn thang máy vào giờ đi làm, giờ tan của các văn phòng thường xuyên bởi cũng vào thời điểm đó, người dân sống ở đây cũng có nhu cầu đi lại nhiều. Và người dân còn thấy bất hợp lý vì khi thang máy hỏng, chính các hộ dân phải đóng tiền bảo dưỡng, sửa chữa chứ các công ty, văn phòng hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những vấn đề nêu trên. Vấn đề nữa là những thiết bị được chủ đầu tư cho thiết kế tại các tòa nhà chưa thật phù hợp. Chẳng hạn như hệ thống báo cháy tự động thường xuyên báo động vào ngày rằm và mừng một khi người dân đốt vàng mã.

“Lúc đầu khi về đây ở chúng tôi được hệ thống báo cháy tự động cảnh báo. Lúc đầu nhiều người rất sợ và thực hiện đúng nội quy phòng cháy là xuống tòa nhà theo cầu thang bộ nhưng vài lần được bảo vệ thông báo là báo cháy giả do người dân đốt vàng mã nên bây giờ chúng tôi cũng quen dần với chuông báo cháy”. [PVS 5: Nữ, 1966, Đại học, Kế toán].

Như vậy việc “bão hòa” với chuông báo cháy tự động là một vấn đề rất đáng lo ngại nếu như có cháy thật xảy ra. Hàm chứa rác công cộng cũng là một vấn đề gây phiền phức không nhỏ. Mỗi một tòa nhà đều có một đường hầm chạy suốt từ tầng thượng xuống tầng trệt để các hộ dân ở mỗi tầng có thể mở cửa hầm và thả rác xuống theo đường đó nhưng chủ đầu tư làm không tính toán kĩ, gây ra mất vệ sinh môi trường. Vào những ngày nắng nóng hoặc vừa mưa xong rồi lại nắng, mùi hôi thối ở đường hầm chứa rác bốc ra rất khó chịu.

Những tòa nhà ở đây đều sử dụng hệ thống nước sông Đà, dù cho ban quản lý mỗi tòa nhà đều cố gắng đưa nước qua hệ thống xử lý trước khi đưa lên mỗi căn hộ nhưng chất lượng nước vẫn không đảm bảo. Nhiều gia đình cẩn thận đã đem mẫu nước đi kiểm tra và thấy không đảm bảo cho sức khỏe nên có tình trạng mua nước tinh khiết về tích trữ và sử dụng trong nấu ăn, còn nước do tòa nhà cung cấp thì họ chỉ sử dụng để tắm giặt.

“Nước vàng vàng, cặn đen!

Hơn một năm nay, cư dân khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính hết sức bức xúc do nguồn nước dùng trong sinh hoạt và ăn uống bị ô nhiễm nặng. Sau nhiều lần kiến nghị lên Công ty Vinasinco (chủ đầu tư công trình nhà nơi họ cư ngụ) không có kết quả, 759 hộ dân ở 11 toà nhà cao ốc ở đây đồng loạt làm đơn ký tên, kiến nghị UBND TP.Hà Nội cho thay nguồn nước giếng khoan đang dùng bằng nguồn nước máy lấy từ sông Đà. Tuy nhiên, đã hơn một năm trôi qua, họ vẫn chưa thay đổi được tình hình.”

Nguồn html: <http://www.tin247.com> ; truy nhập 9h30 ngày 25-12-2007

Một số gia đình ở nhà 17 tầng, ở góc phòng khách chất rất nhiều bình nước khoáng to (20 lít). Chủ hộ cho biết nguồn nước không đảm bảo cung cấp cho nhu cầu sử dụng của dân, nhất là vào những ngày hè nên họ phải tích trữ nước để sinh hoạt. Người dân ở đây còn cho biết thêm mối lo ngại về chất lượng nước sinh hoạt của khu vực không đảm bảo vì lấy từ nguồn nước mặt của sông Đà lại không được xử lý đúng kỹ thuật.

Cũng ở một căn hộ cả tòa nhà 17 tầng, với diện tích 120m² được thiết kế khá hợp lý, thoáng mát, bao gồm một phòng khách, một bếp ăn, ba phòng ngủ và hai nhà vệ sinh. Căn hộ đã được chủ nhà sửa chữa và bài trí đồ đạc rất đẹp, hiện đại. Tuy nhiên, chủ hộ vẫn phàn nàn về hệ thống thoát nước ở trong nhà vệ sinh luôn bốc mùi khó chịu, mặc dù họ đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng không thấy cải thiện hơn. Nhìn chung kiến trúc các căn hộ ở đây được thiết kế và xây dựng khá đồng bộ. Các căn hộ trong mỗi tòa nhà hầu như chỉ khác nhau về diện tích sử dụng rộng hay hẹp, còn về cấu trúc được xây giống nhau, khá hợp lý và thoáng đãng. Người dân sống ở đây bỏ một khoản tiền không nhỏ để mua căn hộ để thấy được rằng họ ưu tiên nhiều cho vấn đề nhà ở. Và cũng chính vì lẽ đó mà bộ mặt của khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính khá ổn về mặt mỹ quan. Trong khi đó ở các khu dân cư mặt đất, ta thấy quy hoạch rất lộn xộn, từ nhà cấp 4 cho đến nhà mái bằng 1 tầng được xây móng kiên cố để nếu có điều kiện, chủ nhà có thể dễ dàng xây cất thêm 2, 3 tầng tùy theo nhu cầu. Và phổ biến là nhà ở dạng ống, đây là hệ quả của đất phân lô khu vực mặt tiền trên bề ngang hẹp. Những căn nhà này có bề ngang rất hẹp, thường chỉ từ 2 đến 3 mét, xây cái thấp cái cao, trông không đẹp mắt. Nhiều khu chung cư cũ như khu Thanh Xuân, khu Kim Liên... vào thập kỷ 80 là

những khu nhà ở dành cho các cán bộ nhà nước thì cũng không thoát khỏi tình trạng coi nới trái phép. Chủ nhà ra sức coi nới bắt đầu từ những căn hộ ở tầng 1, người ta tận dụng những khoảng đất trống, đất đầu hồi nhà và xây lên được một căn phòng khá rộng rãi, rồi những nhà ở tầng trên tiếp tục chồng tầng lên nóc của nhà tầng 1. Với những nhà không có điều kiện cùng chồng tầng với căn hộ tầng dưới thì họ đổ bê tông, đặt thanh giầm... rồi cũng đưa ra được một căn phòng độ 6m² cho con có chỗ học hành.

2.2.2. Không gian công cộng trong khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Trước hết, ta phải hiểu không gian công cộng là những không gian thân thiện, gần gũi với mọi người. Đó là nơi mà mọi người có thể trò chuyện với nhau, cùng vui chơi. Với tính chất mở và thân thiện, không gian công cộng đã trở thành những nơi chốn quen thuộc của mọi người, ngoài ngôi nhà của họ. Và không gian công cộng không phải là vấn đề mới mẻ, bởi đã từ lâu nay không gian công cộng đã đi vào tiềm thức của người Việt Nam. Ở các làng quê, người ta thường quây quần, sum họp để bàn bạc những công việc lớn, hoặc để tưởng nhớ tổ tiên tại đình làng. Trong phạm vi hẹp một dòng họ thì không gian công cộng để họ bàn bạc, nhắc nhở những công việc trong họ ngoài làng là nhà thờ họ.

Ngoài ra, sinh hoạt cộng đồng của người Việt Nam còn tập trung ở chợ, đó là nơi tụ họp để mua bán, trao đổi hàng hóa và cả giao lưu trò chuyện những vấn đề hàng ngày.

Nếp sinh hoạt cộng đồng truyền thống của người Việt khi bước vào thời kỳ hiện đại về cơ bản cũng không có gì thay đổi nhiều. Sinh hoạt cộng đồng vẫn là một vấn đề không thể thiếu

được của người dân. Chẳng hạn như bất kỳ một khu dân cư mới hình thành nào cũng phải mọc lên một cái chợ bên cạnh. Người ta luôn có nhu cầu ăn đồ sống, đồ tươi, và chỉ có chợ họp hằng ngày mới đáp ứng được nhu cầu đó. Khi có người tức là có nhu cầu mua sắm, và đương nhiên sẽ có người cung cấp cho những nhu cầu đó. Ngoài ra, chợ còn là nơi giao lưu thường xuyên giữa con người với con người, mọi thông tin nóng hổi nhất thường có ngay ở chợ. Người bán, người mua quen thân hoặc chỉ là hỏi thăm nhau xã giao vài ba câu chuyện...

Ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính: Một điều dễ nhận thấy với mọi người là người dân ở đây rất nhạy cảm với những biến đổi kinh tế xã hội đang diễn ra. Với định hướng phát triển nền kinh tế thị trường, một số loại hình công trình phục vụ công cộng hiện cũng đang được tư nhân hóa. Hiện nay ở khu vực này đã có trường học (trường mầm non), bệnh viện tư nhân, thương mại dịch vụ... Một số tòa nhà cũng sử dụng tầng 1 để làm siêu thị phục vụ cho dân của tòa nhà và dân vùng lân cận. Các dịch vụ nhà hàng, quán ăn, giải khát bar cafe được bố trí tại tầng 1 của các tòa nhà. Các dịch vụ lợi ích công cộng như dịch vụ thư báo, dịch vụ gom rác vệ sinh được bố trí tại tầng 1. Hệ thống tầng hầm chủ yếu phục vụ các dịch vụ gửi xe máy và ô tô.

Một điều bất cập trong khu đô thị là không gian vui chơi, cảnh quan xung quanh hầu như không có. Về không gian chung chỉ có một khoảng sân lớn trước tòa nhà 34T có thể sử dụng cho trẻ em vui chơi và người già tập thể dục. Như vậy với số lượng 14 tòa nhà (tòa ít nhất là 125 hộ ở) mà chỉ có một khoảng sân thì không đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân ở đây. Vào những buổi tối mùa hè, khoảng sân trước tòa nhà 34T là nơi tập trung các hoạt động vui chơi của trẻ em từ trượt patin đến tập xe đạp và nhiều trò chơi khác.

Yếu tố cây xanh, mặt nước là yếu tố không thể thiếu trong không gian sinh hoạt cộng đồng. Ngoài tác dụng tạo cảnh quan, nó còn là yếu tố quan trọng để điều hòa vi khí hậu và môi trường trong khu. Những vườn hoa nhỏ trong không gian sinh hoạt công cộng chiếm vị trí chủ đạo, nằm ở trung tâm của không gian sinh hoạt cộng đồng cấp nhóm nhà. Đây là không gian giao tiếp, nghỉ ngơi của mọi người trong nhóm nhà. Tuy nhiên người dân ở đây trong quá trình sử dụng cũng vẫn chưa cảm thấy hài lòng, họ cho rằng chừng ấy tòa nhà mà chỉ rải rác ba vườn hoa nhỏ với bài trí sơ sài gọi là có. Về cây xanh để tạo cảnh quan thiên nhiên cho các tòa nhà thì ở khu vực này có rất ít. Cây xanh chỉ được trồng dọc theo hai bên đường chính còn cả khoảng sân ở tòa nhà 34T không hề có bóng mát. Các tòa nhà hầu hết nhìn ra mặt đường chứ không có khuôn viên hay hồ nước như ở một số khu đô thị khác. Khoảng sân trước các tòa nhà hầu hết được tận dụng làm chỗ gửi xe cho khách.

Có nhiều ý kiến cho rằng ở khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, các phương tiện đậu tràn lan trên vỉa hè, lòng đường do thiếu điểm đỗ. Người già, trẻ em nhốt mình trong nhà do thiếu điểm vui chơi, giải trí. Trong khi đó, khi xây đều có thiết kế về những khoảng không gian, khuôn viên vui chơi cho trẻ. Nhưng trên thực tế, khi đưa vào sử dụng thì mọi vị trí đẹp đáng lẽ được dành cho trẻ vui chơi đều bị chiếm dụng để kinh doanh (trông giữ xe, các nhà hàng, giải khát hay cho thuê...).

Phòng văn sâu trường hợp chị T có ý kiến như sau:

“Tôi rất không hài lòng với việc ban quản lý tòa nhà cho phép cửa hàng tư nhân bày bán hoa lan, những mặt hàng gốm sứ ở dưới sảnh của tòa nhà vào dịp giáp Tết, rất ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của cả tòa nhà”.
[PVS 5: Nữ, 1966, Đại học, Kế toán]

Rõ ràng với số lượng tòa nhà và hộ dân sống ở đây như vậy thì cảnh quan, môi trường sống ở đây là chưa hề văn minh.

Dù cho cư dân ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có những nét đặc trưng khác biệt với những khu dân cư truyền thống nhưng dù ít hay nhiều, họ vẫn có những hoạt động cộng đồng và điều này rất cần tới việc sử dụng không gian công cộng.

Thường thì ở các khu vực dân cư khác có nhiều nhóm xã hội khác nhau. Mỗi nhóm có các chuỗi hoạt động chung là phương tiện cần thiết để liên kết hành động của các thành viên. Trong các hoạt động chung, sự nỗ lực của các thành viên, tính tích cực bên trong nhóm là điều kiện để cho nhóm tồn tại và phát triển. Chẳng hạn, những người ở độ tuổi nghỉ hưu thì họ tham gia sinh hoạt hay chơi với nhóm hưu trí, họp chính trị trong vai trò là nhóm tổ chức của chi bộ Đảng, chơi thể thao cùng nhau thì tạo thành nhóm sở thích, chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với những người cùng nghề thì dần hình thành nhóm cùng nghề, ở những độ tuổi khác nhau thì có những sinh hoạt tập thể khác nhau và gọi là nhóm tuổi... Cứ như thế, theo thời gian, thành viên trong các nhóm có thể thay đổi nhưng những thói quen, những hoạt động tập thể thì được duy trì theo năm tháng, theo mỗi lớp người trong khu vực. Nói là nhóm và những sinh hoạt chung nhưng có thể đó là những nhóm phi chính thức (nhóm tuổi, nhóm sở thích, nhóm nghề) với những hoạt động chung tự phát và không đều đặn hoặc các nhóm chính thức (cựu Chiến binh, tổ Đảng) với những sinh hoạt chính quy, bài bản.

Trên cơ sở những hoạt động cộng đồng ở các khu dân cư truyền thống như vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu tại khu Trung Hòa - Nhân Chính.

Đầu tiên, xét đến các nhóm tuổi. Thường thì ở những khu vực khác chúng ta sẽ thấy mức độ thân thiết và hình thành nhóm không giống nhau ở các lứa tuổi vì trẻ em gần nhà hay chơi với nhau, còn thanh niên phải đi học, đi làm xa nên mức độ thân thiết của họ không được như hồi bé. Và về cơ bản, ở khu chung cư cao cấp này cũng không khác biệt nhiều lắm về sinh hoạt ở các nhóm tuổi. Mặc dù trẻ em ở đây ít chơi với nhau hơn so với các khu vực khác nhưng xét về nhóm tuổi, chúng vẫn là nhóm tham gia sinh hoạt cộng đồng cao hơn cả. Ban ngày, trẻ em ở đây phải bận đi học nhưng buổi tối, nhất là những buổi tối cuối tuần hay những tối mùa hè, chúng thường tập trung ở sân trước nhà 34T và cùng nhau chơi các trò chơi. Quan sát buổi tối mùa hè, chúng tôi nhận thấy có nhiều đám trẻ cùng nhau tập trượt ván, tập thể dục nhịp điệu, có nhóm tập trung lại và tập nhảy híp - hóp... Những trẻ em cùng chơi với nhau rất ít cháu học cùng trường, lớp với nhau mà chủ yếu là chơi với những bạn cùng sở thích.

“Chúng cháu thường tập trung ở đây vào buổi tối cuối tuần và cùng nhau tập trượt pa - tin... Cháu không học cùng với các bạn nhưng vì cùng sở thích nên rủ nhau cùng chơi thôi... Chúng cháu cũng chỉ chơi với nhau vào những buổi tập vậy thôi chứ không đến nhà nhau chơi bao giờ. Có số điện thoại rồi, khi cần thì gọi cho nhau thôi...” . [PVS 21: Nam, 1994, THPT, Học sinh]

Cũng giống như nhóm trẻ em, người cao tuổi ở khu vực này cũng có quan hệ thân thiết hơn các nhóm thanh niên và nhóm trong độ tuổi lao động. Trên thực tế, nhóm người cao tuổi là nhóm có nhiều thời gian rỗi nhất và cũng là nhóm có nhu cầu giao tiếp nhiều nhất. Quỹ thời gian khá thoải mái nên

họ cũng hay tham gia các hoạt động chung như đi bộ, tập dưỡng sinh nhưng cũng chỉ dừng ở những hoạt động ở sân nhà 34T chứ không thấy có quan hệ thân mật đến mức sang nhà nhau chơi, đi chợ, đi chùa cùng nhau.

Qua nghiên cứu, không thấy xuất hiện ở khu chung cư này nhóm sở thích (được hiểu là nhóm người có chung sở thích và thường chơi với nhau). Nhóm sở thích này bắt nguồn từ những người có chung sở thích và cùng nhau thực hiện sở thích của mình, từ đó họ trở nên thân thiết và chia sẻ với nhau nhiều hơn trong cuộc sống. Ví dụ như những người phụ nữ gần nhà nhau thường rủ nhau cùng đi bộ, đi chợ hàng ngày và chia sẻ cho nhau những kinh nghiệm giảm cân, làm đẹp, tăng cường sức khỏe... Nhưng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính thì không có hiện tượng đó. Có lẽ những người dân sống ở đây đã bị lối sống khép kín hạn chế quan hệ của mình với những người xung quanh. Và như đã nói ở trên, những người phụ nữ chỉ trò chuyện với nhau vài ba câu trong khi cho con xuống sân nhà 34T chơi mà thôi.

Khi nghiên cứu về những sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư, bao giờ chúng ta cũng chú ý nhiều đến 3 nhóm chính là trẻ em, người cao tuổi và phụ nữ. Đây là những nhóm chính tạo nên chất keo gắn kết mọi người trong khu với nhau. Mặc dù ở khu vực chung cư cao cấp này, ba nhóm kể trên cũng là ba nhóm có quan hệ cộng đồng mạnh hơn những nhóm khác nhưng cũng rất hạn chế so với ở những khu dân cư truyền thống. 17,2% cho rằng trẻ em trong tòa nhà thường xuyên chơi với nhau, 58,9% người trả lời người cao tuổi trong cùng tòa nhà chơi thân thiết với nhau, 23,9% phụ nữ trong mẫu trả lời họ có chơi với những phụ nữ khác trong tòa nhà. Các con số trên đã nói lên được phần nào mối quan hệ không khăng khít giữa các cư dân trong khu vực.

Trong ba nhóm thì nhóm phụ nữ là nhóm có tính cộng đồng cao hơn cả. Mặc dù không chơi nhiều với các phụ nữ khác trong cùng tòa nhà nhưng họ lại là lực lượng chính tham gia vào các hoạt động của tổ dân phố. Họ vẫn thường tham gia sinh hoạt hội phụ nữ, đi họp tổ dân phố. Tuy nhiên những hoạt động này ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính dường như cũng không hiệu quả lắm. Theo thông tin phản ánh thì hiệu quả nhất là những buổi họp tổ dân phố mà có liên quan đến lợi ích cụ thể của các hộ gia đình. Chẳng hạn như khi họ họp nhau lại để bàn việc yêu cầu ban quản lý tòa nhà làm việc này, đáp ứng yêu cầu kia hoặc không cho tăng giá các dịch vụ... Còn lại những hoạt động khác của tổ dân phố cũng không được mạnh lắm bởi lẽ giữa những người dân sống ở đây không có mối quan hệ mật thiết, trọng tình trọng nghĩa. Tại đây có ít các hoạt động làm cho tình làng nghĩa xóm thêm đậm ấm và sâu sắc.

Những hoạt động công cộng được chúng tôi quy vào hai dạng: hoạt động chính quy và hoạt động không chính quy.

Hoạt động chính quy là những sinh hoạt định kỳ, có tổ chức, thường được thực hiện bởi các nhóm chính thức, ví dụ như họp tổ dân phố, học chi bộ, tổ chức ngày tết Trung Thu cho các cháu...

Hoạt động phi chính quy là những hoạt động tự phát, không có tổ chức, định hướng và mục tiêu rõ ràng, thường được thực hiện bởi các nhóm không chính quy và thiếu tính định kỳ, ví dụ như: đi bộ, chơi cầu lông, tập thể dục, tập dưỡng sinh...

Một trong những hoạt động phi chính quy được nhiều người cao tuổi ở khu chung cư tham gia đó là hoạt động thể dục thể thao. 25,3% người trả lời thường xuyên tham gia các hoạt động thể dục thể thao dưới sân nhà 34T, 34,1% trả lời thỉnh thoảng tham gia. Nói là hoạt động cộng đồng nhưng đôi khi không phải có nhiều người cao tuổi ở cùng một tòa nhà tham gia, có khi là một nhóm người cao tuổi ở rải rác 14 tòa nhà, có khi chỉ là vài ba người rủ nhau đi bộ mỗi tối, hay đánh cầu lông mỗi chiều... Hoạt động thể dục thể thao ở khu vực này chủ yếu để rèn luyện sức khỏe mang tính phong trào chứ không phải một hoạt động chính qui được tổ chức theo địa bàn.

Tỷ lệ các hộ gia đình trẻ chiếm tỷ lệ cao trong mẫu nghiên cứu, trình độ học vấn của các cặp vợ chồng trong gia đình ở đây tương đối cao. Đặc trưng của các gia đình cũng đã có những thay đổi để thích ứng với hình thức sinh sống là các mô hình nhà chung cư cao tầng. Nét đặc trưng của những thay đổi này là sự quá độ của mô hình hôn nhân và gia đình theo hướng nhấn mạnh nhiều hơn đến các vai trò và trách nhiệm cá nhân, dân chủ và bình đẳng hơn giữa các thành viên thuộc các độ tuổi và giới tính khác nhau của gia đình. Về mặt kinh tế, các gia đình đang cấu trúc lại chiến lược sống của mình, với nét đặc trưng là việc tăng cường đầu tư nguồn lực cho giáo dục và đào tạo con em, việc theo đuổi đồng thời nhiều hình thức tạo thu nhập, và sự năng động trong việc tìm kiếm các cơ hội bên ngoài gia đình cũng như cộng đồng. Với sự nâng cao tính cơ động về kinh tế, xã hội, và địa lý, các quan hệ gia đình, nhất là quan hệ vợ - chồng trở nên ngày càng đa dạng hơn. Trong bối cảnh đó, sự gia tăng ý nghĩa của các vai trò cá nhân khiến cho việc dung hòa lợi ích của các thành viên đặt ra

những đòi hỏi mới mà khi không được đáp ứng sẽ dẫn đến các xung đột gia đình. Các quan niệm về gia đình truyền thống vẫn ít nhiều tồn tại ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, tuy nhiên các gia đình ở đây sống độc lập và chủ yếu là các gia đình hai thế hệ. Vợ hoặc chồng thường là người quyết định chính cho các cách thức sinh sống giáo dục con trong gia đình mình mà ít bị ảnh hưởng của ông bà và bố mẹ.

Những gia đình khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có xu hướng đề cao ý nghĩa và vai trò cá nhân, điều này dễ khiến cho việc dung hòa lợi ích của các thành viên đặt ra những đòi hỏi mới mà nếu không đáp ứng sẽ dẫn đến những mâu thuẫn trong gia đình.

Mối quan hệ hàng xóm láng giềng lỏng lẻo, ít sự quan tâm giúp đỡ của các gia đình hàng xóm trong các mối quan hệ xã hội.

Đặc trưng của kiến trúc không gian sống tại khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính có nhiều điểm bất hợp lý khiến nhiều gia đình nơi đây cảm thấy không thoải mái.

2.3. Hộ gia đình khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính

2.3.1. Cấu trúc gia đình ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính

Tại các khu dân cư truyền thống thì việc chung sống sau khi kết hôn của các cặp vợ chồng chủ yếu vẫn theo khuôn mẫu cũ, tức là sau khi kết hôn, nhiều đôi vợ chồng trẻ thường sống chung với bố mẹ chồng. Tuy nhiên, trong mẫu nghiên cứu tại 300 hộ tại khu vực này thì lại có nhiều nét mới mẻ. Ở đây, mô hình gia đình hạt nhân xuất hiện nhiều.

Bảng 2.1: Mô hình sống hiện tại của các gia đình ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính

Mô hình sinh sống	Số lượng	Tỷ lệ %
Hai vợ chồng	5	1,7
Hai vợ chồng và con cái	212	70,7
Vợ chồng con cái và bố mẹ chồng	70	23,3
Vợ chồng con cái và bố mẹ vợ	13	4,3
Tổng số	300	100

Số liệu bảng trên cho thấy mô hình các gia đình ở khu chung cư cao tầng Trung Hòa - Nhân Chính thiên về loại hình gia đình hạt nhân. Các phỏng vấn sâu cũng cho thấy: tại đây một số người cao tuổi đã nghỉ hưu và có kinh tế khá giả, mặc dù đã có nhà mặt đất nhưng họ lại cho thuê để dọn đến ở nhà chung cư với lý do để hàng ngày có điều kiện nhìn thấy con cháu thường xuyên hơn khi tất cả các thành viên trong gia đình cùng sinh hoạt trên một mặt bằng. Một hình thức nữa là mô hình sống gần với bố mẹ cũng được nhiều gia đình ở đây lựa chọn. Kết quả nghiên cứu cho thấy có tới 82,6% các gia đình hạt nhân mong muốn có bố mẹ vợ, chồng sống trong cùng tòa nhà và 7,3% mong muốn bố mẹ sống chung trong cùng gia đình. Và trên thực tế đã có những gia đình hạt nhân lựa chọn hình thức mua căn hộ ở cùng tòa nhà hoặc cùng tầng với bố mẹ. Đây cũng là một điểm mới của các gia đình hạt nhân ngày nay. Khi họ đã có điều kiện về kinh tế thì họ thường có nhu cầu ở riêng, nhưng vẫn muốn có sự nhờ cậy vào bố mẹ chẳng hạn nhờ đưa đón con đi học hoặc về muộn

có thể nhờ ông bà cho cháu tắm rửa, ăn uống... Như vậy, ở khu vực này, dù không sống chung song các cặp vợ chồng vẫn lựa chọn ở gần nhà bố mẹ. Khi xét về tương quan giữa mô hình chung sống với trình độ học vấn, chúng tôi cũng nhận thấy có những khác biệt đáng kể.

Bảng 2.2. Tương quan giữa trình độ học vấn và mô hình sống hiện tại

Trình độ học vấn		Những thành viên sống cùng gia đình				Tổng
		Hai vợ chồng	Vợ chồng và con cái	Vợ chồng con cái và bố mẹ chồng	Vợ chồng con cái và bố mẹ vợ	
Trung học phổ thông	Số người	2	0	1	2	5
	Tỷ lệ %	40	0	20	40	100
Cao đẳng	Số người	1	5	1	0	7
	Tỷ lệ %	14,3	71,4	14,3	0	100
Đại học	Số người	2	186	66	11	265
	Tỷ lệ %	0,8	70,2	24,9	4,2	100
Trên đại học	Số người	0	21	2	0	23
	Tỷ lệ %	0	91,3	8,7	0	100
Tổng		5	212	70	13	300
%		1,7	70,7	23,3	4,3	100

Theo bảng 2.2. cho thấy có xu hướng giảm dần tỷ lệ mô hình gia đình mở rộng theo sự tăng dần của trình độ học vấn. Chẳng hạn, có tới 60% số người có trình độ học vấn trung học phổ thông sống chung, với bố mẹ vợ/ chồng, trong khi đó, những cặp vợ chồng có trình độ từ cao đẳng trở lên, tỷ lệ giảm xuống còn 14,3%. Mặt khác lại có xu hướng tăng dần khoảng cách không gian giữa nơi cư trú của các cặp vợ chồng với nơi cư trú của bố mẹ vợ/ chồng theo sự tăng dần của trình độ học vấn. Mô hình sống riêng, xa bố mẹ vợ/ chồng được áp dụng nhiều nhất ở các cặp vợ chồng có trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên. Và cũng có một nhóm mô hình gia đình sống riêng, ăn riêng nhưng gần ngay cạnh nhà bố mẹ cũng chiếm tỷ lệ cao ở nhóm cặp vợ chồng có trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên. Mô hình sống chung nhưng ăn riêng, hoặc sống riêng nhưng ăn chung với bố mẹ hầu như không có ở những cặp vợ chồng có trình độ cao đẳng, đại học và trên Đại học. Mô hình chung sống của các cặp vợ chồng xét về trình độ học vấn cũng có tỷ lệ thuận với mức thu nhập của họ. Hơn một nửa số cặp vợ chồng có mức thu nhập 5-10 triệu đồng/ tháng sống chung, ăn chung cùng với bố mẹ chồng chiếm 60,7%. Trong khi con số này ở các hộ gia đình có mức thu nhập khá hơn (trên 10 triệu đồng/ tháng) lại chiếm tỷ lệ thấp hơn.

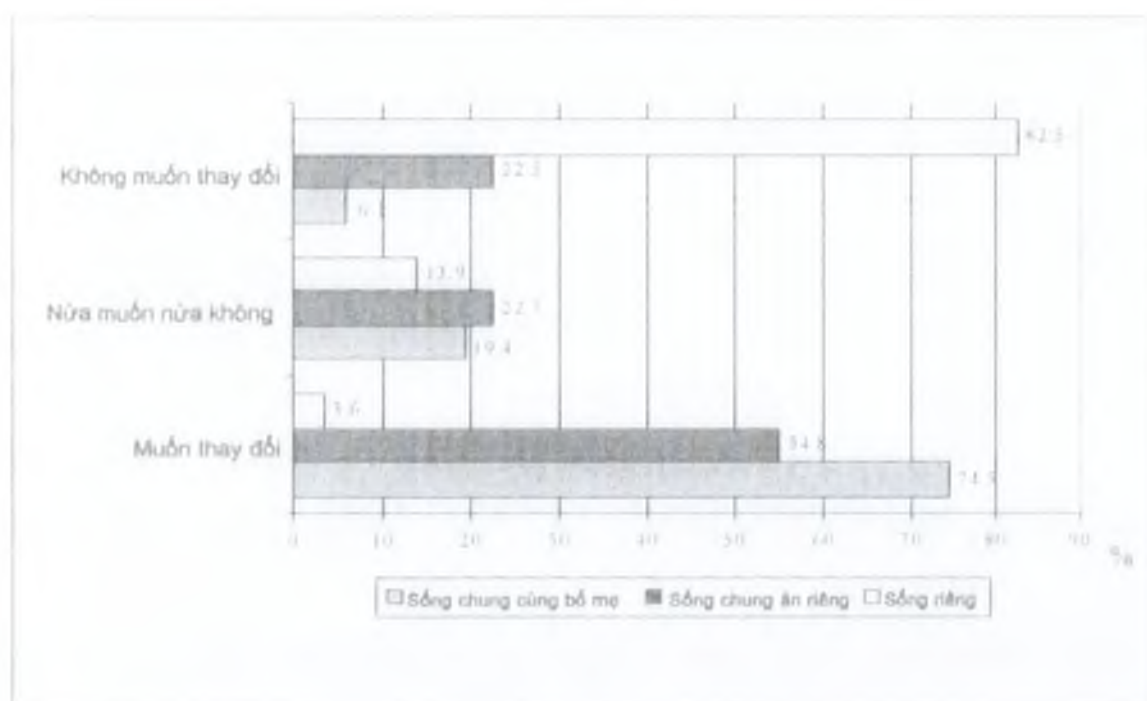
Bảng 2.3: Tương quan thu nhập và mô hình sống hiện tại

Thu nhập bình quần/tháng của vợ chồng		Những thành viên sống cùng gia đình				Tổng
		Hai vợ chồng	Hai vợ chồng và con cái	Vợ chồng con cái và bố mẹ chồng	Vợ chồng con cái và bố mẹ vợ	
Từ 5- 10 triệu	Số người	5	31	68	8	112
	Tỷ lệ %	4,5	27,7	60,7	7,1	100
Từ 10-15 triệu	Số người	0	150	0	3	153
	Tỷ lệ %	0	98	0	2	100
Trên 15 triệu	Số người	0	31	2	2	35
	Tỷ lệ %	0	88,6	5,7	5,7	100
Tổng số		5	212	70	13	300
% tổng		1,7	70,7	23,3	4,3	100

Những mô hình gia đình nói trên có thể do những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đó là những thay đổi trong nhu cầu tinh thần của chính những người dân. Bởi lẽ khi sống trong điều kiện kinh tế phát triển thì giá trị của “chủ hộ” ngày càng được nhiều người ý thức rõ ràng và coi trọng. Chính vì thế, mô hình gia đình hạt nhân chiếm số lượng nhiều ở khu chung cư cao cấp này. Đây không chỉ là xu hướng ưa chuộng của những cặp vợ chồng trẻ mà của cả những cặp vợ chồng cao tuổi. Những kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy số người muốn thay

đổi mô hình sống hiện tại của mình không nhiều: 22,4% nửa mong muốn, nửa không mong muốn, 7,1% muốn thay đổi và 6,7% khó trả lời, số % còn lại 61,5% không muốn thay đổi mô hình sống. Xem xét một cách cụ thể hơn số những người không mong muốn duy trì mô hình sống hiện tại, chúng tôi nhận thấy rằng, những người đang sống chung và ăn chung với bố mẹ muốn thay đổi nhiều nhất chiếm 74,5%. Tiếp theo là những cặp vợ chồng sống chung nhưng ăn riêng chiếm 54,8%. Còn những người sống riêng chiếm tỷ lệ thấp nhất 3,6%.

Biểu 2.1: Mô hình sống và mong muốn thay đổi mô hình sống hiện tại



Như vậy, vẫn có một tỷ lệ không cao những cặp vợ chồng đang sống riêng muốn thay đổi mô hình sống. Ở đây có thể họ mong muốn theo hai chiều hướng: một là đến sống chung với bố mẹ và chiều hướng thứ hai là vẫn sống riêng nhưng ở gần nhà bố mẹ. Điều này xuất phát từ hai lý do. Lý do thứ nhất

như đã nêu ở trên là ở gần bố mẹ, họ có thể nhận được sự trợ giúp từ bố mẹ và còn vì một lý do nữa là họ cũng dễ chăm sóc bố mẹ hơn.

Trong phỏng vấn sâu, một người phụ nữ 28 tuổi ở nhà 17T3 cho biết:

Nhà không có người giúp việc, mỗi hai vợ chồng với con nhỏ nên nhiều lúc cũng bí, mình cũng dự định mua căn hộ cùng tầng để đón bố mẹ chồng ở quê lên ở cùng có gì ông bà còn giúp đỡ hơn nữa ở gần ông bà mình cũng có điều kiện chăm sóc khi các cụ ốm đau” [PVS 25: Nữ, 1981, Đại học, Kế toán].

Tuy nhiên, xét khảo sát thì số người mong muốn thay đổi mô hình sống vẫn chiếm số lượng nhiều ở các cặp vợ chồng đang sống chung với bố mẹ.

“Vợ chồng ở riêng là thoải mái nhất nhưng cũng tùy thuộc hoàn cảnh. Sống cùng ông bà, nhiều lúc dạy con cái không được theo ý muốn, chuyện riêng của hai vợ chồng nhiều lúc ông bà tham gia lại gây ra cãi nhau”. [PVS 12: Nữ, 1982, Đại học, Kinh doanh]

Mô hình sống riêng, ăn riêng không chỉ là mong muốn của các cặp vợ chồng trẻ mà còn là mong muốn của người cao tuổi trong xã hội hiện đại. Trong cuốn *Gia đình trong tám gương xã hội học* do Mai Quỳnh Nam (chủ biên) đã cho thấy mô hình sống riêng, ăn riêng thường là lựa chọn của những người cao tuổi có nguồn thu nhập cao, ổn định, còn khỏe mạnh, nhất là còn đủ cả hai vợ chồng già.

“Chúng tôi mua căn hộ tầng dưới cho các con ra ở riêng từ khi chúng cưới nhau. Ở như thế tôi thấy cũng thoải mái đỡ va chạm chuyện mẹ chồng nàng dâu mà chúng nó cũng tự do và độc lập hơn. Vợ chồng tôi lương cũng cao sức khỏe thì tốt nên chưa cần nhờ chúng nó. Ở gần thế này là tiện nhất lúc nào thích thì mình có thể sang thăm cháu, thỉnh thoảng có việc chúng nó cũng gửi con cho tôi trông”. [PVS 16: Nữ, 1952, Đại học, Nghỉ hưu].

2.3.2. Cơ cấu nhân khẩu của các hộ gia đình khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính

Xem xét cơ cấu nhân khẩu theo trình độ học vấn và nghề nghiệp giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về đặc trưng các hộ gia đình khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính.

Trình độ học vấn

Bằng cấp hay trình độ học vấn luôn là một thước đo phổ biến trong các xã hội. Đây chính là một trong những yếu tố tạo ra sự phân tầng trong xã hội. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, sự phân chia các tầng lớp thường được sắp xếp theo thứ tự: sĩ, nông, công, thương. “Sĩ” hay “kẻ sĩ” dùng để chỉ những nhà trí thức, những người có trình độ học vấn cao. Họ luôn nhận được sự tôn trọng của cả cộng đồng, họ được xếp vào vị trí đầu tiên trong hệ thống phân tầng của xã hội truyền thống. Ngày nay, trong xã hội hiện đại, bằng cấp vẫn là một thước đo giá trị của con người. Bằng đại học hiện giờ gần như được coi là điều kiện tối thiểu để con người gia nhập vào thị trường lao động bậc cao. Người ta thường có thói quen quy gán những loại hành vi nhất định cho các nhóm trình độ

học vẫn khác nhau. Chẳng hạn, khi xem xét mối quan hệ giữa trình độ học vấn với mối quan hệ giữa hai vợ chồng hoặc cách nuôi dạy con cái, chăm sóc bố mẹ già. Ngay cả xem xét về nghề nghiệp và mức thu nhập với trình độ học vấn, ta sẽ thấy có tỷ lệ thuận với nhau. Chính vì thế, điều tra về trình độ học vấn của các cặp vợ chồng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính được chú ý đến. Thực tế, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người sống ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có trình độ học vấn thấp chiếm tỷ lệ thấp. Người dân ở đây có trình độ học vấn thấp (từ cao đẳng trở xuống) chỉ chiếm tỉ lệ 4% của người vợ và 2% người chồng và đa phần rơi vào những người lớn tuổi (55 tuổi trở lên). Tỷ lệ người có trình độ đại học chiếm số lượng cao và khá tương đương giữa vợ và chồng: 88,3% người vợ so với 82,3% người chồng. Tuy nhiên ở trình độ sau đại học thì tỷ lệ người chồng lại gấp đôi người vợ là 15,7% so với 7,7%.

Bảng 2.4: Trình độ học vấn của vợ, chồng

Trình độ học vấn	Vợ		Chồng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Trung học phổ thông	5	1,7	3	1,0
Cao đẳng	7	2,3	3	1,0
Đại học	265	88,3	247	82,3
Trên Đại học	23	7,7	47	15,7
Tổng số	300	100	300	100

Như vậy, qua bảng 2.4 cho thấy trình độ học vấn của các cặp vợ chồng ở khu vực này cao đồng đều so với những nơi khác. Và nó cũng rất hợp lý với nghề nghiệp và mức thu nhập của họ. Với thời điểm hiện tại, giá một căn hộ 65m² (căn hộ nhỏ nhất) đã lên tới hơn 2 tỷ đồng và chưa kể đến các phụ phí dịch vụ khác đi kèm cho thấy nghề nghiệp ổn định với mức thu nhập cao thì mới có thể đáp ứng được những mức giá cả nêu trên. Ngoài ra, trong kết quả phỏng vấn sâu, cũng có nhiều ý kiến nêu lý do chọn lựa sống ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính là do trình độ dân trí cao, và đương nhiên ai cũng muốn xung quanh mình là những người hàng xóm văn minh, lịch sự, con mình có một môi trường sống tốt.

Nghề nghiệp

Khi phân tích đặc điểm nghề nghiệp của vợ chồng trong hộ gia đình cho thấy những nét đặc trưng trong cơ cấu nghề nghiệp của xã hội. Mặt khác, sự giống nhau hoặc khác nhau về nghề nghiệp của người vợ và người chồng cho thấy những biến đổi trong quy luật của hôn nhân. Trong xã hội hiện đại, nghề nghiệp được xem như là một trong những vị thế cơ bản khi nhận diện về một con người. Chẳng hạn khi đặt câu hỏi: “Người kia là ai?”, ta thường nhận được câu trả lời: “Anh ấy là bác sĩ” hoặc “Ông ấy là kiến trúc sư”, “Cô ấy là giáo viên”... mà hầu như người ta sẽ không trả lời là “Anh ta giàu lắm” hay “Anh ta trẻ lắm”... Điều này cho thấy ý nghĩa quan trọng của tiêu chí nghề nghiệp trong xã hội. Đối với các nghiên cứu xã hội học, nghề nghiệp là một biến số quan trọng thường xuyên được xem xét.

Xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp, các loại nghề nghiệp cũng trở nên đa dạng, phong phú hơn. Trên thế giới có

hàng chục nghìn nghề nghiệp khác nhau và ở Việt Nam, trong Danh mục nghề của Tổng cục Thống kê ban hành năm 1999 đã chỉ ra hơn 620 loại nghề nghiệp khác nhau. Trong các nghiên cứu xã hội học ở Việt Nam có nhiều cách phân loại nghề nghiệp khác nhau nhưng nhìn chung, các cách phân loại đó cũng chưa bao quát hết các loại nghề nghiệp hiện nay. Bởi vì các loại hình nghề nghiệp ngày nay liên tục phát triển đa dạng cùng với sự phát triển của xã hội.

Do nghề nghiệp là một tiêu chí quan trọng để xác định vị thế cơ bản của một người và cũng do tính chất phức tạp, đa dạng của nghề nghiệp trong xã hội hiện đại, nên trong nghiên cứu này, biến số nghề nghiệp là biến số mở. Khi phỏng vấn người dân sống tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính về nghề nghiệp của họ, các phương án trả lời không được chuẩn bị trước mà điều tra viên sẽ ghi nhận câu trả lời của người được hỏi về nghề nghiệp của họ. Cách mỗi người trả lời về nghề nghiệp của mình sẽ cho thấy sự tự đánh giá về vị thế xã hội của họ.

Kết quả phỏng vấn cho thấy không có sự thống nhất về cách xác định nghề nghiệp của bản thân. Có những người chỉ ra nơi làm việc của họ, chẳng hạn ở Trường Đại học Luật, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam..., có người lại chỉ đích danh công việc của mình như bác sĩ, công an, giáo viên, doanh nhân...

Qua những loại nghề nghiệp mà những người trả lời cung cấp, căn cứ theo tính chất hoạt động của nghề nghiệp, chúng tôi đã tiến hành phân loại nhóm như sau:

Nhóm 1: nhóm những người không làm việc, bao gồm những người đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức, nội trợ, ở nhà. Nhóm này có đặc trưng là không có hoạt động nghề nghiệp.

Nhóm 2: nhóm liên quan đến làm những nghề tự do.

Nhóm 3: nhóm liên quan đến những người làm tại các công ty nước ngoài.

Nhóm 4: nhóm liên quan đến hoạt động kinh tế, gồm những người lập doanh nghiệp, kinh doanh buôn bán, kế toán, tài chính.

Nhóm 5: cán bộ nhà nước. Nhóm này tự nhận mình là cán bộ công chức, viên chức, công an hoặc bộ đội và những người chỉ ra cơ quan làm việc của họ thuộc các cơ quan nhà nước.

Sự phân chia các nhóm như vậy chỉ mang tính chất tương đối và được sử dụng riêng trong nghiên cứu này để phần nào có thể phác họa được chân dung những gia đình sống ở đây và qua đó là rõ được phần nào nếp sống của các gia đình ở khu vực này. Kết quả khảo sát cho thấy:

Bảng 2.5: Cơ cấu nghề nghiệp của người dân khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Nghề nghiệp		Nghề nghiệp của vợ		Nghề nghiệp của chồng	
		Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Nhóm 1	Nội trợ Nghỉ hưu	11	2	14	4,7
Nhóm 2	Nghề tự do	6	2	5	1,7
Nhóm 3	Công ty nước ngoài	7	2,3	7	2,3
Nhóm 4	Doanh nghiệp	60	20	149	49,7
Nhóm 5	Cán bộ nhà nước	216	72	125	41,7
	Tổng	300	100	300	100

Những nghề nghiệp chiếm tỷ lệ cao là cán bộ nhà nước 72% người vợ xét theo chỉ báo này và 41,7% là người chồng, tiếp đến là loại hình làm việc tại doanh nghiệp với tỷ lệ người vợ là 20% so với 49,7% người chồng.

Cơ cấu nghề nghiệp của người vợ và người chồng trong hộ gia đình cho thấy đặc trưng của nền kinh tế thị trường khi xuất hiện các loại hình làm việc tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi phân tích sự chuyển đổi của các loại nghề nghiệp theo nhóm tuổi, kết quả cho thấy tỷ trọng các nghề nghiệp trong cơ cấu của nền kinh tế cũng đang có sự chuyển đổi theo loại hình sản xuất và sở hữu: sự tăng lên của sản xuất theo định hướng thị trường, tăng loại hình tư nhân so với khu vực sản xuất nhà nước. Một số dẫn chứng sau sẽ minh chứng cho luận điểm trên:

Thứ nhất, tỷ lệ làm việc trong các cơ quan nhà nước ở các nhóm gia đình có khác nhau về độ tuổi. Nếu như các gia đình có nhóm tuổi từ 40 trở lên, tỷ lệ hộ gia đình có người chồng làm trong cơ quan nhà nước là 47,9% và vợ làm cơ quan nhà nước là 68,2% thì trong các gia đình ở nhóm tuổi dưới 40, tỷ lệ này đã giảm xuống là 35,2% đối với người chồng và 39,7% đối với người vợ.

Thứ hai, tương tự xét độ tuổi của các gia đình trong khu vực doanh nghiệp cũng có tỷ lệ khác nhau. Cụ thể tỷ lệ gia đình có nhóm tuổi dưới 40 các gia đình có cả vợ cả chồng cùng làm ở doanh nghiệp là 68,2% thì con số này ở các gia đình trên 40 tuổi là 26,3%.

Như vậy, cùng với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa thì sự thâm nhập của nền kinh tế thị trường vào các gia đình thủ đô, trong đó có các gia đình khu đô thị mới Trung

Hòa - Nhân Chính đã tạo nên sự chuyển đổi trong cơ cấu nghề nghiệp. Sự tác động này trước hết là vào sự nhận thức của người dân trong việc tìm kiếm cơ hội thay đổi nghề nghiệp. Nhiều gia đình trẻ nhận thức rằng môi trường làm việc và mức thu nhập là yếu tố quyết định sự lựa chọn nghề nghiệp, chứ tính ổn định không phải là ưu tiên lựa chọn số một.

Anh T 27 tuổi nhà 17T1 Trung Hòa - Nhân Chính:
“Tôi thích làm việc tại môi trường doanh nghiệp vì môi trường làm việc cạnh tranh, năng động cùng với mức thu nhập cao. Nếu so với các cơ quan nhà nước thì tính ổn định nghề nghiệp không bằng nhưng chính yếu tố này giúp tôi luôn luôn phải phấn đấu hoàn thiện mình và liên tục học hỏi để có thể đáp ứng môi trường làm việc khắt khe mà doanh nghiệp đòi hỏi”. [PVS 18: Nam, 1983, Đại học, Kinh doanh]

Điều này dẫn đến tỉ lệ lao động của các gia đình khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính tham gia vào các doanh nghiệp có xu hướng tăng lên và tỷ lệ làm việc trong cơ quan nhà nước giảm xuống. Một lý do nữa phải kể đến là quá trình giảm biên chế của bộ máy hành chính sự nghiệp của nhà nước dẫn đến thực trạng cơ hội tìm kiếm việc làm tại cơ quan nhà nước là hết sức khó khăn. Bên cạnh đó, kinh tế thị trường phát triển, nhiều ngành nghề mới ra đời, điều kiện thu hút lao động lại hấp dẫn hơn và dễ xin vào làm hơn.

2.3.3. Quan hệ lao động trong gia đình

Khi đề cập quan hệ lao động trong gia đình chúng tôi xem xét dưới góc độ phân công lao động giữa vợ và chồng trong

các hoạt động công việc nhà, chăm sóc giáo dục con cái .v.v. từ đó hiểu rõ hơn về nếp sống gia đình khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính.

Công việc nhà

Sự tác động của quá trình phát triển kinh tế xã hội, quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đã tạo ra những cơ hội việc làm và sự chuyển đổi trong phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là người vợ và người chồng tiến tới bình đẳng hơn trong nhiều lĩnh vực hoạt động ở gia đình.

Theo truyền thống, những hoạt động trong gia đình có sự phân công theo giới. Các hoạt động trong gia đình như: giữ tiền, các công việc nội trợ như mua thức ăn, nấu cơm, rửa bát, giặt giũ, chăm sóc con nhỏ... thường do người vợ đảm nhận. Các công việc như tiếp khách, làm trụ cột trong gia đình, thường do người chồng thực hiện. Tương ứng với sự phân công vai trò đó là sự phân công về quyền của người vợ và người chồng trong việc quyết định. Cũng theo quan niệm truyền thống, người chồng là người quyết định hầu hết các công việc quan trọng trong gia đình. Trong các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, cũng có những gia đình còn mang tính chất truyền thống trong vấn đề phân công công việc gia đình theo kiểu truyền thống nêu trên, nhưng cũng có nhiều gia đình đã mang xu hướng hiện đại.

Bảng 2.6. Phân công việc nhà trong gia đình

		Tham gia làm hoặc điều hành công việc gia đình			Tổng
		Vợ là chính	Chồng là chính	Cả hai như nhau	
Có người giúp việc	Số người	24	0	187	211
	Tỷ lệ %	11,4	0	88,6	100
Không có người giúp việc	Số người	53	2	34	89
	Tỷ lệ %	59,6	2,2	38,2	100
Tổng số		77	2	221	77
%		25,7	0,7	73,7	100

Khi xem xét phân công lao động trong gia đình giữa các cặp vợ chồng trong gia đình tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, chúng tôi nhận thấy rằng có sự phân công theo giới trong phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình. Chúng tôi tập trung vào phân tích phân công lao động giữa vợ và chồng và những xu hướng của mô hình phân công lao động theo các chỉ báo như người “giữ tiền”, các công việc nội trợ như “mua thức ăn”, “nấu cơm”, “rửa bát”, “giặt giũ”, “chăm sóc con nhỏ”, các công việc cộng đồng như “hợp tổ dân phố”. Tương ứng với sự phân công vai trò đó là sự phân công về quyền của người vợ và người chồng trong việc quyết định. Cũng theo quan niệm truyền thống, người chồng là người quyết định hầu hết các công việc quan trọng trong gia đình: “quyết định chi tiêu lớn”.

Số liệu cho thấy có tới 75,7% các cặp vợ chồng trong mẫu nghiên cứu ở riêng và 24,3% sống chung cùng bố mẹ vợ, chồng. Những đặc trưng về phân công lao động tại đây cho thấy nhiều công việc trong gia đình trước đây chủ yếu do người phụ nữ đảm nhận như dọn dẹp, nấu cơm, giặt giũ ... thì tỷ lệ này đã khá tương đồng giữa vợ và chồng cụ thể có tới 88,6% cho rằng cả hai tham gia làm việc nhà như nhau, tuy nhiên việc tham gia ở đây chỉ với tư cách là người điều hành các công việc còn người thực hiện chính các công việc lại do người giúp việc đảm nhiệm. Có thể lý giải điều này khi xem xét đến yếu tố người giúp việc. Theo kết quả thống kê trên 300 hộ gia đình thì có tới 70,9% các gia đình có người giúp việc như vậy các công việc trước đây người phụ nữ tham gia tích cực thì nay được giải phóng qua vai trò của người giúp việc.

Tuy nhiên khi xét những gia đình không có người giúp việc thì tỷ lệ làm việc nhà vẫn do người phụ nữ đảm đương vẫn cao hơn với tỷ lệ 59,6% Trong khi đó người chồng vẫn là người rảnh rỗi hơn với tỷ lệ 2,2% và tuy nhiên cũng có sự chia sẻ tương đối từ phía người chồng trong các công việc này đã có 38,2% cho rằng cả hai tham gia làm việc nhà như nhau.

Như vậy, ngoài những gia đình có người giúp việc, thì cũng đã có sự thay đổi trong việc phân công lao động giữa người vợ và người chồng trong các hoạt động nấu cơm, rửa bát, dọn nhà và giặt giũ, nghĩa là mặc dù nếp nghĩ truyền thống vẫn ít nhiều tồn tại trong các gia đình nơi đây nhưng thực tế đã có sự chia sẻ đáng kể trong công việc nhà của các ông chồng.

Đối với việc đại diện cho gia đình trong các hoạt động bên ngoài cộng đồng như tham gia họp tổ dân phố, đi họp phụ

huynh, thì chúng tôi nhận thấy tỷ lệ khá tương đồng giữa vợ và chồng. Với câu hỏi “ai là người thường xuyên tham gia họp tổ dân phố và đi họp phụ huynh cho con?” thì chúng tôi nhận được bảng kết quả như sau:

Bảng 2.7. Tham gia họp tổ dân phố và họp phụ huynh cho con

	Họp tổ dân phố		Họp phụ huynh	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Vợ là chính	59	19,7	63	21,0
Chồng là chính	70	23,3	8	2,7
Cả hai như nhau	171	57,0	224	74,7
Tổng	300	100	295	98,3
* Con đã trưởng thành không phải chăm sóc			5	1,7

Bảng 2.7 cho thấy trong vai trò người đại diện cho gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng cho hoạt động đi họp tổ dân phố thì tỷ lệ hộ gia đình do người chồng thực hiện vai trò này chiếm 23,3% và người vợ là 19,7% và cả hai vợ chồng là như nhau chiếm tỷ lệ cao với 57,0%. Trong khi đó, với vai trò là người đi họp phụ huynh cho con thì tỷ lệ hai vợ chồng cùng tham gia chiếm tới 74,7% và ở các hộ gia đình chỉ có chồng đi họp phụ huynh cho con là 2,7% và có tới 21,0% người vợ thực hiện công việc này.

Xem xét phân công lao động trong gia đình theo chỉ báo con cái, chúng tôi nhận thấy có sự chuyển đổi quan trọng (Trong địa vị và vai trò của người chồng và người vợ trong

gia đình. Cùng với sự chuyển đổi đó là những đòi hỏi tăng lên trong các hoạt động liên quan đến việc chăm sóc con cái trong giai đoạn khi đứa con đầu từ 1-6 tuổi. Một số hoạt động liên quan đến lĩnh vực này như cho con ăn uống, tắm rửa, chơi với con, việc giáo dục con cái, ai là người giúp con học thêm ở nhà, thưởng phạt con cái).

Trong các hoạt động liên quan đến chăm sóc, giáo dục đứa con đầu trong độ tuổi 1-6, kết quả phân tích cho thấy nhiều thành viên gia đình, họ hàng tham gia vào hoạt động này. Tuy nhiên, người vợ làm là chủ yếu và phần còn lại dành cho người giúp việc với tỷ lệ tương ứng như sau: 69,2% chơi với con; 47,2% người vợ làm công việc cho con ăn uống, tắm rửa và 39,6% là người giúp việc đảm trách công việc này. Nhưng đối với những gia đình không có người giúp việc thì tỷ lệ người vợ làm công việc này lên tới 89,2%. Với việc giúp con học thêm ở nhà thì có 45,7% thuộc về người vợ và 42,3% người vợ đóng vai trò là người thưởng phạt đối với con cái. Nếu phân tích theo chỉ báo “thời gian sinh sống” chúng tôi nhận thấy rằng có sự tương quan tỷ lệ thuận giữa vai trò của người đàn ông trong các hoạt động chăm sóc con cái và thời gian sinh sống của các hộ gia đình khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

Điều đó cũng có nghĩa là công việc chăm sóc cái trong những hộ gia đình khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính trong thời gian gần đây đã có sự chia sẻ nhiều hơn của người chồng.

Phân công lao động trong gia đình giữa người vợ và người chồng cũng như vấn đề bình đẳng giới trong quyết định các công việc gia đình và những việc liên quan đến bên ngoài gia

đình chịu tác động của cấu trúc xã hội của gia đình, chu kỳ sống của gia đình, những chuẩn mực và hệ giá trị của một nền văn hóa. Mô hình phân công lao động các công việc nội trợ cho thấy các gia đình ở khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính trong thời gian gần đây, sự tham gia của người chồng có xu hướng tăng lên. Điều này có thể được giải thích qua sự thái độ của người trả lời đối với vấn đề nội trợ khi cả hai cùng đi làm việc để kiếm thu nhập. Số liệu cho thấy, chỉ có khoảng 8% người trả lời không đồng ý bình đẳng công việc nội trợ giữa người vợ và người chồng mà coi đó là công việc của người vợ. Trong khi đó, khoảng 92% ý kiến ngược lại được lựa chọn trong phiếu phỏng vấn của chúng tôi.

Chăm sóc giáo dục con cái trong gia đình

Nước ta trải qua một thời kỳ dài của chế độ phong kiến, tư tưởng Nho giáo dường như ăn sâu vào nhận thức của người Việt Nam. Chính vì vậy, trong gia đình phong kiến xưa, người ta chỉ coi trọng con trai và luôn có quan niệm “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Khi ở nhà thì “tòng phụ”, khi lấy chồng thì “tòng phu”. Như vậy, trong gia đình truyền thống, đàn ông chiếm địa vị thống trị, tạo nên quyền uy tuyệt đối của gia trưởng, còn người phụ nữ chỉ phục tùng, hoàn toàn không có tư cách cá nhân độc lập.

Tuy nhiên, khi nói đến gia đình, không thể không nói đến người “giữ lửa”, người vun vén cho tổ ấm ngày một hạnh phúc hơn, đó chính là người vợ. Từ xưa, nhân dân Việt Nam đã có câu: “Vợ dại hại ba đời” hay “sẻnh cha thì ăn cơm với cá, sẻnh mẹ thì liếm lá ngoài đường” chỉ hai câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm đó thôi cũng đủ để ta thấy được vai trò quan trọng của người vợ trong gia đình.

Mặc dù tư tưởng và lễ giáo phong kiến đã ăn sâu trong tâm thức người Việt nhưng người phụ nữ trẻ ngày nay, bằng những cố gắng và những nỗ lực của bản thân, họ đã khẳng định và củng cố hơn cho vị thế của mình trong gia đình.

Trong số 300 hộ được khảo sát tại khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân chính thì có tới 176 gia đình có người vợ có trình độ văn hóa đại học và trên Đại học.

Như vậy đủ thấy người phụ nữ tại khu vực này, ngoài những kiến thức đủ để làm một người vợ, người mẹ tốt, họ còn được trang bị rất nhiều năng lực khác, đủ để họ có khả năng tự lập mà không phải phụ thuộc vào người chồng. Trong khuôn khổ nghiên cứu, chúng tôi chỉ đề cập đến vai trò của người vợ trong việc chăm sóc và giáo dục con cái.

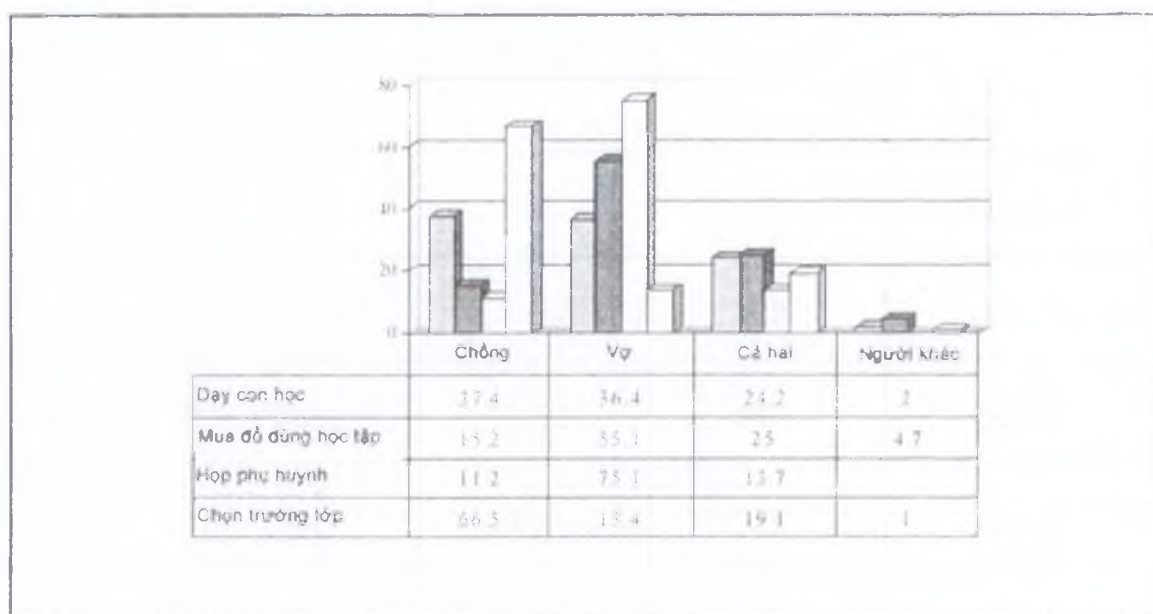
Theo số liệu điều tra, trong các hộ gia đình được khảo sát, có 63% người vợ là cán bộ, nhân viên thuộc biên chế nhà nước và cả các công ty tư nhân, 17% làm kinh doanh và chiếm số ít 20% là nội trợ. Trong đó, những người vợ có công việc ổn định như số liệu nêu trên, ngành nghề họ hoạt động rất phong phú: giáo viên, nhân viên ngân hàng, hướng dẫn viên du lịch... và cũng có cả những người đang giữ cương vị lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước hoặc công ty nước ngoài. Họ luôn quan tâm đến vấn đề nâng cao mức sống và đặc biệt là quan tâm đến việc chăm sóc, giáo dục con cái. Theo nghiên cứu của chúng tôi, trong số 300 gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, có 525 trẻ từ độ tuổi sơ sinh đến 18 tuổi. Trừ những trẻ chưa đến tuổi đi học, còn lại những trẻ em đang ở độ tuổi đi học là 320 cháu.

Bảng 2.8: Tổng số con trong các gia đình theo mẫu nghiên cứu

	Số người	Tỷ lệ %	Số con trong độ tuổi đi học	Số con chưa đến tuổi đi học
Chưa có con	7	2,3		
1 con	86	28,7	55	31
2 con	188	62,7	224	152
3 con	13	4,3	25	14
4 con	6	2	16	8
Tổng số	300	100	320	205

Trong số trẻ ở độ tuổi đi học có 68 cháu đang học đại học hoặc đã tốt nghiệp Đại học, còn lại là những cháu đang theo học ở các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Khi điều tra về kết quả học tập của các cháu thì chúng tôi nhận thấy số cháu đạt học lực khá và giỏi là chiếm tỷ lệ cao, điều này đã cho thấy chất lượng đào tạo con cái trong gia đình ở đây tương đối tốt.

Biểu 2.2: Người thường xuyên thực hiện các công việc liên quan đến việc học tập của con cái



Điều lý thú trong kết quả điều tra là ở hoạt động mua đồ dùng dạy học cho con và họp phụ huynh thì người có vai trò chủ yếu là các bà vợ, còn việc chọn trường, lớp và dạy con học thì tỷ lệ các ông chồng tham gia lại cao hơn. Thường thì việc mua sắm sách vở và những vật dụng cần thiết cho con cái là do người vợ và những việc đi họp cho con, gặp gỡ trao đổi với giáo viên về tình hình học tập của con hay làm thủ tục nhập học là những việc không lớn, người mẹ có thể đảm đương. Chúng ta đều biết việc dạy con học trong gia đình là một việc làm mà hầu hết các gia đình tại Việt Nam thực hiện. Hướng dẫn con học là hình thức thể hiện sự quan tâm của bố mẹ đối với con cái. Đây là công việc khá phổ biến trong các gia đình Việt Nam trong đó, người bố vốn có vai trò quan trọng bởi người bố đặc trưng cho trí tuệ, ý chí, kỷ cương của gia đình, làm tấm gương cho các con, đặc biệt là con trai. Và nhìn vào kết quả trên,

chúng tôi thấy rằng với chỉ báo dạy con học thì vai trò của người chồng là khá lớn 37,4%. Và cũng quyết định phần lớn 66,5% trong việc chọn trường lớp cho con đi học. Họp phụ huynh thường được nhà trường tổ chức một năm 3 lần vào đầu năm, cuối học kỳ 1 và cuối năm học để thông báo về tình hình học tập của học sinh tới phụ huynh và đồng thời cùng với bố mẹ các em thống nhất phương hướng giáo dục các em trong giai đoạn tiếp theo. Thông qua những buổi họp như vậy mà bố mẹ biết về thực trạng tình hình học tập của con mình, tuy nhiên các ông chồng có vẻ ít quan tâm tới việc đi họp phụ huynh và hầu như là phó thác cho vợ với tỷ lệ 75,1% làm công việc này.

“Tôi không có nhiều thời gian rồi nhưng vẫn cố gắng hết mức có thể để quan tâm tới việc học của con. Tôi vẫn xem bài vở và hướng dẫn con học vào buổi tối. Còn các việc như theo dõi thường xuyên, mua sách vở hay liên hệ với nhà trường đều do mẹ cháu làm”.
[PVS 23: Nam, 1966, Đại học, Kinh doanh].

Như vậy có thể thấy rằng những lựa chọn liên quan đến việc ra quyết định vẫn tập trung vào người chồng còn những việc thực thi thì lại là người vợ. Điều này cũng phù hợp với sự phân công công việc trong gia đình đã kể đến ở trên.

Số liệu cũng cho thấy các gia đình ở khu vực này rất quan tâm đến việc học tập của con, bằng chứng là có một tỷ lệ rất ít cho người khác tham gia vào các công việc hoạt động học tập của con mình. Chỉ có 2% gia đình nhờ người khác dạy học cho con và 4,7% gia đình nhờ người khác mua sách vở, đồ dùng học tập cho con và không ai trong các gia đình nhờ người đi họp cho con mặc dù tỷ lệ cho lựa chọn này không cân bằng giữa vợ và chồng.

Cũng ở vấn đề quan tâm chăm sóc tới việc học của con cái, chúng tôi xét tương quan với trình độ học vấn của bố mẹ và có kết quả như sau:

Bảng 2.9: Tương quan trình độ học vấn của bố mẹ với việc học hành của con cái

Hoạt động	Người tham gia các công việc học hành của con	Trình độ học vấn của vợ và chồng			
		Cao đẳng (%)	Đại học (%)	Trên ĐH (%)	THPT (%)
Dạy con học	Chồng	0	33,2	63,8	2,9
	Vợ	66,7	37,7	23,4	14
	Cả hai	0	28,3	12,4	9
	Người khác	33,3	0,8	0,4	74,1
Mua đồ dùng dạy học	Chồng	0	17,8	4,3	0
	Vợ	33,3	53	70,2	32
	Cả hai	33,3	25,1	19,1	68
	Người khác	33,3	4	33,3	0
Họp phụ huynh	Chồng	14,3	12,1	20	0
	Vợ	71,4	81,5	40	8,7
	Cả hai	14,3	6,4	40	91,3
	Người khác	0	0	0	0
Chọn trường lớp	Chồng	71,4	72,6	9,1	40
	Vợ	14,3	14,4	0	20
	Cả hai	14,3	12,9	90,9	40
	Người khác	0	0	0	0
Phi = 0,429 , Approx. Sig = 0.000 $\chi^2_{\text{qsát}} = 48.961$, df = 9, CramerV=0.427					

Kết quả cho thấy những người cặp vợ chồng có trình độ đại học trở lên quan tâm tới việc học hành của con nhiều hơn, cụ thể là ở trình độ đại học chỉ có 0,8% các gia đình phó thác việc dạy học của con mình cho người khác và cũng với chỉ báo này ở trình độ trên đại học là 0,4%. Trong khi đó, ở những cặp vợ chồng có trình độ học vấn thấp hơn thì tỷ lệ nhờ người khác dạy con học lại cao hơn, chẳng hạn như ở trình độ học vấn trung học phổ thông thì có tới 74,1% người khác đảm nhiệm công việc này và 33,3% ở trình độ học vấn Cao đẳng.

Như vậy, ta thấy trình độ học vấn khác nhau của các cặp vợ chồng sẽ có những hành vi quan tâm tới giáo dục con cái khác nhau. Để tìm hiểu mối tương quan giữa trình độ học vấn của các vợ chồng ở các gia đình có ảnh hưởng tới việc quan tâm tới giáo dục con cái hay không, chúng tôi đã kiểm định giả thiết về mối liên hệ giữa trình độ học vấn của vợ và chồng và việc dạy con học, giả thiết H_0 được đặt ra như sau:

H_0 : Học vấn của bố mẹ không có liên hệ với dạy con học.

Dạy con học không chịu ảnh hưởng bởi học vấn của bố mẹ.

H_1 : Học vấn của bố mẹ có ảnh hưởng tới việc dạy con học.

Dạy con học chịu ảnh hưởng bởi học vấn của bố mẹ.

Với kiểm định Khi - bình phương mà chương trình xử lý thống kê SPSS cho kết quả tương quan giữa trình độ học vấn của bố mẹ với việc học hành của con cái ở bảng 8. Như vậy, với mức ý nghĩa 0,05 nghĩa là độ tin cậy 95% ở giá trị giới hạn của bậc tự do 9 là $16,919 < 48,961$ [Hoàng Trọng, 2008, tr.510]. Theo tiêu chuẩn quyết định, ta có thể bác bỏ giả thiết H_0 , chấp nhận H_1 nghĩa là có thể kết luận trình độ học vấn của bố mẹ tại các gia đình khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi có ảnh hưởng tới việc dạy con cái học.

Hệ số Phi = 0,427 và Cramer'V = 0,427 cho thấy mối liên hệ tương đối mạnh giữa học vấn của bố mẹ và việc dạy con học.

Tóm lại, có đủ bằng chứng để kết luận rằng với độ tin cậy 95% có tồn tại mối quan hệ tương đối chặt chẽ giữa học vấn của bố mẹ và việc dạy con cái học.

Như vậy, có sự tương quan tỷ lệ thuận ở những cặp vợ chồng có trình độ học vấn cao sẽ quan tâm nhiều hơn trong vấn đề giáo dục con cái.

Khi xem xét tương quan giữa mức thu nhập và vấn đề giáo dục con cái, chúng tôi có kết quả như sau :

Bảng 2.10: Tương quan mức thu nhập và việc quan tâm giáo dục con cái

		Tổng thu nhập của hai vợ chồng / tháng		
		Từ 5 -10 triệu (%)	Từ 10-15 triệu (%)	Trên 15 triệu (%)
Dạy con học	Chồng	27,4	45,8	31,7
	Vợ	32,1	32,7	61
	Cả hai	39,6	18,3	7,3
	Người khác	0,9	3,3	0
Mua đồ dùng học tập	Chồng	25,5	9,8	9,8
	Vợ	62,3	52,9	43,9
	Cả hai	0,9	28,8	0

	Người khác	11,3	8,5	46,3
Hợp phụ huynh cho con	Chồng	26,4	3,3	2,4
	Vợ	69,8	76,5	82,9
	Cả hai	3,8	20,3	14,6
	Người khác	0	0	0
Chọn trường lớp	Chồng	76,2	62,3	63,4
	Vợ	17,1	9,3	19,5
	Cả hai	6,7	28,5	17,1
	Người khác	0	0	0
Approx. Sig = 0.000 $\chi^2_{\text{qsát}} = 7.497$, df = 4				

Bảng 2.10 cho thấy, tỷ lệ gia đình nhờ người khác mua sắm sách vở, đồ dùng học tập hay đi hợp phụ huynh và làm thủ tục nhập học cao nhất ở nhóm người có mức thu nhập cao (trên 15 triệu đồng/ tháng) 46,3%. Và cũng có một số tuy không nhiều những bà mẹ có mức thu nhập trong khoảng 5 triệu đồng/ tháng) 11,3% cũng nhờ người khác làm hộ những việc trên. Và như vậy, chúng ta thấy tỷ lệ cao dành thời gian cho vấn đề học hành của con vẫn là ở những bà mẹ có mức thu nhập khá. Tuy nhiên, ở mức thu nhập trên 15 triệu / tháng thì vai trò của người vợ trong việc kèm con học lại lớn hơn hơn người chồng với tỷ lệ là 61% so với 31,7%. Giả thiết đưa ra là những người chồng ở những gia đình có mức thu nhập cao là những người tham gia hoạt động công tác, giữ vị trí quan trọng tại các cơ quan hoặc là những doanh nhân có công ty riêng nên họ rất bận rộn. Mặt khác những người

chồng này thường là người mang lại nguồn thu nhập chính trong gia đình nên việc gia đình hay chăm sóc con cái lại do người vợ đảm nhiệm.

Qua một số phỏng vấn sâu, chúng tôi cũng thấy các bà vợ dùng nhiều hình thức để kèm con học.

“Tôi thường xuyên quan tâm đến vấn đề học tập của con. Ngoài việc thường xuyên xem bảng điểm hàng tuần mà cô giáo gửi về, tôi còn liên lạc trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm lớp của cháu để nắm sát sao xem con mình học hành thế nào, môn nào học sút để có phương hướng vực ngay môn học đó cho con”. [PVS 24: Nữ, 1975, Đại học, Kinh doanh]

“Tôi thường xuyên xem sách vở của con để biết con học trên lớp như thế nào, lượng bài học cần thiết mà con phải làm ở nhà là bao nhiêu để nhắc nhở và kiểm tra con vào mỗi buổi tối. Ngày nào tôi cũng dành cả buổi tối (trừ thứ 7) để kiểm tra và kèm con học vì cháu nhà tôi không được tự giác lắm trong việc học hành”. [PVS 22: Nữ, 1976, Đại học, CNVC]

Cũng có những trường hợp mẹ không có điều kiện để sát sao với con trong vấn đề này. Họ chỉ thỉnh thoảng nhắc nhở con, còn lại họ để cho con tự giác học.

“Con tôi tự học là chính. Tôi chỉ đáp ứng mọi yêu cầu của cháu về việc cháu xin tiền học chỗ này, học môn kia. Còn chất lượng học như thế nào thì tôi xem qua phiếu điểm của cháu”. [PVS 4: Nữ, 1967, Đại học, Giáo viên]

Ai cũng biết rằng kèm con học ở nhà là một việc làm hết sức cần thiết của gia đình cùng kết hợp với nhà trường để giúp con học tập tốt. Đây cũng là một biểu hiện của sự quan tâm của gia đình nói chung và của người vợ nói riêng đối với việc học hành của con cái. Những trẻ em được mẹ quan tâm kèm cặp trong học tập thường có kết quả học tập tốt. Chính những giờ học ở nhà giúp trẻ có thể củng cố lại kiến thức đã học ở trường. Nếu không có sự hỗ trợ từ gia đình nói chung và từ người mẹ nói riêng thì nhiều trẻ em bị rơi vào tình trạng hỏng kiến thức vì trên lớp có rất nhiều lý do khiến trẻ chưa nắm được bài ngay. Kết quả điều tra đã cho thấy tình hình dạy con học tại nhà của người vợ trong các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính cao hơn người chồng ở hầu hết các trường hợp. Dùng kiểm định Khi - bình phương để kiểm tra mối liên hệ giữa mức thu nhập của các gia đình và việc dạy con cái học cho thấy mối tương quan tỷ lệ nghịch, cụ thể như sau:

Với cặp giả thiết :

H_0 : Những gia đình có thu nhập cao không quan tâm tới dạy con học.

H_1 : Những gia đình có thu nhập cao có quan tâm tới dạy con học.

Với độ tin cậy là 95% và giá trị giới hạn ở bậc tự do 4, tra bảng phân phối chuẩn Khi - bình phương cho kết quả $9,4877 > 7,497$ [Hoàng Trọng, 2008, tr.510]. Như vậy, ta có thể bác bỏ giả thiết H_1 chấp nhận H_0 , nghĩa là các gia đình có thu nhập cao thì không quan tâm tới việc dạy con học.

Điều này cũng là một điều khá bất ngờ, bởi lẽ những hộ gia đình có mức thu nhập cao cũng là những hộ mà vợ/ chồng có

trình độ học vấn cao. Vậy, vì lý do gì mà họ lại ít quan tâm trực tiếp đến việc học hành của con cái? Kết quả trên khiến chúng tôi đặt ra giả thiết rằng mức thu nhập có ảnh hưởng tới việc dạy con học tại nhà. Theo bảng kết quả trên thì những gia đình có mức thu nhập càng cao thì tỷ lệ mẹ trực tiếp dạy con học càng thấp và tỷ lệ nhờ người khác dạy con học lại càng cao. Bởi lẽ những người có mức thu nhập càng cao thì thời gian rỗi dành cho việc dạy kèm con học càng ít, thứ hai là những người này có kinh tế nên càng có điều kiện thuê gia sư dạy học cho con, thứ ba là họ luôn muốn cho con những gì tốt nhất và gia sư dạy có lẽ sát với chương trình học của con hơn là cha mẹ.

Các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính đều nhận thức rất rõ tầm quan trọng của học vấn đối với tương lai của con cái, họ đều hiểu rằng con mình muốn vươn lên thì trước hết phải có học vấn. Do đó, họ cố gắng dành mọi điều kiện thuận lợi nhất cho con. Tuy nhiên, theo điều tra của chúng tôi thì mỗi gia đình có sự đầu tư cho con cái khác nhau. Những gia đình có điều kiện kinh tế ở mức cao thì cho con học ở các lớp học thêm ngoài giờ học chính quy ở trường và họ thường chọn những giáo viên dạy giỏi có tiếng để đảm bảo chất lượng cho con, còn vấn đề học phí không quan trọng. Ngoài ra, họ còn cho con theo học các lớp năng khiếu từ nhỏ như lớp múa ba lê, lớp thanh nhạc... ở Cung Văn hóa Thiếu nhi. Riêng môn ngoại ngữ được họ rất chú trọng đầu tư. Khi con mới học bậc Tiểu học, họ đã cho con đi học ở các trung tâm tiếng Anh do người bản ngữ dạy. Những gia đình có con lớn hơn thì cho con đi du học nước ngoài. Với những gia đình có mức thu nhập khá thì thuê gia sư dạy riêng, mua những phương tiện đồ dùng học tập như máy tính, sách nâng cao

kiến thức để giúp con tiếp cận nhanh hơn với sự phát triển của xã hội, nâng cao tri thức và sức sáng tạo cho con cái.

Khi hỏi về việc kèm cặp con trong thời gian tự học ở nhà thì có tới 76% các bà mẹ trả lời thường xuyên kiểm tra, xem xét việc học của con, có 17% là thỉnh thoảng kiểm tra việc học của con và chỉ có 7% là không bao giờ kiểm tra.

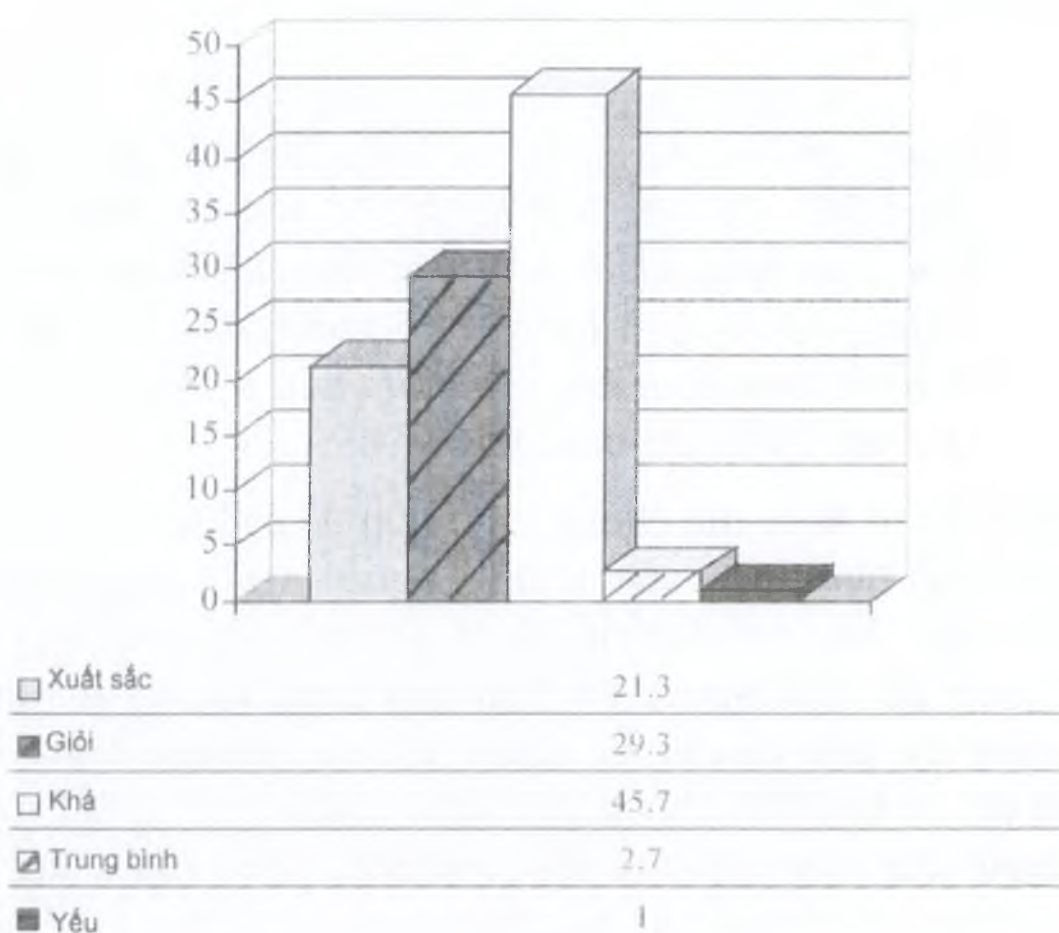
“Tôi nhận thức rất rõ trong thời đại này, nếu không có học thì sẽ bị xã hội đào thải nên tôi tập trung hết vào việc học hành cho con cái. Ngoài việc kèm con học, kiểm tra việc học tập của con, tôi thường xuyên liên lạc với cô giáo của cháu để nắm chắc về tình hình học tập của cháu ở trường”. [PVS 11: Nữ, 1973, Đại học, CNVC].

Một yếu tố khác mà chúng tôi muốn đề cập tới ở đây là về môi trường làm việc của những người vợ trong phạm vi nghiên cứu cũng ảnh hưởng rất nhiều tới việc nuôi dạy con cái. Trong số 80% người vợ tham gia công tác tại nhà nước, các công ty liên doanh và tham gia các ngành nghề kinh doanh thì có tới 97% cho là phải đầu tư cho việc chăm sóc và học hành của con ngay từ khi còn nhỏ. Điều này cũng phù hợp với tâm lý chung của các bà mẹ có công việc ổn định và thu nhập cao. Bởi lẽ khi đến cơ quan, công sở, ngoài công việc ra thì đề tài mà họ quan tâm nhiều đó chính là về con cái. Họ trò chuyện về việc dự định cho con vào trường này trường nọ, nào là đi du học, nào là học trường này tốt hơn trường kia... Từ đó, họ luôn có ý thức phấn đấu cho con mình một môi trường, một điều kiện học tập tốt nhất.

Những sự quan tâm sát sao của các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính nói chung và của các bà mẹ nói

riêng đã tác động rất lớn tới kết quả học tập của trẻ em ở khu vực này.

Biểu 2.3. Kết quả học tập của trẻ em ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính



Kết quả khảo sát cho thấy số trẻ em đạt loại học sinh giỏi và xuất sắc chiếm tỷ lệ khá cao với tỷ lệ tương ứng là 29,3% và 21,3%, có 45,7% xếp loại học sinh khá, số học sinh trung bình rất ít (2,7%) và tỷ lệ học yếu hầu như không có (1%).

Từ những nghiên cứu trên đây, trong phạm vi một bộ phận dân cư ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính (Hà Nội), chúng tôi có thể kết luận rằng ngày nay, tại hầu hết các hộ gia đình

nơi đây đang nỗ lực hết mình trong việc chăm sóc, giáo dục con cái - thế hệ tương lai của đất nước.

2.3.4 Quan hệ cộng đồng của các gia đình

Hoạt động cộng đồng vốn là một tập quán gắn bó với các gia đình Việt Nam từ bao đời nay. Thông qua hoạt động cộng đồng nếp sống gia đình cũng được hình thành, với các làng xã truyền thống nếp sống sinh hoạt cộng đồng được thể hiện qua những hoạt động văn hóa như hội làng. Đình làng là nơi tập hợp của cộng đồng để lo toan bàn tính việc làng việc nước ... Hiện nay trong quá trình đô thị hóa thì hình thức sinh hoạt cộng đồng của các cư dân nơi đây đã có nhiều thay đổi do tác động của kiến trúc đô thị, không gian công cộng trong các khu đô thị cũng đã thay đổi các kiểu kiến trúc đô thị khác nhau đã hình thành các hoạt động cộng đồng khác nhau không có đình như ở các làng quê mà thay vào đó là những khoảng không gian công cộng như công viên, sân chơi, hè phố. Như đã trình bày ở trên khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính chỉ có khoảnh sân tòa nhà 34t để các gia đình có thể tham gia các hoạt động cộng đồng. Chúng tôi tiến hành xem xét quan hệ cộng đồng của các thành viên trong gia đình thông qua sự tham gia các hoạt động cộng đồng theo các chỉ báo tuổi, giới tính.

Độ tuổi và các hoạt động cộng đồng

Độ tuổi là một trong những yếu tố có ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến nhận thức, thái độ cũng như hành vi của con người nói chung và hành vi tham gia các hoạt động công cộng nói riêng.

Dựa theo quan sát và kết quả điều tra bằng bảng hỏi tại các gia đình về người tham gia các hoạt động công cộng ở sân tòa nhà 34T khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, có thể nhận thấy

hoạt động công cộng chủ yếu thu hút những người ở hai độ tuổi: từ 25 - 34 hoặc là những người cao tuổi ở độ tuổi đã về nghỉ hưu.

Điều này cũng phù hợp với thực tế bởi độ tuổi 25 - 34 là độ tuổi sinh sản, con cái còn nhỏ nên việc tham gia các hoạt động ở sân nhà 34T cũng còn vì lý do cho con đi chơi và trông con như đã nêu ở phần trên. Còn những người cao tuổi, thường là những người đã về nghỉ hưu, người ta không bị cuốn hút bởi những hoạt động kinh tế, xã hội nữa nên họ sẽ thường tham gia các hoạt động để đảm bảo sức khỏe cho bản thân như tập dưỡng sinh, thái cực quyền, khiêu vũ thể thao... được diễn ra vào các buổi sáng sớm và buổi tối ở sân nhà 34T.

Việc xem xét cơ cấu người tham gia các hoạt động công cộng theo độ tuổi sẽ cho ta thấy được ảnh hưởng của việc tham gia các hoạt động đó tới các nhóm tuổi khác nhau như thế nào. Xem xét cơ cấu người tham gia các hoạt động cộng đồng trong mẫu khảo sát theo độ tuổi, ta có kết quả như sau:

Bảng 2.11. Kết quả thống kê về độ tuổi của vợ, chồng tham gia các hoạt động cộng đồng

	Chồng	Vợ
Độ tuổi cao nhất	77	72
Độ tuổi thấp nhất	23	21
Độ tuổi trung bình	35,2	33,4
Khoảng tuổi trung bình (độ tin cậy 99%)	29,2 - 38,0	25-36,1
Trung vị (Median)	29	24

Theo kết quả khảo sát, người có độ tuổi cao nhất là 77 tuổi, người có độ tuổi thấp nhất (trong độ tuổi đã kết hôn là 21 tuổi).

Như vậy, khoảng cách về độ tuổi cao nhất và thấp nhất giữa vợ và chồng trong các gia đình tham gia các hoạt động cộng đồng là khá tương đồng.

Trong mẫu điều tra, độ tuổi trung bình của người chồng tham gia các hoạt động cộng đồng là 35,2 cao hơn so với độ tuổi trung bình của người vợ là 33,4. Với độ tin cậy 99%, tuổi trung bình của những người chồng tham gia các hoạt động cộng đồng khoảng từ 29,2 tới 38, trong khi đó tuổi trung bình của những người vợ tham gia các hoạt động này khoảng từ 25,0 tới 36,1. Điều này cho thấy tuổi trung bình của người vợ tham gia các hoạt động cộng đồng trẻ hơn so với các đức ông chồng với cùng chỉ báo. Tuy nhiên, phân phối tuổi của những bà vợ lại tập trung hơn so với phân phối tuổi của các đức ông chồng trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng tại chung cư cao cấp Trung Hòa - Nhân Chính. Phải chăng giữa vợ và chồng ở các độ tuổi khác nhau lại có sự quan tâm khác nhau khi tham gia các hoạt động cộng đồng nơi đây?

Chúng ta hãy cùng xem xét cụ thể khoảng tuổi 10 năm của những người tham gia các hoạt động cộng đồng trong mẫu nghiên cứu, ta có kết quả như sau:

**Bảng 2.12. So sánh cơ cấu theo khoảng tuổi 10 năm
của người tham gia các hoạt động công cộng
ở hai thời điểm khảo sát**

Độ tuổi	2007		2009	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Từ 18 đến 29	23	7,7	19	6,3
Từ 30 đến 39	152	50,7	140	46,7
Từ 40 đến 49	96	32	101	33,7
Từ 50 đến 59	14	4,7	18	6
Hơn 60	15	5	22	7
Tổng số	300	100	300	100

(Thời điểm 1: Phát phiếu trưng cầu ý kiến tại các hộ gia đình theo mẫu nghiên cứu, ngày 14-7-2007, Thời điểm 2: Phát phiếu trưng cầu ý kiến tại các hộ gia đình theo mẫu nghiên cứu, ngày 9-7-2009).

Theo bảng 2.12, ta thấy tỷ lệ các khoảng tuổi của người tham gia các hoạt động công cộng vào hai thời điểm khảo sát khác nhau không đáng kể. Chẳng hạn, vào năm 2007, tỷ lệ người tham gia các hoạt động công cộng trong độ tuổi 18 - 29 là 7,7% thì trong năm 2009 là 6,3%, còn độ tuổi 30 - 39 năm 2007 là 50,7% đến năm 2009 là 46,7% và các độ tuổi lớn hơn cũng có tỷ lệ tương đương nhau. Dựa trên phân bố độ tuổi của những người tham gia các hoạt động cộng đồng, chúng tôi phân chia độ tuổi thành các khoảng để phân tích như sau: nhóm 1 (dưới 25 tuổi): Đây là nhóm tuổi của những cặp vợ chồng rất trẻ, mới bắt đầu lập nghiệp hoặc được hưởng sự giúp đỡ của gia đình hai bên. Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ

“phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ” sang “tự xây dựng gia đình riêng của mình” nên những người trong nhóm tuổi này đang đứng trước nhiều cơ hội thử thách trong sự nghiệp cũng như trong việc tạo dựng hạnh phúc cá nhân. Nhóm 2 (từ 25 - 34 tuổi): Đây là 10 năm tiếp theo của cuộc sống vợ chồng, cuộc sống gia đình đã dần đi vào quỹ đạo. Nhóm 3 (từ 35 - 54 tuổi): Đây là giai đoạn mà đa phần con người đã ổn định được những việc riêng của bản thân và gánh vác nhiều vai trò, trách nhiệm hơn trong gia đình cũng như trong xã hội. Nhóm 4 (trên 55 tuổi): Đây là độ tuổi con người kết thúc độ tuổi lao động, chuẩn bị chuyển sang giai đoạn nghỉ ngơi của cuộc đời.

Bảng 2.13. Nhóm tuổi tham gia các hoạt động cộng đồng

Nhóm tuổi		Tham gia các hoạt động cộng đồng		Tổng
		Có	Không	
Dưới 25	Số người	7	16	23
	Tỷ lệ %	30,4	69,6	100
Từ 25 đến 34	Số người	127	25	152
	Tỷ lệ %	83,6	16,4	100
Từ 35 đến 54	Số người	26	75	101
	Tỷ lệ %	25,7	74,3	100
Trên 55	Số người	21	3	24
	Tỷ lệ %	87,5	12,5	100
Tổng		181	119	300
Tỷ lệ %		60,3	39,7	100

Căn cứ theo việc phân chia độ tuổi của người tham gia hoạt động công cộng ở sân tòa nhà 34T thành 4 nhóm, chúng ta có được kết quả: tỷ lệ người tham gia các hoạt động cộng đồng dưới 25 tuổi có tỷ lệ (30,4%). Tỷ lệ người tham gia hoạt động cộng đồng trong độ tuổi 25 - 34 là khá cao (83,6%). Trong khi đó, tỷ lệ người tham gia hoạt động công cộng ở độ tuổi 35 - 54 cũng chiếm tỷ lệ thấp (25,7%). Còn độ tuổi trên 55 chiếm tỷ lệ cao nhất: 87,5 %. Với kết quả điều tra mẫu người tham gia hoạt động công cộng theo độ tuổi, ta thấy có sự tỷ lệ thuận với những giả thiết đã nêu. Bởi nhu cầu giao lưu, tham gia các hoạt động tập dưỡng sinh của những người cao tuổi khá cao. Còn những người trong độ tuổi 35 - 54 là những người đang trong độ tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội và cũng là một bộ phận không nhỏ những người sống ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính. Ở độ tuổi này, người ta thường giữ những trọng trách quan trọng hoặc làm lãnh đạo trong các công ty, doanh nghiệp. Vì vậy, họ không có nhiều thời gian để tham gia các hoạt động dạo mát hay tập thể dục và với những người này thì họ cũng qua độ “con mọn” để phải trông nom, cho chúng đi dạo. Theo điều tra, những người ở độ tuổi này thường sử dụng thời gian rảnh nghỉ ngơi tại nhà như xem tivi, nghe nhạc, trò chuyện với người thân, và nếu có các hình thức giải trí khác thì họ cũng chọn những đến những nơi để nghỉ ngơi đúng với nghĩa của nó. Như đã nói ở trên, hoạt động thể thao được coi là hoạt động phi chi chính qui được hình thành tự phát để rèn luyện sức khỏe.

Bảng 2.14. Mối quan hệ giữa độ tuổi với mức độ tham gia hoạt động thể thao trong khu đô thị

Độ tuổi		Tần suất tham gia hoạt động thể thao				Tổng
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	
Từ 18 đến 29	Số người	8	7	3	5	23
	Tỷ lệ %	34,8	30,4	13	21,7	100
Từ 30 đến 39	Số người	29	47	24	52	152
	Tỷ lệ %	19,1	30,9	15,8	34,2	100
Từ 40 đến 49	Số người	27	20	27	22	96
	Tỷ lệ %	28,1	20,8	28,1	22,9	100
Từ 50 đến 59	Số người	11	3	0	0	14
	Tỷ lệ %	78,6	21,4	0	0	100
Hơn 60	Số người	9	5	1	0	15
	Tỷ lệ %	60	33,3	6,7	0	100
Tổng số		84	82	55	79	300
% Tổng		28	27,3	18,3	26,3	100

Khi so sánh mức độ tham gia hoạt động thể dục thể thao trong khu vực theo độ tuổi thì ta thấy con số này tỷ lệ thuận với số tuổi của người trả lời, có nghĩa là tuổi càng cao thì mức độ thường xuyên chơi thể thao, đi bộ... cùng với mọi người trong các tòa nhà càng tăng. Trong khi những người thuộc

nhóm cao tuổi từ 50- 59 có tỷ lệ thường xuyên tham gia các hoạt động thể dục thể thao là 78,6% và 60% với độ tuổi trên 60, tỷ lệ này giảm đi ở các độ tuổi thấp hơn. Như vậy để thấy rằng nhóm thanh niên còn đang độ tuổi đi học hay nhóm trung niên đang trong độ tuổi lao động thường không có thời gian tham gia các hoạt động này. Đặc biệt là nhóm người trong độ tuổi lao động, họ bận công tác ở cơ quan, đoàn thể. Sau giờ làm việc, hầu hết thời gian rỗi của họ được dùng để sinh hoạt cá nhân, chăm sóc nhà cửa, giao lưu và quan hệ ngoài xã hội. Hoặc nếu có thì nhóm này cũng tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại cơ quan nơi họ công tác. Trong khi đó, nhóm ngoài độ tuổi lao động thường rảnh rỗi hơn, tuổi cao sức khỏe yếu hơn nên họ thường chăm lo sức khỏe cho bản thân nhiều hơn.

Những đặc trưng về cơ cấu nhân khẩu và các hoạt động trong ngoài gia đình tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có những thay đổi trước sự phát triển của đất nước.

Giới trong các hoạt động cộng đồng

Khi quan sát những hoạt động ở nơi công cộng của những gia đình sống tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, chúng tôi thấy cũng có những nét mang tính đặc trưng của cư dân nơi đây. Mặc dù ở khu vực này không có nhiều khu vực để người dân tham gia các hoạt động công cộng, chúng tôi quan sát ở sân nhà 34T vào các thời điểm khác nhau cũng thấy có nhiều vấn đề đáng quan tâm về cơ cấu giới của những người tham gia hoạt động như sau:

Bảng 2.15 Kết quả quan sát tại sân nhà 34T

Thời điểm quan sát	Nam		Nữ	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
19h30 5-6-2007	22	26,2	62	73,8
20h00 14-6-2007	19	28,8	47	71,2
21h00 5-6-2008	30	34,1	58	65,9
19h00 6-6-2008	27	47,4	30	52,6
19h30 19-6-2009	16	24,6	49	75,3
20h30 10-11-2009	18	22,2	63	77,8

Kết quả quan sát cho thấy số lượng người và tỷ lệ nam/ nữ tham gia các hoạt động tập thể dục, đi dạo mát, ngồi hóng gió nói chuyện phiếm, cho con xuống sân chơi, hướng dẫn con các trò chơi ... vào các khoảng thời gian khác nhau là không giống nhau và có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ nam - nữ xuống sân 34T để tham gia các hoạt động công cộng. Tỷ lệ nam giới tham gia các hoạt động ở dưới sân nhà 34T dao động trong khoảng 20 - 30% nhưng tập trung vào khoảng 35%, còn nữ giới khoảng từ 70 - 80% nhưng tập trung khoảng 75%. Kết quả quan sát ngẫu nhiên vào ngày 19/6/2009 cho biết tại sân nhà 34T, tỷ lệ nam giới là 24,6% và tỷ lệ nữ giới là 75,3%.

Như vậy, có sự tương đồng giữa kết quả quan sát và kết quả điều tra theo mẫu ngẫu nhiên. Điều này cho phép kết luận tỷ lệ nữ giới tham gia vào các hoạt động công cộng tại đây nhiều hơn nam giới. Các hoạt động công cộng ngoài việc tập luyện thể dục thể thao đảm bảo sức khỏe, còn để giải quyết nhu cầu trao đổi, giao lưu, là một hoạt động có sức thu hút đối với nữ giới hơn nam giới. Xét về khía cạnh tâm lý, nam giới

thường được coi là phái mạnh, cứng rắn, mạnh mẽ và sống thiên về lý trí. Còn nữ giới được coi là phái yếu, dịu dàng, sống thiên về tình cảm. Điều này được thể hiện trong quan điểm của các nhà lý thuyết chức năng T.Parsons cho rằng:

“Trong gia đình, chồng là người đi làm kiếm sống, tạo ra thu nhập, và vợ ở nhà chăm sóc con cái, lo việc nhà. Như vậy người chồng đóng vai trò mà T.Parsons gọi là "công cụ", anh ta suốt ngày đi làm trong một xã hội cạnh tranh và hướng tới sự thành đạt. Điều đó dẫn anh ta tới chỗ căng thẳng và lo lắng. Người vợ đóng vai trò "tình cảm" theo nghĩa chị chăm sóc, hỗ trợ về tình cảm và tạo ra sự an toàn không chỉ cho con, mà cả cho chồng. Chị giảm bớt sự căng thẳng của chồng bằng cách yêu thương, hiểu thấu và chu đáo với chồng”.
[Mai Huy Bích, 2003, tr.211]

Người phụ nữ luôn có nhu cầu trao đổi chuyện trò, tư vấn tình cảm... từ những người khác để họ có thể lấy được thăng bằng trong cuộc sống (đặc biệt là đối với những người phụ nữ chỉ làm nội trợ ở nhà). Ngoài lý do đó ra còn có muôn vàn lý do khác để họ tham gia các hoạt động vui chơi, dạo mát ở sân nhà 34T như cho con xuống sân chơi và mẹ phải đi theo để trông con.

“Tôi thấy mình lựa chọn sống ở chung cư là rất đúng đắn vì ngoài những lý do khác thì còn vì con nhỏ tôi có thêm nhiều bạn cùng tuổi với mình. Mỗi chiều cho cháu xuống sân ăn là một dịp để các cháu vui đùa, các bà mẹ làm quen với nhau và học hỏi kinh nghiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan”. [PVS 22: Nữ, 1976, Đại học, CNVC]

“Chồng tôi đi làm cả ngày, không biết hàng xóm thế nào, thỉnh thoảng đi chung cầu thang, gặp ai thì chỉ cười rồi chào hỏi mấy câu lấy lệ. Nhưng rồi con gái tôi tới nào cũng lúi lo kể với bố về bạn Tèo nhà bác Trung, bạn Bông nhà bác Hạnh, cu Vịt nhà cô Hồng... ở cùng tòa nhà. Đó chính là vì chiều nào bé cũng được tôi cho xuống sân chơi, quen các bạn, nhân dịp giới thiệu luôn người lớn với nhau. Từ đó, chúng tôi cũng quen thêm được vài cặp vợ chồng có con trạc tuổi với con gái tôi”. [PVS 25: Nữ, 1981, Đại học, Giáo viên]

Trong khi đó, nam giới lại ít có nhiệm vụ trông nom con nhỏ và họ cũng ít có nhu cầu trao đổi thông tin hay tư vấn tình cảm, vả lại hầu hết họ là những người trụ cột gia đình, làm kinh tế chính rất mệt mỏi nên ngoài giờ làm việc, họ không muốn đến những chỗ ồn ào, đông người mà chỉ muốn tìm về nghỉ ngơi ở tại tổ ấm của mình.

Ý thức của các thành viên tham gia hoạt động cộng đồng

Từ những năm 80, ở Hà Nội đã bắt đầu mọc lên một số chung cư 5 tầng lớn như Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Khu Thanh Xuân Nam, Khu Tập thể Kim Liên, Khu Tập thể Kim Giang... Những khu tập thể này vào thời kỳ đó là những khu nhà ở cao cấp mà chỉ có cán bộ mới được phân để ở. Tuy nhiên, những khu tập thể cao cấp đó lại cũng có nhiều nếp sống “thấp” mà nhiều người đã nhìn nhận ra. Ở Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính ngày nay đã có nhiều cải thiện hơn về nếp sống hơn nhưng vẫn có (tuy không nhiều) những vấn đề mà người dân xung quanh phản ánh qua phỏng vấn của chúng tôi. Chẳng hạn như thói quen “thuận tay” vẫn không

Quy tắc cơ bản của việc đi thang máy là phải đợi người ở bên trong ra hết thì người bên ngoài mới được vào. Thế nhưng như đã đề cập ở trên, vào giờ cao điểm ở đây thường xuyên xảy ra tình trạng tắc nghẽn thang máy và tình trạng chen lấn cũng thường xảy ra. Bảng quan sát ngẫu nhiên trên cho thấy thời gian chờ đợi trung bình vào các giờ cao điểm tại đây là khoảng 4,2 phút. Với tâm lý ngại chờ đợi đã có nhiều trường hợp đi quá số người cho phép và phần lớn tỷ lệ này thuộc về nam. Kết quả phỏng vấn sâu cho biết nhiều khi các cư dân ở đây sẵn sàng chấp nhận sự chật chội hơn là chờ đợi.

“Thang máy ở đây qui định tải 1000kg, số người cho phép là 13 nhưng tôi thấy người Việt Nam bé nhỏ nên đi quá một người cũng không sao” [PVS 23: Nam, 1974, Đại học, Kinh doanh].

Như vậy, nhiều người không chịu mất vài phút quý báu nên chen nhau, bất chấp số lượng người qui định.

Ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, rất nhiều nhà có người giúp việc. Quan sát về việc sử dụng thang máy, chúng tôi cũng thấy một điều lý thú khác là việc sử dụng thang máy như một công cụ đỡ trẻ. Nhiều người giúp việc trong các gia đình ở đây đã dụ trẻ con ăn bằng việc bấm thang máy dừng và cho chạy lên xuống các tầng.

Ngoài ra, một số người dân vẫn giữ nếp sống sinh hoạt cũ trong một đô thị mới gây ảnh hưởng đến những người xung quanh.

“Tuần trước, tôi ngỡ ngàng khi nghe thấy tiếng gà gáy vào sáng sớm. Thì ra nhà bên cạnh vừa có người ở quê ra biếu con gà. Rồi nhà bên ấy nhốt gà ra

ngoài ban công, rồi đóng cửa đi từ sáng đến chiều. Gà bốc mùi hôi bay ra hành lang các nhà xung quanh". [PVS 10: Nữ, 1978, Đại học, Giảng viên].

Như vậy, có thể thấy những đặc trưng khác biệt của các gia đình sống tại chung cư Trung Hòa - Nhân Chính thông qua các hoạt động cộng đồng ở đây. Nhiều gia đình mang theo nếp sống sinh hoạt từ nơi ở cũ đến đây và còn có một bộ phận người giúp việc gia đình đóng góp vào các hoạt động cộng đồng đó.

Chương 3

TƯƠNG TÁC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI CỦA GIA ĐÌNH

Nếp sống của các gia đình được thể hiện rõ nét nhất trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và với môi trường xung quanh. Cụ thể, trong chương này có đề cập tới mối quan hệ giữa người vợ và người chồng, những mâu thuẫn thường gặp ở các cặp vợ chồng sống tại khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính, những quan niệm của họ về vai trò của con cái trong gia đình. Ngoài ra, chúng tôi cũng xem xét mối quan hệ của các hộ gia đình với hàng xóm láng giềng sống trong cùng một tầng nhà, một tòa nhà. Tương tác liên thế hệ giữa ông bà với con cháu và con cháu với ông bà cũng là một vấn đề được quan tâm trong đề tài.

Người Việt Nam rất chú trọng tới bữa ăn hàng ngày bởi đó là lúc các thành viên có dịp được gặp nhau đông đủ nhất trong ngày, và người ta cũng có thể đánh giá một phần về nếp sống của một gia đình qua bữa cơm thân mật. Duy trì việc họp gia đình vào bữa cơm tối là việc mà hầu hết các gia đình thực hiện. Tuy nhiên, với khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính với những nét đặc trưng về nghề nghiệp, về điều kiện kinh tế

đã tạo nên những nét khác biệt trong việc tổ chức bữa ăn gia đình ở một số hộ.

Như đã nêu ở trên, việc tổ chức bữa ăn đóng vai trò khá quan trọng trong việc xây dựng không khí ấm cúng trong một gia đình mà ở khu vực này có một số gia đình không thực hiện được điều đó nên nó cũng ảnh hưởng tới quan hệ giữa người vợ và người chồng. Hầu hết những gia đình có xảy ra mâu thuẫn giữa vợ và chồng rơi vào những trường hợp người vợ không thực hiện được việc duy trì nề nếp bữa cơm gia đình. Trong các gia đình sống ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính, nhiều trường hợp người chồng đóng vai trò đóng góp ngân sách chính nhưng người vợ vẫn là người nắm giữ ngân sách và việc chi tiêu những công việc lớn vẫn do hai vợ chồng cùng bàn bạc, quyết định. Như vậy, xem xét yếu tố này, nghiên cứu cho thấy có nhiều điểm khác biệt về điều kiện kinh tế ở khu vực này so với khu vực dân cư khác nhưng về cơ bản, việc nắm giữ ngân sách và quyết định chi tiêu trong gia đình vẫn theo xu hướng chung.

Cũng do đặc trưng về trình độ học vấn của người dân khu vực này tương đối cao nên họ cũng có những quan niệm rất mới về vai trò của con cái trong gia đình. Người ta ít coi trọng việc sinh con trai và thường chăm lo rất đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần cho con dù cho là sinh con gái.

Tại khu vực này, gia đình hạt nhân hai thế hệ chiếm số đông, tuy nhiên bên cạnh đó cũng tồn tại một số gia đình truyền thống (sống chung ba thế hệ). Trong những gia đình hạt nhân có nhiều điểm khác biệt trong nếp sinh hoạt so với gia đình truyền thống. Tương tác liên thế hệ thể hiện rõ nét nhất trong

các gia đình truyền thống (thường có sự giúp đỡ rất rõ của ông bà với con cháu và sự chăm sóc của con cháu dành cho ông bà). Tuy nhiên, trong các gia đình đa thế hệ, ngoài những điểm tích cực, cũng cho thấy còn một số mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng và bố mẹ già. Có một số ít mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề chi tiêu, còn lại là do nguyên nhân giáo dục con cái, do ứng xử với mọi người và quan hệ với họ hàng. Nhưng nhìn chung, mâu thuẫn cũng chỉ ở mức độ rất nhẹ nhàng do nhận thức và cách xử lý tình huống của những thành viên trong gia đình.

Quan hệ hàng xóm láng giềng là yếu tố tạo nên đặc điểm riêng nhất của khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính. Ở đây quan hệ cộng đồng rất lỏng lẻo, tình làng nghĩa xóm dường như thiếu vắng. Điều này cũng do nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như kết cấu khép kín của các căn hộ, đặc trưng nghề nghiệp của cư dân... Quan hệ giữa các hộ gia đình sống chung một tầng nhà hầu như chỉ dừng lại ở việc chào hỏi nhau khi gặp mặt hoặc với một số đối tượng (người cao tuổi, phụ nữ trong độ tuổi nuôi con nhỏ) thường xuống chơi dưới sân nhà 34 T thì có mức độ quan hệ cao hơn là tán chuyện gẫu, nhưng cũng chỉ dừng lại ở địa điểm hẹp là sân chơi đó mà không tiến tới việc đến nhà nhau chơi.

Tất cả những điều nêu trên được xem xét, phân tích kỹ ở chương này.

3.1. Tương tác cùng thế hệ

Khi xem xét đến nếp sống sinh hoạt trong gia đình, chúng ta không thể không chú ý tới mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, trong đó quan hệ giữa vợ và chồng là một trong những chỉ báo quan trọng để lý giải những hoạt động

thường ngày của gia đình. Qua mối quan hệ giữa vợ và chồng chúng ta xem xét những nếp sinh hoạt đang diễn ra thường ngày trong các gia đình đô thị Trung Hòa - Nhân Chính.

3.1.1. Sinh hoạt thường ngày và quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong gia đình

Nếp sinh hoạt truyền thống ở nước ta khi bước vào thời kỳ hiện đại cũng đã có những chuyển biến nhất định. Khi xem xét những sinh hoạt thường ngày dưới vấn đề chợ búa và nhận thấy ở bất kỳ một khu dân cư mới hay một khu nhà cao tầng mới hình thành thì bao giờ người dân cũng quan tâm nhiều đến việc chợ họp ở đâu? Mua thức ăn hàng ngày ở chỗ nào? Người Việt Nam ta thích ăn đồ tươi sống, món ăn phải đi kèm nhiều gia vị, rau thơm...nên đã rất chú trọng tới chỗ mua thức ăn hàng ngày. Chính vì lẽ đó, một trong những chỉ báo được xem xét tới nếp sống sinh hoạt của các gia đình khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính là vấn đề chợ búa.

Hiện nay, trong địa bàn nghiên cứu có sự đa dạng về loại hình chợ. Siêu thị mọc lên khắp nơi - một phương thức mua bán có vẻ hiện đại, phù hợp với thời đại hơn. Những siêu thị ở Việt Nam đang phát triển và sẽ tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại và có lẽ cũng còn trong một thời gian rất lâu, rất dài nữa siêu thị vẫn chưa thể thay thế được các chợ truyền thống. Và chính những đặc điểm của chợ ở nơi đô thị trong thời kỳ đang phát triển cũng làm nên nét đặc trưng trong nếp sống sinh hoạt cho dân cư ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính.

Ở các gia đình trong khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, khi xem xét tới tần suất đi chợ chúng tôi thấy có mối liên hệ

với số thế hệ trong một gia đình. Các gia đình có người già và trẻ nhỏ thường xuyên đi chợ hàng ngày do có thời gian rảnh rỗi (ông bà về hưu) hay cần thức ăn tươi sống hàng ngày (trẻ nhỏ). Trong khi đó, các gia đình hai thế hệ mà con đã lớn thì số lần đi chợ trong tuần chỉ là 2 đến 3 lần, do không có thời gian và cũng không nhất thiết cần đi chợ hàng ngày. Mặt khác, dưới chân một số tòa nhà cũng có những siêu thị nhỏ hoặc đại siêu thị Big C cách đó không xa nên việc mua sắm thức ăn cho cả tuần ở siêu thị cũng xảy ra.

Bảng 3.1: Lựa chọn hình thức đi chợ

	Số người	Tỷ lệ %
Mua thức ăn một lần cho cả tuần	36	12
Hai lần cho thức ăn cả tuần	37	12,3
Ba lần cho cả tuần	22	7,3
Hai ngày một lần	45	15
Ngày nào cũng đi chợ	159	53
Tổng số trả lời	299	99,7
Không trả lời	1	0,3
Tổng cộng	300	100

Với câu hỏi: “*Gia đình ông/bà thường đi chợ mua thức ăn như thế nào?*” thì câu trả lời “*ngày nào cũng đi chợ*” chiếm tỷ lệ cao nhất (53%) và các hình thức đi chợ tích trữ thức ăn như “*mua một lần thức ăn cho cả tuần*” (12%), còn lại các phương án khác có tỷ lệ khá tương ứng. Ở những gia đình có

bố mẹ sống cùng đều có sự lựa chọn là *“ngày nào cũng đi chợ”* bởi theo họ, nhà có người lớn tuổi vẫn phải đảm bảo nếp sinh hoạt đúng giờ, thức ăn phải luôn tươi ngon để giữ sức khỏe. Và lại, bố mẹ thường đã nghỉ hưu, rồi rãi nên cũng giúp các con trong việc chợ búa được. Trong khi đó, trường hợp *“mua một lần thức ăn cho cả tuần”* lại ở các gia đình chỉ có hai thế hệ và vợ/chồng đều là cán bộ viên chức nhà nước. Họ cho biết, với áp lực công việc ngày 8 tiếng, sáng đi tối về, họ không thu xếp được nhiều thời gian cho vấn đề này. Hơn nữa, muốn ra chợ chính (chợ Trung Hòa) cũng cách nhà gần 2 km, phải xuống hầm lấy xe rất lách kích. Chợ cóc cũng có họp ở đằng sau khu nhà 17T5 nhưng chỉ họp một lúc sáng sớm nên cũng không tiện. Và giải pháp tốt nhất mà họ lựa chọn là dành ngày chủ nhật rồi rãi, đi chợ mua thức ăn cho cả tuần.

Sự lựa chọn hình thức đi chợ nêu trên cũng tương ứng với việc lựa chọn địa điểm đi chợ. Với những gia đình có bố mẹ sống cùng hoặc vợ làm công việc nội trợ, đều chọn hình thức chợ cóc để mua thức ăn hàng ngày là 86%.

Bà L cho biết: *“Sáng nào tôi cũng dậy sớm tập thể dục, tiện thể đi chợ luôn. Đi chợ sớm vừa mát mẻ, đi bộ tập thể dục luôn và lại mua được thức ăn tươi ngon. Tôi thường ra chợ cóc ngay sau nhà, chỉ những hôm nhà có việc hoặc ngày cuối tuần tổ chức ăn tươi thì mới đi chợ Trung Hòa”*. [PVS 2: Nữ, 1947, Cao đẳng, Nghỉ hưu].

Với những gia đình sống hai thế hệ và lựa chọn *“mua thức ăn một lần cho cả tuần”* cũng đa số lựa chọn địa điểm đi chợ là các siêu thị: 72%.

Chị M nói: “*Vì không bố trí được nhiều thời gian cho vấn đề chợ búa nên tôi thường chọn đi siêu thị. Ở đó có đủ thứ từ hàng khô cho đến rau, hoa quả và thực phẩm tươi sống. Và lại tôi cũng yên tâm hơn khi biết rằng thực phẩm ở đó đều qua kiểm dịch được bảo đảm về chất lượng*”. [PVS 22: Nữ, 1976, Đại học, CNVC].

Số liệu khảo sát cũng cho thấy trong các gia đình mà sống cùng với bố mẹ vợ chồng mặc dù thuộc hộ có mức thu nhập cao nhưng họ vẫn có lựa chọn là mua thức ăn ở chợ cóc tỷ lệ này là 60% cho mức thu nhập của các gia đình có tổng thu nhập của hai vợ chồng trên 15 triệu/tháng . Có thể thấy rằng mô hình sống chung với bố mẹ có yếu tố khá quyết định trong việc lựa chọn hình thức đi chợ, và có tới 80,8% lựa chọn hình thức đi chợ cóc là các gia đình nhiều thế hệ. Số liệu cũng cho thấy những gia đình có hai thế hệ, lựa chọn việc mua thức ăn ở siêu thị và các chợ chính lại chiếm tỷ lệ cao tương ứng là: đi chợ tại siêu thị 37,4%, đi chợ chính 47,1% . Trong khi đó không có gia đình hai thế hệ nào trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi có mức thu nhập trên 15 triệu lựa chọn hình thức đi chợ cóc.

Khi xem xét vấn đề chợ búa trong các gia đình ở đây, chúng tôi cũng thấy có điểm tương quan giữa mức thu nhập của các gia đình và hình thức đi chợ.

Bảng 3.2: Tương quan giữa mức thu nhập của hai vợ chồng với việc lựa chọn địa điểm đi chợ

Tổng thu nhập 2 vợ chồng		Địa điểm đi chợ			Tổng cộng
		Các siêu thị	Chợ chính thức	Chợ cóc	
Từ 5 đến 10 triệu	Số lượng	17	52	37	106
	Tỷ lệ %	16	49,1	34,9	100
Từ 10 đến 15 triệu	Số lượng	63	39	51	153
	Tỷ lệ %	41,2	25,5	33,3	100
Trên 15 triệu	Số lượng	9	26	6	104
	Tỷ lệ %	8,7	25	5,8	39,4
Tổng cộng		89	117	94	300
% tổng		37,4	47,1	15,4	100

Nhìn bảng 3.2, chúng ta thấy rằng trong các gia đình ở đây hình thức đi chợ chính thức và tại các siêu thị có tỷ lệ cao. Với những gia đình có mức thu nhập thấp hơn thì việc đi chợ tại siêu thị ít được ưa thích hơn với tỷ lệ tương ứng là 16%. Mặc dù siêu thị lớn như Big C khá gần với khu đô thị và cũng biết rằng thực phẩm ở siêu thị đảm bảo chất lượng nhưng họ vẫn lựa chọn đi chợ cóc mua thức ăn, và như vậy họ sẽ tiết kiệm được 1/3 số tiền so với mua thức ăn ở siêu thị.

Từ vấn đề chợ búa trong các hộ gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, chúng ta xem xét sang khía cạnh

khác. Người Việt Nam ta có câu: “đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”. Có nghĩa là đàn ông thường lo những công việc lớn, còn đàn bà thì phải chăm lo việc nhà cửa, bếp núc, phải giữ sao cho nhà cửa ấm êm mà một trong những yếu tố làm nên điều đó là tổ chức được những bữa cơm ngon miệng, tạo được không khí đầm ấm trong mỗi bữa ăn. Khi xem xét ứng xử giữa vợ và chồng trong gia đình. Theo tiêu chí này, chúng tôi nhận thấy rằng đây cũng là một trong yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ của các thành viên trong gia đình.

3.1.2. Quản lý ngân sách trong gia đình

Theo kết quả khảo sát, người nắm giữ ngân sách với 66,7% người vợ so với 27% là người chồng là và 6,3% là bố mẹ vợ (chồng). Như vậy, có thể thấy rằng mô hình giữ tài chính ở các hộ gia đình khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính vẫn theo mô hình quan niệm truyền thống khi người vợ được coi là “tay hòm chìa khóa”.

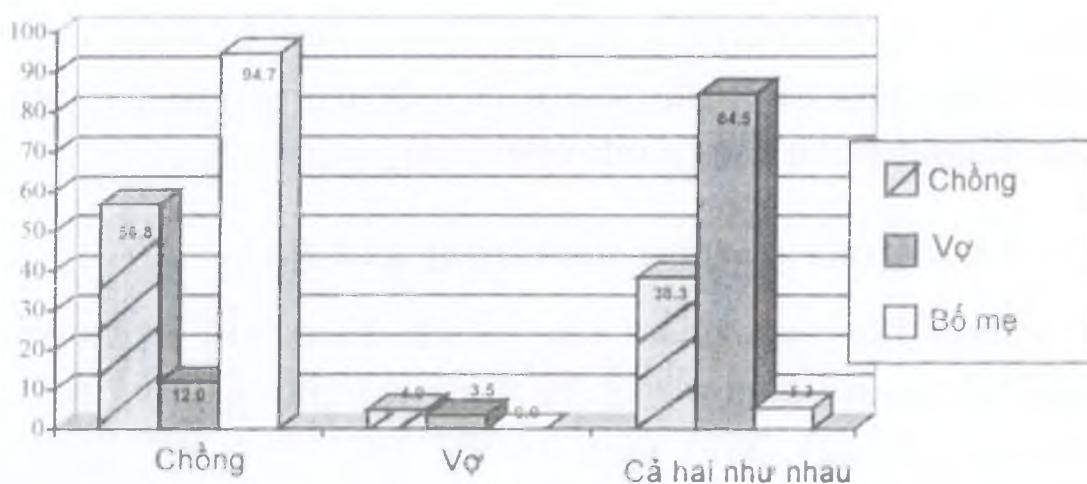
Bảng 3.3. Người nắm giữ ngân sách chính

	Số lượng	Tỷ lệ %
Chồng	81	27
Vợ	200	66,7
Bố mẹ vợ chồng	19	6,3
Tổng	300	100

Khi xem xét tương quan giữa việc nắm giữ ngân sách và người quyết định những công việc lớn trong gia đình, nghiên cứu cho thấy mặc dù phụ nữ là người nắm giữ ngân sách

chính nhưng các quyết định về chi tiêu cho các công việc lớn vẫn thuộc về người đàn ông trong gia đình.

Biểu 3.1: Tương quan giữa người nắm giữ ngân sách và người quyết định các công việc lớn trong gia đình



Qua biểu 3.1. có thể thấy rằng trong hầu hết trường hợp thì người quyết định chính các công việc lớn trong gia đình vẫn thuộc về người chồng. Tuy nhiên, khi vợ là người nắm giữ ngân sách chính thì tỷ lệ quyết định của hai vợ chồng như nhau với tỷ lệ là 84,5%. Trong khi đó, nếu là bố mẹ vợ (chồng) nắm giữ ngân sách thì người vợ hoàn toàn không có quyền tự quyết định các công việc lớn trong gia đình với tỷ lệ tương ứng là 0%, và ở trường hợp này thì người chồng trong mẫu nghiên cứu của chúng ta là người có vai trò quyết định cao nhất với tỷ lệ 94,7%. Và cũng chỉ có 5,3% là có sự bàn bạc của hai vợ chồng. Như vậy, mặc dù sống trong môi trường khu đô thị mới, nhưng hầu như các quan điểm truyền thống vẫn tồn tại trong các gia đình nơi đây.

Một trong những hoạt động liên quan đến chức năng kinh tế của gia đình là công việc làm ăn, công việc sản xuất. Trong hoạt động này, 41% hộ gia đình do người chồng quyết định là chủ yếu; 39% hộ gia đình do cả hai vợ chồng cùng quyết định; 15,6% do người vợ quyết định là chủ yếu.

Trong việc quyết định mua đồ đạc cho gia đình, số liệu cho thấy rằng sự tham gia của người vợ trong các quyết định này cũng như ý kiến thống nhất của hai vợ chồng trước khi mua bán một cái gì đó có giá trị là rất quan trọng. So với quyết định công việc làm ăn, công việc sản xuất của gia đình, tỷ lệ người chồng quyết định là chủ yếu cũng như tỷ lệ người vợ quyết định là chủ yếu trong việc mua bán đồ đạc là thấp hơn. Trong khi đó, tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định cao hơn (59%).

Trong những việc liên quan đến học hành của con cái như học ở đâu, học trường nào, tỷ lệ hộ gia đình trong đó người chồng hoặc người vợ là người quyết định chủ yếu là 19% và 54,2% hộ gia đình có tỷ lệ hai vợ chồng cùng quyết định như nhau cho việc học hành của con cái.

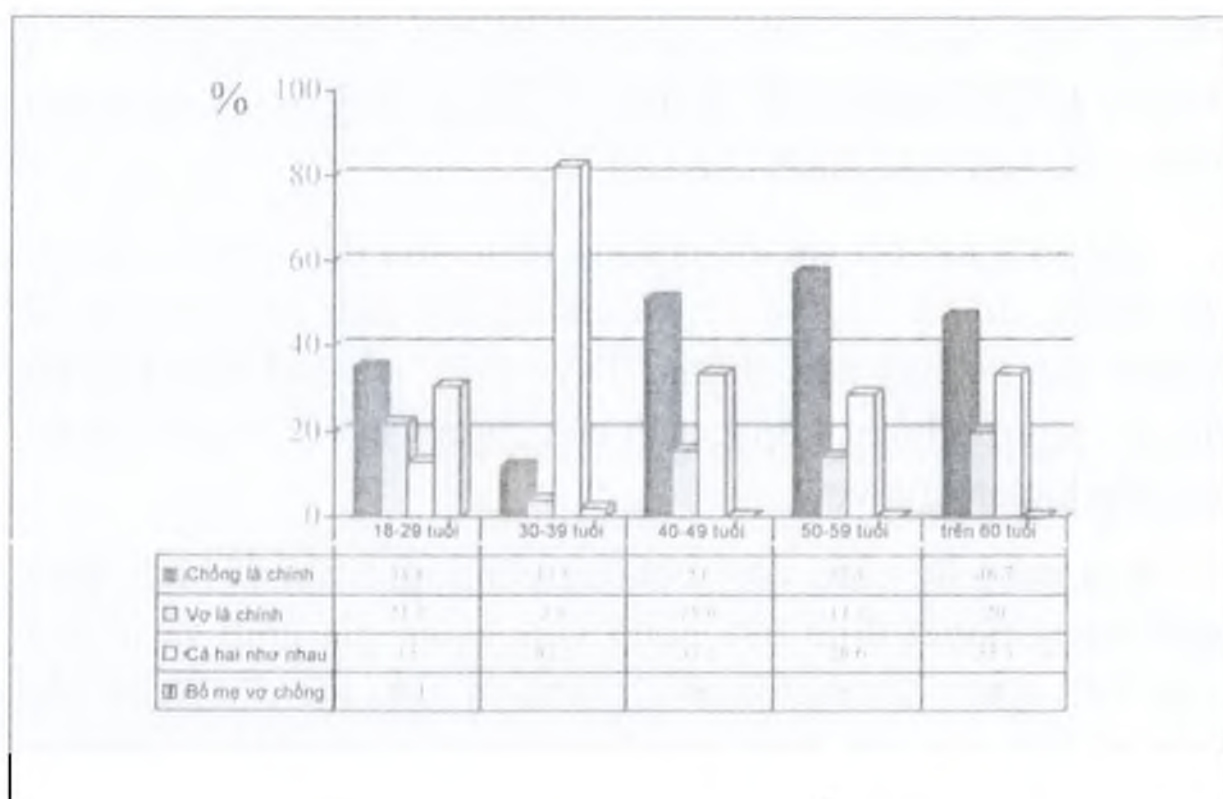
Khi xem xét tới các hoạt động khác như tiếp khách của hai vợ chồng thì có 21,2% vợ và chồng làm như nhau, dù đó là khách của vợ hay của chồng. Tuy nhiên, kết quả cho thấy có 66,2% người chồng tiếp khách của chồng so với 73,6% người vợ tiếp khách của vợ.

Mối quan hệ giữa vợ và chồng cũng như vấn đề bình đẳng giới trong quyết định các công việc trong gia đình và những việc liên quan đến bên ngoài gia đình chịu tác động của cấu trúc xã hội của gia đình, chu kỳ sống của gia đình và những

chuẩn mực và hệ giá trị của một nền văn hóa. Mô hình phân công lao động các công việc nội trợ cho thấy các gia đình ở khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, sự tham gia của người chồng có xu hướng tăng lên. Điều này có thể được giải thích qua sự thái độ của người trả lời đối với vấn đề nội trợ khi cả hai cùng đi làm việc để kiếm thu nhập. Số liệu cho thấy, chỉ có khoảng 8% người trả lời không đồng ý bình đẳng công việc nội trợ giữa người vợ và người chồng mà coi đó là công việc của người vợ. Trong khi đó, khoảng 92% ý kiến ngược lại được lựa chọn trong phiếu phỏng vấn của chúng tôi.

Qua mẫu nghiên cứu, có thể thấy rằng có sự cân bằng tương đối trong việc đóng góp vào ngân sách gia đình giữa vợ và chồng trong các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính. Và việc đóng góp ngân sách chính trong gia đình phụ thuộc khá nhiều vào lứa tuổi.

Biểu 3.2. Người đóng góp ngân sách trong gia đình



Biểu 3.2. cho thấy những gia đình mà có người chồng đóng góp kinh tế chính lại rơi vào những cặp vợ chồng ở độ tuổi 40 trở lên tỷ lệ là: 51% cho các gia đình có độ tuổi người được phỏng vấn từ 40-49, 57,1% cho độ tuổi 50-59 và 46,7% độ tuổi trên 60. Những cặp vợ chồng từ 30 - 39 thì số lượng hai vợ chồng cùng đóng góp ngân sách như nhau lại chiếm con số cao (82,2%). Và một tỷ lệ nhất định về sự đóng góp ngân sách chính rơi vào bố mẹ vợ (chồng) cho các gia đình vợ chồng có độ tuổi dưới 30 (30,4%). Trong khi đó ở các độ tuổi cao hơn thì vai trò của bố mẹ vợ (chồng) không còn thấy xuất hiện trong chỉ báo này nữa, số ít cặp vợ chồng tuổi từ 30-39 có 2% người đóng góp chính cho ngân sách là bố mẹ vợ (chồng) và không có % nào cho các gia đình ở độ tuổi cao hơn.

Từ việc xem xét vấn đề đóng góp ngân sách chính trong gia đình, chúng tôi xem xét tới tình trạng việc làm và mức thu nhập của các hộ gia đình ở đây. Nhìn chung trong các nhóm tuổi, tỷ lệ hộ gia đình có người vợ hoặc người chồng cũng như cả hai vợ chồng làm việc có thu nhập chiếm hầu hết trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi.

Theo nhóm tuổi, người chồng hoặc người vợ ở nhóm tuổi từ 30 - 39 đi làm có thu nhập cao nhất trong mẫu nghiên cứu với tỷ lệ 34,1% ở nhóm gia đình có tổng thu nhập của hai vợ chồng trên 15 triệu, ở các nhóm tuổi cao hơn thì tỷ lệ này giảm dần 40 - 49 (29,3%); 50-59 (14,6%); hơn 60 (2,4%).

Có thể lý giải nguyên nhân tạo nên số lượng lớn hơn người làm việc có thu nhập cao ở độ tuổi 30 - 39 là do sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nhiều ngành nghề mới xuất hiện,

thu hút nhiều lao động, đặc biệt là những lao động trẻ - những người được đào tạo cơ bản hơn so các nhóm tuổi lớn hơn và họ cũng năng động hơn trong việc tìm kiếm việc làm. Điều này cho thấy phần nào có sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề cũng như gia tăng về số lượng người lao động. Đội ngũ lao động tương đối trẻ và đang dần được trẻ hóa.

Một đặc điểm khác của sự chuyển đổi của nền kinh tế là sự tăng lên của hộ gia đình có cả hai vợ chồng cùng làm việc kiếm thu nhập ở bên ngoài gia đình do sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội tăng lên. Trong tổng số hộ gia đình của mẫu nghiên cứu, có 91,3% hộ gia đình có cả vợ và chồng cùng làm việc có thu nhập. Khoảng gần 10% hộ gia đình chỉ có một người vợ hoặc chồng làm việc có thu nhập, còn người kia hoặc thuộc nhóm những người đang tìm việc, hoặc làm nội trợ, hoặc là nghỉ hưu.

Khi xem xét mức thu nhập của người vợ và người chồng trong các gia đình khu đô thị ở Trung Hòa - Nhân Chính cho thấy rằng: Thu nhập của các gia đình chủ yếu từ việc làm của người chồng và người vợ trong nghề chính, một số rất ít có thêm thu nhập từ nghề phụ. Phân tích mức thu nhập của người vợ và người chồng đóng góp vào thu nhập của hộ gia đình và sự khác nhau về thu nhập theo nhóm tuổi và theo giới tính cho thấy xu hướng thay đổi mức sống và vấn đề bình đẳng giới về thu nhập trong hộ gia đình.

Nhìn chung, có sự khác biệt ở các mức thu nhập giữa vợ và chồng trong các gia đình nơi đây.

Bảng 3.4. Thu nhập trung bình hàng tháng của vợ và chồng

	Thu nhập bình quân của chồng		Thu nhập bình quân của vợ	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ%
Từ 3 đến 5 triệu	140	46,7	221	73,7
Từ hơn 5 đến 10 triệu	113	37,7	45	15,0
Từ hơn 10 đến 15 triệu	33	11,0	25	8,3
Trên 15 triệu	14	4,7	9	3,0
Tổng	300	100	300	100

Trong khi đó với mức thu nhập từ 3-5 triệu thì tỷ lệ là 46,7% của người chồng so với 73,7% người vợ. Như vậy có khoảng gần gấp đôi phụ nữ ở mức thu nhập này so với nam giới. Tỷ lệ này ngược lại đối với mức thu nhập từ 5-10 triệu, tức là có khoảng gần gấp đôi nam giới so với nữ giới ở khoảng thu nhập này tỷ lệ tương ứng như sau 37,7% người chồng so với 15% người vợ.

Sự khác biệt về thu nhập cho thấy một phân công lao động về giới trong mẫu nghiên cứu. Nam giới phù hợp với những công việc thu nhập cao, còn nữ giới làm những công việc có thu nhập thấp hơn. Sự chênh lệch về thu nhập này còn khẳng định vai trò lao động chính, vai trò chủ hộ của nam giới trong gia đình, khẳng định một sự phân biệt giới vẫn còn tồn tại trong các gia đình trong mẫu nghiên cứu. Thu nhập của các gia đình nơi đây được xếp vào mức thu nhập cao.

Tỷ lệ các gia đình ở đây có sở hữu ít nhất một xe ô tô là hơn 70% và điều này cũng phù hợp theo quan sát của chúng tôi.

Bằng chứng là ở tất cả các hầm để xe dưới các tòa nhà ở đây đều chật kín xe ô tô và nhiều xe đã phải đỗ ở ngoài đường phía ngoài tòa nhà.

Mức thu nhập ở các gia đình có độ tuổi dưới 40 có mức thu nhập cao hơn các gia đình có độ tuổi trên 40. Như vậy, lực lượng lao động trẻ trong địa bàn nghiên cứu có kỹ năng lao động và khả năng đáp ứng nhu cầu lao động tốt hơn là nhóm lớn tuổi. Một phần do sức khỏe nhưng quan trọng hơn là do khả năng đáp ứng với công việc và trình độ lao động phù hợp trong điều kiện biến đổi của nền kinh tế thị trường. Điều này cho thấy xu hướng tăng thu nhập của các thể hệ lao động trong tương lai.

3.1.3. Quan niệm về giá trị của con cái trong gia đình

Khi điều tra về quan niệm sinh con, có 56,3% đồng ý với quan niệm “phải có con mới gọi là gia đình” và “phải có con để trông nhờ tuổi già”, chiếm 24%, đồng thời có 19,7% cho rằng “không có con sẽ bị người đời cho là thất đức”.

Như vậy, có một điểm khác biệt có thể nhận thấy là ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, người ta không có tâm thế trông nhờ con vào lúc tuổi già, mặc dù trong phần nghiên cứu về vấn đề nuôi dạy con, cho thấy các gia đình nơi đây đa số rất chăm lo cho con em mình cả về thể chất lẫn tinh thần, họ đều chọn môi trường tốt nhất để gửi con mình học hành.

Chị T nói: *“Con gái lớn tôi cho đi du học ở Anh, còn con bé mặc dù mới học lớp 7 nhưng tôi cũng đầu tư cho đi học ở trường có tiếng, ngoài ra cháu còn theo*

học tiếng Anh ở Hội đồng Anh, học phí một khóa là hơn 400 USD". [PVS 20: Nữ, 1966, Thạc sĩ, Kiểm toán]

Phòng vấn sâu, chúng tôi còn được biết không ít gia đình còn chuẩn bị cho con mình cả về tiềm lực kinh tế, như gia đình chị T tuy chỉ có hai cô con gái nhưng anh chị đã chuẩn bị cho mỗi cháu một căn nhà rất đẹp. Và hầu hết các gia đình này không hề có ý nghĩ “nhờ vả con khi về già”, họ chỉ đơn giản muốn tạo dựng cho con mình một tương lai thật tốt đẹp. Tỷ lệ này khi xét tương quan nghề nghiệp thì các cặp vợ chồng là cán bộ nhà nước có quan niệm này chiếm 59,8%; những người làm nghề tự do, kinh doanh chiếm 24,3% và một số ít % còn lại dành cho các nhóm nghề khác. Với quan niệm “có con để trông nhờ tuổi già” xét về tương quan mức thu nhập bình quân hàng tháng, chúng tôi nhận thấy chiếm tỷ lệ cao ở quan niệm này là những gia đình có mức thu nhập (từ 3 đến 5 triệu đồng/tháng): 63,9%; lựa chọn này tỷ lệ thuận với các gia đình có mức thu nhập cao hơn: từ hơn 5 đến 10 triệu đồng/ tháng và các gia đình có mức thu nhập cao trên 15 triệu đồng/ tháng chỉ chiếm 6,9%. Với quan niệm “không có con sẽ bị người đời cho là thất đức” ở những người có trình độ học vấn cao dường như rất ít lựa chọn quan niệm này: Đại học (16,9%) và sau Đại học không có trường hợp nào lựa chọn. Trong khi đó, tỷ lệ lại rất cao ở những người có trình độ học vấn thấp hơn, chiếm 83,1%. Có thể thấy rằng, hầu hết các cặp vợ chồng ở đây đều coi trọng việc sinh con. Với quan niệm “phải có con mới gọi là gia đình”, các cặp vợ chồng ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ, cán bộ nhà nước cũng như những người làm kinh doanh hay nghề khác đều có chung quan niệm trên. Khi xem xét vấn đề mâu thuẫn trong gia đình cho thấy những cặp vợ chồng chưa có con thì hình thức mâu thuẫn thường xảy ra nhất là tranh luận (83,3%), các hình thức mâu thuẫn sau

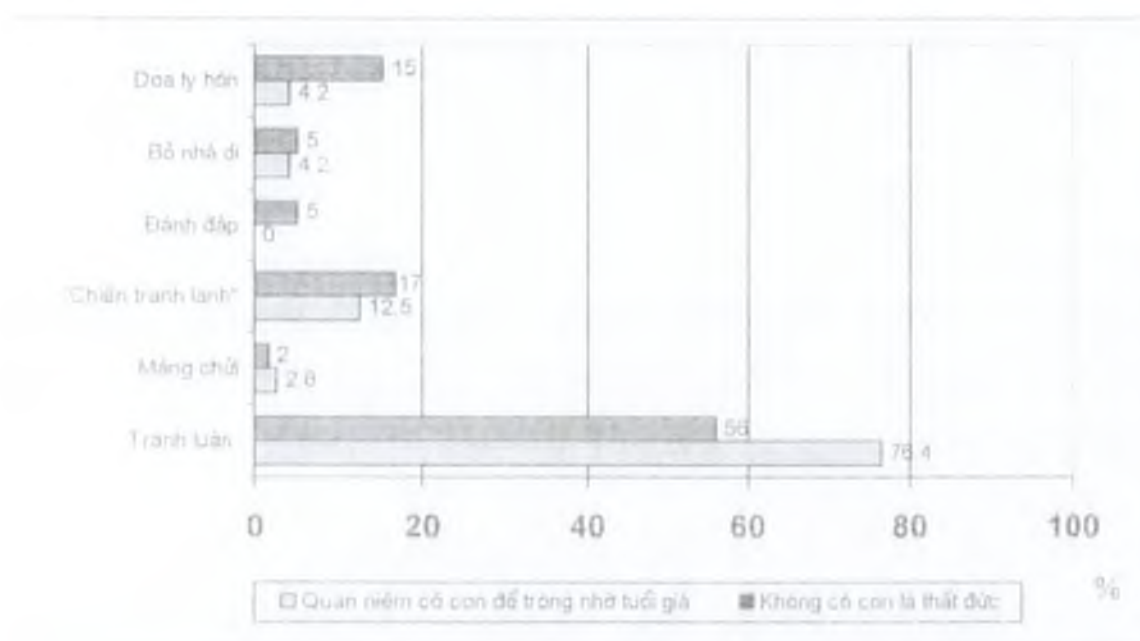
chiếm tỷ lệ không đáng kể với các tỷ lệ tương ứng như sau: “chiến tranh lạnh” (3,7%), bỏ nhà đi (5,6%), dọa ly hôn (7,4%). Sở dĩ hình thức mâu thuẫn ở các cặp vợ chồng chưa có con mà có quan niệm này chỉ ở mức tranh luận là vì hầu hết các cặp vợ chồng mới chỉ có thời gian chung sống chưa nhiều. Trong thực tế, nhiều cuộc nghiên cứu khác đã cho thấy những cặp vợ chồng chung sống lâu năm mà chưa có con thì hình thức mâu thuẫn xảy ra rất nặng nề, có nhiều trường hợp dẫn tới ly hôn. Cũng với quan niệm này, tỷ lệ không chênh lệch ở các hình thức mâu thuẫn khi so sánh với các cặp vợ chồng đã có con: tranh luận (67%), mắng chửi (7%), chiến tranh lạnh (15,7%), bỏ nhà đi (0,9%), dọa ly hôn (9,6%).

Biểu 3.3: Hình thức mâu thuẫn và quan niệm “phải có con mới là gia đình” (xét theo chỉ báo con cái)



Nhìn vào biểu đồ, ta thấy, với các cặp vợ chồng đã có con và các cặp vợ chồng chưa có con thì tỷ lệ tương ứng ở các hình thức mâu thuẫn. Tuy nhiên, hình thức “dọa ly hôn” và “mắng chửi” lại xảy ra nhiều ở các cặp vợ chồng chưa có con. Điều này cũng dễ hiểu vì việc xuất hiện của con cái cũng kèm theo đó là hàng loạt các vấn đề khó khăn như thiếu thốn về kinh tế, quỹ thời gian chăm sóc nhau của hai vợ chồng bị hạn hẹp... nhưng phải nói sự có mặt của đứa con sẽ đem lại bao niềm hạnh phúc và cũng là sợi dây ràng buộc giữa hai người.

Biểu 3.4: Hình thức mâu thuẫn và quan niệm sinh con



Nhìn biểu đồ 3.4. ta thấy, hình thức mâu thuẫn của các cặp vợ chồng có quan niệm “không có con sẽ bị người đời cho là thất đức” xảy ra nặng nề hơn những cặp vợ chồng có quan niệm “có con để trông nhờ tuổi già” với các hình thức mâu thuẫn “chiến tranh lạnh” (16,9%), đánh đập (5,1%) và dọa ly hôn (15,3%). Điều này là do những cặp vợ chồng có quan niệm “không có con sẽ bị người đời cho là thất đức” đã có

những định kiến cổ hủ trong suy nghĩ, quan niệm của họ thường bảo thủ hơn những người khác và dễ dẫn đến bất đồng khi vợ (chồng) mình có quan điểm trái ngược.

Như vậy, có thể thấy rằng, các cặp vợ chồng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính cũng rất coi trọng vấn đề con cái. Và theo họ, một gia đình nhất thiết phải có con. Thực tế, những cặp vợ chồng thường xảy ra bất hòa cũng là những cặp vợ chồng chưa có con. Chẳng thế mà có người đã cho rằng con cái là cầu nối giữa bố mẹ. Làm sao hai vợ chồng có thể giận nhau lâu khi có đứa con nói những câu bi bô hài hước, hoặc khi ngủ cứ đòi có cả bố lẫn mẹ nằm cạnh. Khi có con, cả hai vợ chồng thường dành sự quan tâm chăm sóc đặc biệt cho đứa con, do đó cũng dễ bỏ qua cho nhau mọi việc để cho con có cuộc sống hạnh phúc. Dù cho hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng đến mức không muốn chung sống với nhau nữa, khi nghĩ về con, họ vẫn có thể chịu đựng để duy trì cuộc sống gia đình.

3.1.4. Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình

Theo kết quả nghiên cứu, những gia đình lựa chọn hình thức đi chợ hàng ngày, mức độ mâu thuẫn trong gia đình thường mức độ nhẹ nhàng là “tranh luận” chiếm tỷ lệ cao 90,2%. Trong khi đó, với những gia đình có sự lựa chọn “mua thức ăn một lần cho cả tuần” có mức mâu thuẫn xảy ra ở hình thức cao hơn là “chiến tranh lạnh” 55,8%.

Bảng 3.5. Vấn đề chợ búa và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng

Hình thức mâu thuẫn		Hình thức đi chợ					Tổng
		Mua thức ăn một lần cho cả tuần	Hai lần cho thức ăn cả tuần	Ba lần cho cả tuần	Hai ngày một lần	Ngày nào cũng đi chợ	
Tranh luận	Số lượng	0	0	2	16	166	184
	Tỷ lệ %	0	0	1,1	8,7	90,2	100
Chiến tranh lạnh	Số lượng	63	19	11	18	2	113
	Tỷ lệ %	55,8	16,7	9,8	16,0	1,8	100
Cấm đoán việc gì đó	Số lượng	0	0	0	0	1	1
	Tỷ lệ %	0	0	0	0	100	100
Dọa ly hôn	Số lượng	0	0	0	0	2	2
	Tỷ lệ %	0	0	0	0	100	100
Tổng		63	19	13	34	171	300
% tổng		21	6,3	4,3	11,3	57	100

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng: Trong các gia đình có bố mẹ sống cùng, họ vẫn phải duy trì nề nếp sinh hoạt ổn định, vẫn coi trọng bữa cơm gia đình là giờ phút cả nhà được họp mặt đông đủ nhất trong ngày, các thành viên trò chuyện vui vẻ quanh mâm cơm, nên việc xung đột ít xảy ra hoặc có xảy ra thì cũng chỉ ở mức độ nhẹ vì họ còn phải “nể mặt” bố mẹ. Còn các gia đình sống hai thế hệ, chỉ có vợ chồng và con cái, do bận rộn công việc cơ quan, rồi lo việc đưa đón, kèm cặp con cái học hành, họ thường coi nhẹ bữa cơm gia đình hơn. Với họ, bữa cơm chỉ là để “nạp năng lượng” chứ không phải là lúc họp mặt gia đình. Với những người vợ có trình độ học vấn cao, lại là người tham gia đóng góp ngân sách cho gia đình thì họ có quá nhiều việc bận rộn, bị chi phối quá nhiều nên họ khó có thể đảm đương vai trò của một nội trợ giỏi. Còn với những cặp vợ chồng có trình độ học vấn thấp, họ không nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo ra nề nếp sinh hoạt trong gia đình, các thành viên trong gia đình ít quan tâm đến nhau hơn. Điều này dẫn đến xung đột thường xuyên hơn là điều dễ hiểu.

Gia đình là một tế bào của xã hội, văn hóa gia đình sẽ phản ánh được bộ mặt văn hóa của khu dân cư mà trong gia đình, quan hệ giữa hai vợ chồng là yếu tố quyết định làm nên nếp sống văn hóa, hạnh phúc của gia đình. Vì vậy, khi nghiên cứu về khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, chúng tôi rất quan tâm đến quan hệ ứng xử giữa hai vợ chồng trong các gia đình ở đây.

Có thể nói, quan hệ vợ chồng là một dạng quan hệ xã hội, một sự kết hợp độc đáo giữa hai cá nhân, tạo thành một nhóm nhỏ xã hội. Nhóm nhỏ này chịu sự tác động mạnh mẽ của các

điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa. Quan hệ vợ chồng được tạo lập bởi hai cá nhân khác giới, hai chủ thể riêng biệt với những vai trò và trách nhiệm riêng của từng cá nhân. Quan hệ vợ chồng được thể hiện bằng sự tác động qua lại giữa hai thành viên và sẽ tan vỡ khi nào sự tác động qua lại đó chấm dứt. Quan hệ này thể hiện tính đa chức năng, những chức năng có thể bổ sung hoặc mâu thuẫn với nhau, tùy thuộc vào quan niệm và điều kiện sống của đôi vợ chồng. Nói đến quan hệ vợ chồng, người ta thường nói đến sự hòa hợp về các mặt như sự tương đồng tâm lý, tương đồng về các quan hệ xã hội, tương đồng về tình dục... Tuy nhiên, trên thực tế, hầu như không có những cặp vợ chồng hòa hợp với nhau về tất cả các mặt trên. Vì vậy, xem xét mối quan hệ giữa vợ và chồng sẽ làm sáng tỏ được nhiều vấn đề như nếp sống, sinh hoạt, quan niệm... của họ.

Có thể nói, quan hệ, ứng xử giữa hai vợ chồng là quan hệ trực tiếp giữa hai người nam và nữ được pháp luật thừa nhận, nó có tính ổn định tương đối, là quan hệ chủ đạo trong gia đình, nhằm mục đích thỏa mãn các nhu cầu khác nhau trong gia đình, thực hiện các chức năng của gia đình trong những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể.

Quan hệ giữa hai vợ chồng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính được tìm hiểu qua chỉ số những quan niệm về nhiều vấn đề như nếp sống, cách giải trí trong thời gian rảnh rỗi, về phân công công việc trong gia đình, quan niệm về con cái, về tiêu chuẩn lựa chọn người bạn đời...

Khi xem xét về mâu thuẫn giữa vợ và chồng trong những gia đình ở đây, nghiên cứu cho thấy rằng những mâu thuẫn về ứng xử giữa vợ và chồng xuất hiện chủ yếu ở các cặp vợ

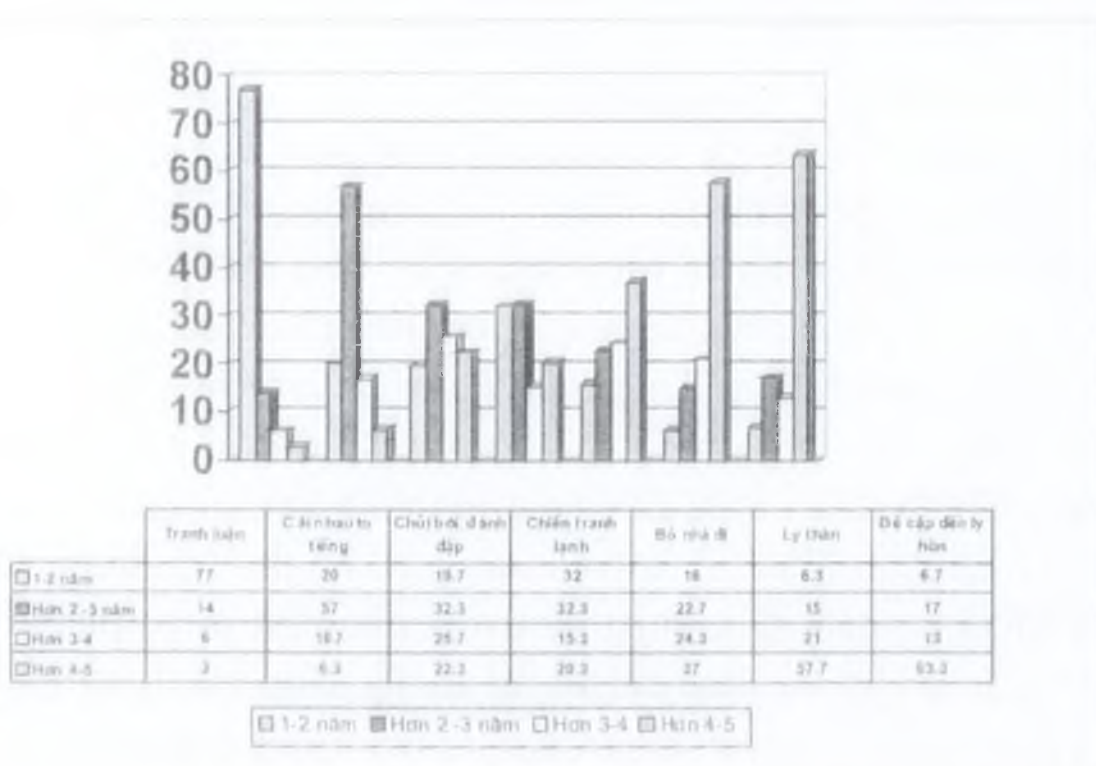
chồng trẻ (kết hôn từ 5 năm trở xuống), nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu có liên quan đến cách cư xử giữa vợ và chồng. Không ít những người cho rằng trong đời sống vợ chồng chỉ cần tình yêu chứ không cần tình bạn. Nhưng thực tế nghiên cứu lại cho thấy một trong những lý do dẫn đến mâu thuẫn ở các cặp vợ chồng nơi đây lại chính là vì họ cảm thấy vợ (chồng) chưa chia sẻ cho nhau mọi điều, trong khi họ lại có thể tâm sự điều đó với bạn bè. Kết quả khảo sát tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính rất ít có cặp vợ chồng làm cùng nghề, vì vậy có những phạm vi chuyên môn của người này mà người kia không hiểu. Sau nữa, do cá tính, sở thích, họ có những mối quan tâm khác nhau: chồng thích thể thao, vợ lại yêu âm nhạc. Vì vậy, mỗi người đều có thể và cần phải có mối quan hệ ngoài chồng, ngoài vợ để chia sẻ những niềm đam mê mà người vợ hay chồng không chia sẻ được. Điều đáng nói là ngoài những trường hợp đó ra, đã là vợ chồng, phải trò chuyện được với nhau về mọi điều buồn vui ở đời. Cao hơn nữa, muốn thành người tri âm tri kỷ của nhau, vợ chồng phải tâm đắc trong nhiều lĩnh vực mới có thể tìm thấy hứng thú trong những khi trò chuyện với nhau. Trong cuộc sống vợ chồng, từ tình yêu đến tình vợ chồng là cả một khoảng cách lớn. Ngay cả sau khi hai vợ chồng đã thấy hòa hợp rồi cũng chưa chắc đã hạnh phúc mãi mãi. Bởi vì hôn nhân là một quá trình trong đó hai người luôn phải nỗ lực để thích ứng với nhau.

“Bây giờ chồng tôi không coi tôi như người bạn nữa, mặc dù thời yêu nhau, cả hai chúng tôi ngang bằng với nhau về hoàn cảnh kinh tế và trình độ. Khi thành gia đình, tôi sinh con rồi bận bịu, lo toan mọi việc để chồng có thì giờ phấn đấu. Dần dần, tôi cũng

tự nhận thấy mình không còn là người bạn đời của chồng như ngày xưa nữa". [PVS 24: Nữ, 1975, Đại học, Kinh doanh]

Như vậy, chính sự thiếu hụt tình bạn, thiếu hụt sự chia sẻ trong đời sống vợ chồng là một trong những kẻ thù nguy hiểm nhất của hôn nhân. Điều này đòi hỏi các cặp vợ chồng ở nơi đây nói riêng và các cặp vợ chồng nói chung phải có cái nhìn mới hơn, nỗ lực hơn trong việc kiến tạo hạnh phúc gia đình ở một cấp độ cao hơn.

Biểu 3.5 : Hình thức mâu thuẫn trong các giai đoạn chung sống



Theo kết quả khảo sát, có 23% cặp vợ chồng có sự bất hòa về ứng xử giữa vợ và chồng. Mâu thuẫn này xảy ra với các mức độ như sau: tranh luận xảy ra thường xuyên khi hai vợ chồng sống với nhau từ 1- 2 năm (77%), cãi nhau thường xảy

ra khi chung sống được 2 - 3 năm (57%), cũng cùng giai đoạn này, hình thức đánh đập, chiến tranh lạnh cũng xảy ra ở mức độ cao. Các hình thức ly thân và đề cập đến vấn đề ly hôn thì thường xảy ra ở các giai đoạn khi hai vợ chồng chung sống từ 4 - 5 năm.

3.2. Tương tác liên thế hệ

Khi đề cập đến gia đình, người ta thường nói đến các chức năng của gia đình như chức năng tái sản xuất con người, chức năng kinh tế, chức năng xã hội hóa cá thể và một số chức năng khác, trong đó có chức năng duy trì các mối quan hệ xã hội và quan hệ họ tộc. Trong mỗi gia đình Việt Nam hiện nay đều có sự tác động qua lại giữa chồng và vợ, giữa bố và mẹ, giữa cha mẹ và con cái. Trong dân tộc học, người ta gọi nhóm người gồm có bố mẹ và con cái trực tiếp là “gia đình hạt nhân” hay “gia đình sơ đẳng”. Trong các xã hội hiện đại, người ta thường đặt ra tính chất bền vững của gia đình dựa vào các mối quan hệ, đặc biệt quan hệ giữa con cái (các cặp vợ chồng) với bố mẹ đóng một vai trò quan trọng để tạo nên tính chất bền vững đó. Ở các hộ tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, nổi bật là hai dạng gia đình truyền thống và gia đình hiện đại. Gia đình truyền thống có ba thế hệ chung sống với nhau trở lên. Các quan hệ trong gia đình được phân biệt theo trật tự cha mẹ, con cái và vợ chồng. Con cái trong những gia đình này có quyền tự do khá nhiều trong mọi việc, kể từ việc mua sắm, chi tiêu cho đến việc tự do tìm hiểu, kết hôn, tuy nhiên vẫn phải trong một khuôn khổ nào đó, tức là vẫn phải có sự chấp thuận của cha mẹ. Quan hệ cha mẹ và con cái về căn bản là nương tựa lẫn nhau nên con cái phải biết ơn và

tôn trọng cha mẹ, nhưng không phải phục tùng tuyệt đối quyền uy độc đoán của cha mẹ như thời phong kiến.

Loại gia đình thứ hai ở đây là gia đình hiện đại mà còn gọi là gia đình hạt nhân. Đó là các gia đình mà chỉ có hai thế hệ chung sống với nhau là bố mẹ (các cặp vợ chồng) và con cái. Loại gia đình này cũng chiếm số lượng khá đông bởi như kết quả điều tra ban đầu về lý do chọn nhà chung cư, các cặp vợ chồng lựa chọn vì được sống độc lập. Tuy không chung sống cùng cha mẹ nhưng các cặp vợ chồng trong các gia đình hạt nhân này vẫn giữ mối quan hệ mật thiết với cha mẹ và quan hệ đó cũng ảnh hưởng rất nhiều tới cuộc sống, hạnh phúc của họ.

3.2.1. Sự giúp đỡ của con cháu với người cao tuổi

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Trẻ cậy cha, già cậy con” đã nói lên chức năng của gia đình là nuôi dưỡng người cao tuổi. Nuôi dưỡng bố mẹ già là một trong những chuẩn mực đạo đức xã hội mang đậm nét đặc trưng của nền văn hóa truyền thống, một nội dung quan trọng trong đạo hiếu của gia đình người Việt. Đây là trách nhiệm truyền thống về trợ giúp và chăm sóc bố mẹ già đã tồn tại trong các gia đình và đặc biệt là đối với con đã trưởng thành.

Một trong những vấn đề được chú trọng nghiên cứu là sự chăm sóc của các hộ gia đình ở đây với người cao tuổi, cụ thể là của con cháu đối với ông bà.

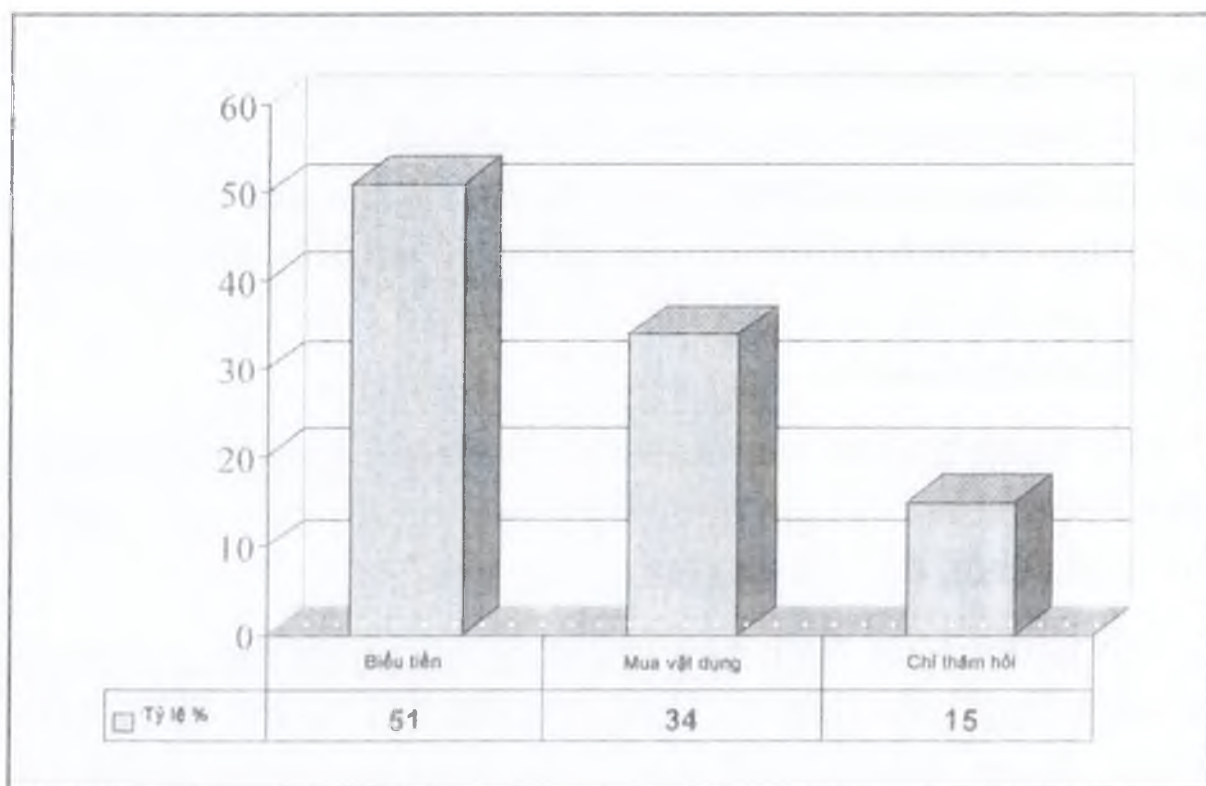
Với người Việt Nam xưa kia cũng như hiện nay, sự chăm sóc, tấm lòng hiếu thảo của các con đối với bố mẹ luôn được đề cao. Trong môi trường sống hiện đại như ở khu chung cư cao cấp này, cách thức thể hiện lòng hiếu thảo của con cái đối

với bố mẹ có thể thay đổi nhưng về cơ bản, nó vẫn được thể hiện rõ nhất trong những ứng xử hàng ngày của con cháu và nó được thể hiện rõ trong một số khía cạnh sau:

- Thực thi trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ già.
- Biếu quà/ tiền như những hành vi thể hiện lòng hiếu thảo.
- Chăm sóc bố mẹ già lúc ốm đau.

Qua khảo sát, có tới 85% các cặp vợ chồng có sự hỗ trợ về mặt kinh tế cho bố mẹ (kể cả ở riêng và ở chung), số còn lại rơi vào trường hợp bố mẹ rất khá giả nên họ không phải lo hoặc không còn bố mẹ. So sánh với sự giúp đỡ bố mẹ ở các gia đình nông thôn thì có một nét đặc trưng là những cặp vợ chồng ở đây thường chọn cách giúp đỡ bố mẹ là biếu tiền hàng tháng và mua các vật dụng cho bố mẹ.

Biểu 3.6: Hình thức hiếu thảo với bố mẹ



Có thể giải thích một cách hợp lý cho hình thức giúp đỡ này. Với mức thu nhập của các hộ gia đình ở đây, đại đa số đều có mức thu nhập khá trở lên hoặc ít ra là đủ chi tiêu nên họ thường chọn loại hình trợ giúp này. Theo họ, người già không có nhiều nhu cầu ăn uống nên cứ biểu tiền để bố mẹ thích ăn tiêu gì thì tùy. Việc trợ giúp bố mẹ già cũng tập trung nhiều vào những người con đã trưởng thành, và đặc biệt lý thú là không chỉ có con trai mới có sự trợ giúp bố mẹ, chúng tôi nhận thấy rất nhiều người là con gái nhưng cũng có trách nhiệm trong vấn đề này. Điều này cũng phù hợp với sự phát triển của xã hội, ngày nay trong gia đình không còn quá coi trọng việc sinh con trai, mà con gái cũng được coi là chỗ nương tựa của cha mẹ khi về già. Người con gái nếu như được chăm sóc, học hành chu đáo từ nhỏ, khi trưởng thành đương nhiên họ cũng có được công việc ổn định với mức thu nhập khá thì họ cũng có khả năng giúp đỡ bố mẹ về tài chính. Bên cạnh sự hỗ trợ về kinh tế, người cao tuổi ở đây còn được con cái rất chú ý chăm sóc về sức khỏe. Đơn giản là sự hỏi thăm hay là mua thuốc bổ để bồi dưỡng bố mẹ hoặc họ đưa bố mẹ đi khám định kỳ hàng năm. Có tới 78% số gia đình được hỏi có sự chăm sóc sức khỏe cho bố mẹ già theo các hình thức nêu trên. Ngoài ra, những quan hệ giao tiếp trực tiếp và thường xuyên giữa bố mẹ già và con cái là một nhu cầu hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần và tình cảm của người cao tuổi. Nếu phải sống riêng và hoàn toàn biệt lập với con cháu, không được con cháu thường xuyên thăm hỏi, chuyện trò thì các cụ sẽ rất buồn chán và thường rơi vào tâm trạng cô đơn. Vì vậy, trong xã hội hiện đại, mặc dù mong muốn có sự độc lập hơn về kinh tế, tự do hơn trong hoạt động tham gia xã hội, song điều quan trọng mà người cao tuổi mong muốn là phải giữ

được mỗi quan hệ giao tiếp tình cảm và tinh thần một cách thường xuyên và trực tiếp với con cháu. Nhiều người cho rằng ở khu chung cư cao cấp với lối sống tiện nghi hiện đại sẽ kéo theo nhiều thay đổi trong nếp sống, cách suy nghĩ, thái độ và hành vi ứng xử... của con người. Ở đó, mỗi quan hệ giữa các thành viên trong gia đình ngày càng trở nên ít gắn bó hơn, lỏng lẻo hơn, việc quan tâm chăm sóc của các con, đặc biệt của các con đã trưởng thành với bố mẹ già ít được chú ý. Nhưng thực tế, ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, các hộ gia đình ở đây vẫn luôn đề cao trách nhiệm của mình với bố mẹ già. Trước hết, nói về trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc bố mẹ già. Theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam ta từ xưa đến nay, vai trò của người con trai trong gia đình rất quan trọng. Con trai không những là người nối dõi tông đường mà còn được coi là trụ cột của gia đình. Do đó, trách nhiệm của người con trai (đặc biệt là người con trai cả) trong việc chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ già không chỉ được các thế hệ trong họ ngoài làng đặt lên vai họ mà ngay bản thân những người đó hầu hết cũng tự ý thức về vai trò này và tự nhận thấy trách nhiệm về mình một cách vô điều kiện. Nhưng những kết quả nghiên cứu ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính đã cho thấy trách nhiệm của người con trai đã có thay đổi nhất định. Trách nhiệm chính của người con trai cả trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ già theo quan niệm truyền thống đã được san sẻ cùng với những người anh chị em khác. (chỉ có khoảng $\frac{1}{4}$ số người trả lời rằng tốt nhất là anh cả chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ già). Như vậy, có thể thấy phần lớn người dân ở khu vực này đã thay đổi quan niệm, họ không dồn trách nhiệm lên người anh cả trong gia đình. Ở đây, người ta có nhiều cách khác

nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ già, trong đó tập trung nhất là ý kiến nhấn mạnh đến trách nhiệm của tất cả các con (79,8% đồng ý với ý kiến này) và ý kiến nói đến tính hòa hợp trong quan hệ giữa con cái với bố mẹ (bố mẹ hợp với ai thì người đó nuôi dưỡng: 2,1%). Có thể thấy, vai trò của tính thứ bậc trong gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính dù vẫn còn lưu giữ nhưng không đậm nét như quan niệm truyền thống trước đây.

Bảng 3.6. Quan niệm về trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ già

Vai trò của con cái với nuôi dưỡng bố mẹ già	Số lượng	Tỷ lệ %
Con trai cả chịu trách nhiệm chính	29	9,7
Bố mẹ hợp ai thì người đó nuôi dưỡng	25	8,3
Chia đều các anh chị em.	210	70
Ai có điều kiện kinh tế hơn	36	12
Tổng số	300	100

Yếu tố kinh tế cũng được một số người chú ý đến (12% số người trả lời). Nhưng có thể thấy sự nhìn nhận về trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ già còn chịu tác động của khả năng kinh tế của gia đình người trả lời. Họ cho rằng trong số các anh chị em, ai có điều kiện kinh tế hơn thì sẽ là người có trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ già. Điều này cũng hợp lý bởi lẽ bố mẹ ở với người con có điều kiện kinh tế khá giả thì họ có thể được lo toan chu tất các điều kiện vật chất và sức khỏe. Chính mức sống khá giả của người dân ở đây khiến hầu hết họ sẵn sàng nhận trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ mà không nề hà

là con trai hay con gái, con trưởng hay con thứ. Và chính quan niệm này cũng có tác động đến quan niệm về việc sinh con trai hay con gái của người dân ở đây như đã nêu.

Bảng 3.7. Mức thu nhập của hai vợ chồng và quan niệm về trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ già

Tổng thu nhập của 2 vợ chồng / tháng		Chăm sóc bố mẹ già				Tổng
		Con trai cả là chính	Bố mẹ hợp ai thì người đó phụng dưỡng	Chia đều cho các anh chị em	AI khá giả hơn thì phụng dưỡng bố mẹ	
Từ 5 -10 triệu	Số người	4	0	81	21	106
	Tỷ lệ %	3,8	0	76,4	19,8	100
Từ trên 10-15 triệu	Số người	25	25	96	7	153
	Tỷ lệ %	16,3	16,3	62,7	4,6	100
Trên 15 triệu	Số người	0	0	33	8	41
	Tỷ lệ %	0	0	80,5	19,5	100
Tổng số		29	25	210	36	300
% tổng		9,7	8,3	70	12	100

Kết quả bảng 3.7. cũng cho thấy không có sự khác biệt về mức thu nhập và trách nhiệm chăm sóc bố mẹ già. Hầu hết việc lựa chọn chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ được chia đều cho các anh chị em trong gia đình với các tỷ lệ tương ứng đều cao hơn 60%.

Trong quá trình nghiên cứu cho thấy, có nhiều hộ gia đình xuất thân không phải dân Hà Nội gốc, bố mẹ già của họ vẫn ở các tỉnh, thành phố khác hoặc ở những vùng nông thôn. Và với những hộ gia đình này thì không có nhiều người sống chung với bố mẹ già. Điều này cũng rất phù hợp với xu hướng chung hiện nay không chỉ ở thành phố mà cả ở nông thôn, người già cũng thích sống riêng vì theo họ cuộc sống như vậy mới đem lại sự thoải mái cho cả bố mẹ và con cái, lúc nào nhớ con cháu thì đi thăm là được. Hơn nữa, những người cao tuổi sống ở nông thôn với không gian thoáng đãng, với vườn cây, ao cá và tình làng nghĩa xóm đầm ấm đã quen, khi ra ở chơi với con cháu chỉ vài ngày thôi nhưng không gian khép kín ở khu đô thị mới đã khiến cho họ không chịu nổi. Ngược lại, các con của họ lại thường lo lắng khi thấy bố mẹ đã nhiều tuổi, sức khỏe có thể đã suy giảm lên muốn đón bố mẹ lên ở cùng mình để có điều kiện chăm sóc tốt nhất. Nhưng khuynh hướng những nhu cầu khác nhau giữa các thế hệ như vậy, trong những hoàn cảnh không thuận lợi sẽ rất dễ tạo ra mâu thuẫn giữa các thế hệ.

Như vậy, ở khu đô thị đã thấy có những thay đổi nhất định trong quan niệm về trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ già, song dù có thay đổi như thế nào đi chăng nữa thì người dân ở đây họ vẫn luôn chú trọng cách ứng xử với bố mẹ già có hiếu theo đúng nghĩa của nó.

“Bố mẹ là bố mẹ chung vì thế các anh chị em trong gia đình cần có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ. Ngày xưa bố mẹ mình vất vả nuôi 7 người con ăn học, nhiều lúc nghĩ lại những lúc bố mẹ nhịn đói để dành cơm cho con ăn mà thương quá. Và có lẽ thế nên các anh em nhà mình đứa nào cũng tranh nhau mời bố mẹ về ở cùng”. [PVS 5: Nữ, 1966, Đại học, Kế toán]

“Nhà mình các cụ cũng phong kiến lắm. Mình có điều kiện hơn ông anh cả nên muốn đón các cụ về ở cùng nhưng các cụ nhất định không nghe, cứ phải ở với con cả cơ. Làm thế nào được. Mình đành phải đảm nhận chu cấp toàn bộ tiền bạc, vật chất, còn bác cả chỉ phải giúp ông bà mấy chuyện sinh hoạt hàng ngày thôi”. [PVS 19: Nam, 1960, Đại học, CNVC]

“Nhà em thì chỉ có mỗi mình em nên ông bà cũng bằng lòng ở với con gái. Thôi thì không có con trai thì con rể là con trai vậy, cũng may chồng em tốt tính lắm, lo lắng chăm sóc ông bà như bố mẹ đẻ vậy”. [PVS 25: Nữ, 1981, Đại học, Giáo viên]

Trong các hộ gia đình sống ở đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, những gia đình sống chung với bố mẹ già thì thông thường các cặp vợ chồng là người lo toan toàn bộ điều kiện sinh hoạt vật chất cho cả gia đình. Tuy nhiên ở đây cũng có những trường hợp vợ chồng trẻ mới cưới được bố mẹ thu xếp cho sống chung để cùng cố trách nhiệm của họ trong việc chăm sóc bố mẹ già, đồng thời là một chiến lược gia đình nhằm hỗ trợ lẫn nhau giữa các thế hệ. Vì vậy, cũng không thấy ngạc nhiên khi ở phần “người thu nhập kinh tế chính trong gia đình” lại có cả bố mẹ là người góp phần, thậm chí lo toàn bộ chi phí trong gia đình. Đó là những gia đình mà bố mẹ già có mức thu nhập khá và đóng góp của họ là sự hỗ trợ, động viên và san sẻ khó khăn với con cái. Nhắc tới vấn đề trên để chúng ta thấy rằng mức thu nhập và đóng góp ngân sách trong gia đình cũng là yếu tố quyết định việc con cái chăm lo đời sống vật chất cho bố mẹ.

Đa số các hộ gia đình sống ở đây đều đảm nhận việc chu cấp chi phí trong gia đình và chu cấp về vật chất cho bố mẹ. Chỉ khi những người con thật sự khó khăn thì họ mới nhờ cậy

đến sự giúp đỡ của bố mẹ. Điều này cũng cho thấy, một khi gia đình có điều kiện kinh tế đầy đủ hơn, con cái cũng mong muốn được báo đáp nhiều hơn cho bố mẹ về phương diện vật chất, mong muốn chia sẻ những thành quả vật chất mà mình đã đạt được trong cuộc sống.

Một trong những hành vi mà người Việt Nam ta thường thực hiện để tỏ lòng hiếu thảo của mình với bố mẹ là biếu quà. Hành vi này có thể được những người con đã trưởng thành thực hiện theo định kỳ (một khoản tiền để bố mẹ tiêu vật hàng ngày), hoặc những khi bố mẹ có việc, hoặc khi bản thân những người con làm ăn thành công, nhưng thường tập trung nhiều nhất là vào những dịp lễ tết, những dịp về thăm bố mẹ.

Bảng 3.8: Mức thu nhập của hai vợ chồng và cách thức chăm lo đời sống vật chất cho bố mẹ

Tổng thu nhập của hai vợ chồng		Trợ giúp, biếu tiền bố mẹ				Tổng
		Hàng tháng	Thỉnh thoảng hoặc dịp lễ tết	Khi có nhiều tiền thì biếu	Chỉ khi bố mẹ cần	
Từ 5-10 triệu	Số lượng	18	18	50	20	106
	Tỷ lệ %	17	17	47,2	18,9	100
Từ hơn 10 đến 15 triệu	Số lượng	81	41	20	11	153
	Tỷ lệ %	52,9	26,8	13,1	7,2	100
Trên 15 triệu	Số lượng	38	3	0	0	41
	Tỷ lệ %	92,7	7,3	0	0	100
Tổng số		137	62	70	31	300
% tổng		45,7	20,7	23,3	10,3	100

Trong hành vi biểu tiền cho bố mẹ, những cặp vợ chồng sống ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính phần lớn là những người có mức thu nhập kinh tế khá và ổn định nên họ cũng đều làm việc đó một cách chủ động, tự nguyện và tỷ lệ biểu tiền bố mẹ cố định theo tháng là 45,7%. Điều này cho thấy, dù bố mẹ đang sinh sống ở nông thôn hay thành thị với hoàn cảnh gia đình riêng của họ như thế nào, đã là con trai, con gái, họ đều hướng về bố mẹ, tự nguyện báo đáp công ơn sinh thành của bố mẹ bằng hành động thực tiễn là góp phần chăm lo đời sống cho bố mẹ lúc tuổi già.

Tuy nhiên có sự khác biệt về hành vi giữa các nhóm nhu nhập, cụ thể ở nhóm mà các hộ gia đình trong đó vợ và chồng có tổng thu nhập trên 15 triệu/tháng có lựa chọn biểu tiền bố mẹ định kỳ hàng tháng với tỷ lệ cao là 92,7% trong khi đó ở mức thu nhập thấp hơn thì tỷ lệ ở chỉ báo này giảm dần (trên 10 đến 15 triệu/ tháng là 52,9% và từ 5 đến 10 triệu/tháng là 17%). Như vậy, mức thu nhập của các gia đình có ảnh hưởng nhất định đến hành vi biểu tiền bố mẹ, ở mức thu nhập thấp trong mẫu nghiên cứu là từ 5 -10 triệu/ tháng thì có lựa chọn chỉ khi bố mẹ cần mới biểu chiếm tỷ lệ cao 64,5%, trong khi đó các mức thu nhập cao hơn thì tỷ lệ này giảm xuống.

“Thu nhập bình quân của hai vợ chồng tôi khoảng 7 triệu/tháng, bố mẹ tôi thì sống ở quê cùng với anh trưởng, sinh hoạt cũng chẳng thiếu thốn gì, nhưng mình là con trai, thỉnh thoảng về thăm hoặc vào các dịp lễ tết, ngoài việc biểu bố mẹ một khoản tiền để ăn quà, đi thăm hỏi, đám cưới, đám ma, giỗ chạp... tôi thường bảo vợ tôi mua sắm thêm quần áo, thuốc bổ, đồ dùng cho các cụ. Khi nào có nhiều tiền, tôi biểu

bố mẹ hẳn một khoản để dành phòng khi ốm đau.
[PVS 17: Nam, 1966, Thạc sỹ, CNVC].

Ở khu chung cư cao tầng Trung Hòa - Nhân Chính, mức thu nhập của người dân rất khá và ổn định thì nó cũng kéo theo nhiều vấn đề khác, chẳng hạn họ sẽ bận rộn hơn trong các công việc làm ăn, thời gian dành cho những hoạt động sinh hoạt gia đình thuần túy của họ nhiều khi bị rút ngắn, kể cả việc chăm sóc bố mẹ già lúc ốm đau. Chính điều này đã thay đổi cách thức thể hiện lòng hiếu thảo với bố mẹ của một số cặp vợ chồng ở đây. Và từ thực tế đó đã nảy sinh nhu cầu cần có người thay họ làm những công việc gia đình thường ngày và chăm sóc bố mẹ già ốm đau. Đây cũng là một cách thức nhằm khắc phục những khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, cũng có nhiều lựa chọn cách thức chăm sóc bố mẹ già khác như tự mình thu xếp công việc để dành thời gian chăm sóc bố mẹ (22,3%), hoặc anh chị em phân công nhau (55,7 %) và (22%) tìm họ hàng thân thiết để chăm sóc bố mẹ. Kết quả điều tra cũng cho thấy đặc trưng nổi bật trong vấn đề này là thuê người giúp việc. Với câu hỏi khi có bố mẹ ốm đau thì anh/chị có thuê người giúp việc để chăm sóc bố mẹ không thì có tới 82,6% phương án trả lời là có. Như vậy ở các gia đình trong mẫu nghiên cứu với mô hình gia đình hạt nhân chiếm phổ biến họ luôn bận rộn công việc cơ quan, việc nhà, chăm lo cho con cái chiếm hầu hết quỹ thời gian rồi nên với họ giải pháp tốt nhất là phải cố tìm được một người tin cậy để thuê chăm sóc bố mẹ.

“Ông nhà tôi bị tai biến, liệt nửa người, phải nằm viện hơn 4 tháng. Chúng tôi chỉ xin nghỉ phép được tuần đầu để lo các thủ tục khám, xét nghiệm rồi nhập

viện thôi. Sau đó phải nhờ đến dịch vụ chăm người ốm ở viện. Cũng chẳng quen biết gì đâu nhưng cũng đành phải dùng thôi mà trả lương cũng cao đấy, 150.000đồng/ngày, lại còn phải ngọt nhạt, thỉnh thoảng lại quà cáp nữa đấy. Minh đi làm sao mà nghỉ nhiều được, chỉ tranh thủ buổi trưa, rồi chiều tan giờ ghé qua thăm ông và xem có việc gì lớn cần giải quyết thôi chứ cũng không ở lại trông đêm được, còn con cái ở nhà rồi mất ngủ kéo dài thì mình cũng chẳng còn sức mà làm việc nữa. Ông cũng phải thông cảm thôi”. [PVS 24: Nữ, 1975, Đại học, Kinh doanh].

Một trong những vấn đề được quan tâm xem xét khi nghiên cứu về nếp sống trong các gia đình ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính là những cách ứng xử của con cái (các cặp vợ chồng) với bố mẹ già. Ứng xử của con cái với bố mẹ già không chỉ thể hiện ở việc chăm sóc, biếu tiền hàng tháng mà còn qua cả sự chia sẻ, trò chuyện, tâm sự với bố mẹ. Sự chia sẻ, tâm sự của con cái với bố mẹ có thể chỉ đơn thuần là sự giao tiếp, chia sẻ tình cảm như một phương tiện duy trì mối quan hệ ruột thịt thân thiết và nhằm giải quyết nhu cầu về tinh thần của bố mẹ già, bởi tâm lý của những người cao tuổi, nhất là những người đã nghỉ công tác, là rất muốn biết được những gì liên quan đến cuộc sống của con cháu họ. Người làm cha làm mẹ thì không bao giờ hết quan tâm, lo lắng cho các con cho dù các con đã là những người trưởng thành, đã có gia đình riêng. Những người con đã trưởng thành, cũng đã trở thành bố thành mẹ cũng hiểu được tâm lý này của bố mẹ già nên đã xem hành vi tâm sự với bố mẹ như một phương cách đem lại niềm vui cho ông bà mà họ có thể thực hiện được. Và

hiều khi con cái thực hiện điều này nhằm có được những lời khuyên từ thế hệ đi trước. Mục đích của những cuộc trò chuyện, tâm sự này như trên đã nói, có khi chỉ là để tìm lời khuyên, có khi để giải tỏa tâm lý nhưng cũng có khi để nhận được sự hỗ trợ về vật chất hay tinh thần... đó là những khi mà các cặp vợ chồng có những vấn đề khó khăn cần được giải quyết. Trong những lúc đó thì bố mẹ già có ý nghĩa rất quan trọng đối với các con. Nhưng có thể nói, sự giao lưu, trò chuyện giữa con cái đã trưởng thành với bố mẹ già được xem như một thước đo về giá trị tình cảm gia đình của người Việt Nam ta từ xưa đến nay. Còn ở trong các gia đình ở khu đô thị mới này cũng vẫn duy trì hành vi đó nhưng có điều là tần suất thực hiện không cao.

Bảng 3.9. Mức độ chia sẻ, tâm sự với bố mẹ già của các cặp vợ chồng trẻ

Chia sẻ liên quan đến	Số lượng	Tỷ lệ %
Công việc	20	6,8
Quan hệ trong gia đình	127	42,3
Vấn đề xã hội	36	12,1
Giải trí đơn thuần	116	38,8
Tổng số	300	100

Khi xem xét về các nội dung mà con cái thường chia sẻ với bố mẹ già, chúng tôi nhận thấy họ tâm sự nhiều nhất về vấn đề liên quan đến con cháu, các quan hệ họ hàng trong gia đình với tỷ lệ 42,3% tiếp đến là các hình thức giải trí đơn thuần 38,8%, còn các vấn đề có liên quan đến công việc làm

ăn và các quan hệ xã hội thì ít được đề cập đến. Chúng ta có thể thấy rằng vấn đề về con cháu luôn là mối quan tâm chung của các thế hệ và là cầu nối liên kết giữa các thế hệ đó rõ rệt nhất. Tiếp đó là mối quan hệ trong họ ngoài làng cũng luôn được đưa ra trò chuyện, ở đây có thể xét đến tính chủ động của bố mẹ già trong việc trò chuyện về chủ đề này bởi lẽ người già luôn hướng về nguồn cội và với họ việc con cái cư xử với họ mặc ra sao rất quan trọng vì nó ảnh hưởng tới uy tín của gia đình mà họ đã cất công xây dựng. Còn vấn đề làm ăn thì đúng là với xu thế hội nhập, kinh tế phát triển với tốc độ chóng mặt như vậy thì những người cao tuổi, đặc biệt là những người cao tuổi sống ở nông thôn thì không thể hiểu được cung cách làm ăn của con cái nên nếu có tâm sự thì họ cũng không biết nói sao cho có sự đồng cảm giữa hai thế hệ mà nhiều khi lại làm cho bố mẹ thêm lo lắng. Ở những gia đình này, đa số đều có trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên nên họ có thể tự mình giải quyết những vấn đề vợ chồng mà không cần nhờ đến sự trợ giúp của bố mẹ. Cùng với hai vấn đề trên, quan hệ xã hội luôn là mối quan hệ phức tạp, con cái càng trưởng thành, công việc làm ăn càng phát triển thì những mối quan hệ xã hội càng rộng hơn nên nó cũng không phải là vấn đề mà con cái có thể đưa ra chia sẻ, tâm sự với bố mẹ già được. Khi xét về tương quan giữa nội dung tâm sự, trò chuyện của con cái với bố mẹ với tiêu chí nghề nghiệp, chúng tôi thấy các cặp vợ chồng là cán bộ công chức nhà nước có tỷ lệ trò chuyện với bố mẹ về công việc ở có quan cao hơn các nhóm nghề khác. Những người làm công ty liên doanh với nước ngoài hoặc là doanh nhân hoặc nghề tự do thì nội dung trò chuyện với bố mẹ chủ yếu xoay quanh chuyện con cái, chuyện quan hệ họ hàng.

Bảng 3.10. Nghề nghiệp và mức độ tâm sự, trò chuyện với bố mẹ già

Nhóm nghề nghiệp	Vấn đề tâm sự, chia sẻ với bố mẹ			
	Công việc	Quan hệ trong gia đình	Vấn đề xã hội	Giải trí đơn thuần
Cán bộ nhà nước	1.22	2.54	2.14	1.89
Doanh nghiệp	1.13	2.26	1.82	2.24
Công ty nước ngoài	1.24	2.66	1.53	2.32
Nghề tự do	1.87	1.93	2.22	1.67
* Theo điểm trung bình với mức điểm: Thường xuyên =3; thỉnh thoảng=2; Không bao giờ = 1, Điểm trung bình = 2				

Như vậy, chúng ta thấy tính chất và cường độ công việc cũng là một nhân tố ảnh hưởng tới mức độ tâm sự, trò chuyện với bố mẹ già. Những người làm kinh doanh hoặc làm ở công ty liên doanh với nước ngoài thường làm việc với cường độ cao hơn hoặc thời gian làm việc kéo dài hơn so với các ngành nghề khác, điều đó hạn chế điều kiện để họ giao tiếp với bố mẹ già. Và chúng ta cũng thấy dù ít hay nhiều, đặc trưng của môi trường sống, điều kiện công việc và thu nhập cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến mối quan hệ giữa các cặp vợ chồng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với bố mẹ của họ, và có lẽ cũng vì lý do này mà người ta cho rằng ở khu vực này người dân đã bỏ qua ít nhiều những giá trị đạo đức truyền thống.

3.2.2. Sự giúp đỡ của người cao tuổi đối với con cháu

Mặc dù là người cao tuổi nhưng các ông bà vẫn tham gia rất tích cực vào việc giúp đỡ con cháu trong gia đình. Thời kỳ đất nước ta còn khó khăn, người già không được chăm chút nhiều nên sức khỏe cũng không được tốt, chỉ 60 tuổi đã yếu lắm và tới 70 tuổi thì đã gần như chỉ ngồi một chỗ rồi. Ngày nay, với sự phát triển của xã hội, người cao tuổi được chăm sóc nhiều hơn từ chế độ ăn uống cho đến chăm sóc khám sức khỏe định kỳ nên họ cũng dẻo dai, tinh tường hơn rất nhiều. Sức khỏe cộng với tình thương yêu con cháu đã khiến họ đỡ dần cho con cháu được rất nhiều việc. Trong các hộ gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, những người cao tuổi không còn tham gia vào việc đóng góp kinh tế nhưng họ vẫn tham gia vào các công việc trong nhà. Chẳng hạn đơn giản như việc trông nom nhà cửa, đi chợ mua thức ăn hay là dọn dẹp nhà cửa, đưa đón cháu đi học... Phỏng vấn nhiều cặp vợ chồng ở đây, họ đều thừa nhận một điều rằng nói là nuôi bố mẹ nhưng thực ra nếu không có ông bà đỡ dần thì họ cũng rất khó khăn trong việc điều tiết giữa công việc nhà nước với việc gia đình. Đặc biệt là những cặp vợ chồng mới sinh con, họ có thuê người giúp việc nhưng cũng không thể yên tâm nếu không có sự trông nom của ông bà.

Chị H nói: *“Sáng nào tôi cũng phải đi làm từ rất sớm. lúc ấy các con tôi chưa ngủ dậy mà cũng chưa đến giờ chúng đi học. Nếu đưa con đi học thì tôi sẽ không kịp giờ làm. Chiều tôi cũng về muộn, mọi việc đều phải nhờ cả vào ông bà đưa đón các cháu và chợ búa. Nếu không có ông bà thì quả thật tôi không biết xoay xở thế nào nữa”* [PVS 11: Nữ, 1973, Đại học, CNVC].

Ông bà sống cùng con cháu, hay ở gần, việc đi lại thăm nom có ảnh hưởng lớn đến việc giáo dục các cháu nhỏ, uốn nắn tư cách đạo đức cho các con lớn (đã là bố, là mẹ). Người già đã tích lũy được nhiều vốn sống, mặc dù ở điểm này, điểm kia đã có nhiều lạc hậu, bảo thủ, nhưng nhìn chung kinh nghiệm làm ăn, đối xử, ứng xử, giáo dục con cái của người già là rất có ích cho lớp trẻ nếu họ biết tiếp thu, kế thừa, sàng lọc những cái hay, cái tốt. Đặc biệt, khi ông bà là người có văn hóa và là người có quá trình công tác lâu năm. Ông bà có thể đóng vai trò là người hòa giải trung gian (mà không đứng về một phía nào một cách thiên cận) trong các vụ mâu thuẫn của các cặp vợ chồng, đặc biệt khi họ còn trẻ, mới lấy nhau, chưa có kinh nghiệm xây dựng gia đình. Ông bà cũng có thể khéo léo góp ý về nội dung, phương pháp giáo dục con của các bậc cha mẹ, hòa giải những mâu thuẫn, không hiểu nhau giữa cha mẹ và con cái. Đối với các cháu, ông bà không chỉ giúp đỡ việc chăm sóc, ăn uống, sức khỏe, vui chơi, mà những lời khuyên răn của ông bà về cách đối xử, ứng xử trong các quan hệ xã hội cũng rất có trọng lượng. Ông bà có trình độ văn hóa nhất định còn có thể giúp các cháu học tập, ôn đố, kiểm tra kết quả học tập khi cha mẹ chúng bận công việc làm ăn. Ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, ông bà góp khá nhiều công sức trong việc giúp đỡ con cháu, đặc biệt là việc dạy dỗ, uốn nắn các cháu trong cách ứng xử với mọi người. Ứng xử với mọi người cho lễ độ là điều được người Việt Nam ta luôn coi trọng. Với những người già, đương nhiên họ là người đề cao việc đó, bởi theo họ nếu các cháu mình không biết cách cư xử, chào hỏi lễ phép với mọi người thì người ta sẽ đánh giá không chỉ đứa trẻ mà còn đánh giá luôn cả bố mẹ, ông bà chúng không biết dạy con.

“Tôi luôn khuyên bảo, dạy dỗ các cháu là phải nghe lời bố mẹ, ông bà, ngoan ngoãn, lễ phép để cho người ngoài khỏi cười nhà mình là không có nề nếp, không có trên, có dưới”. [PVS 8: Nam, 1942, Cao đẳng, Nghĩ hưu]

Vấn đề học hành cũng được ông bà ở khu vực này quan tâm nhiều. Với những cháu học ở bậc học thấp (tiểu học), ông bà có thể tham gia việc kèm học và kiểm tra bài của cháu nhưng khi các cháu học ở bậc học cao hơn thì ông bà sẽ đóng vai trò nhắc nhở, giục giã cháu học hành.

“Trước đây tôi là giáo viên dạy tiểu học nên cũng giúp kèm được các cháu. Hồi chúng còn nhỏ thì bố mẹ chúng giao phó hết cho bà kèm cặp nhưng bây giờ lên cấp hai rồi thì bà chịu, bà chỉ nhắc nhở chúng thôi chứ không thể kèm học được nữa”. [PVS 16: Nữ, 1952, Đại học, Nghĩ hưu].

Cách đi đứng, ăn mặc của các cháu cũng được ông bà chú ý uốn nắn. Bởi lẽ cách ăn mặc thời trang “tuổi teen” và phong cách của trẻ rất khó “vừa mắt” ông bà.

“Tôi không thể hiểu nổi lũ trẻ bây giờ nó ăn mặc kiểu gì, toàn những kiểu kỳ quái, quần thì bó chèn vào, con trai ăn mặc rồi đầu tóc như con gái, rồi nhuộm tóc vàng, tóc đỏ. Tôi cũng là người tân tiến đấy nhưng nhiều lúc cũng không thể không nhắc nhở cháu mình”. [PVS 15: Nữ, 1949, Trung cấp, Nghĩ hưu]

Ở khu đô thị mới này, những người cao tuổi cũng có nhiều đóng góp trong việc giáo dục các cháu, đây là những việc hết sức thiết thực, là những chỉ dẫn, là cơ sở để hình thành hành

vi đạo đức - một khía cạnh quan trọng của ý thức đạo đức tạo nên nhân cách của mỗi con người.

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, sự tham gia của một số người cao tuổi ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính là mang tính chất tư vấn, khuyên bảo các con mình dạy dỗ thế hệ thứ ba 33,3% nhưng đồng thời lại có đa số người tham gia trực tiếp dạy dỗ các cháu 64,6%, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ các ông bà không tham gia rõ nét vào quá trình giáo dục các cháu 2,1%. Họ có thể không quan tâm đến vấn đề này mà hoàn toàn ủy thác cho con cái của họ, hoặc có thể không đồng ý với cách giáo dục cháu của các con mình nhưng không can thiệp.

Tuy nhiên, trong những gia đình khác nhau thì mức độ tham gia vào việc giáo dục các cháu của người cao tuổi cũng khác nhau.

Những gia đình mà có cháu nhỏ (từ 1 - 10 tuổi), ông bà tham gia trực tiếp vào việc dạy dỗ các cháu chiếm tỷ lệ cao hơn những gia đình có cháu từ 10 tuổi trở lên. Điều này cũng phù hợp bởi những gia đình có cháu dưới 10 tuổi thì các cháu còn nhỏ, hay quần quýt với ông bà và cách thức dạy dỗ, khuyên bảo của ông bà với các cháu cũng đạt hiệu quả cao hơn các cháu ở lứa tuổi thiếu niên.

“Tôi có hai cháu nội, một đứa hơn 5 tuổi, một đứa hơn 3 tuổi. Từ hồi con dâu tôi đẻ cháu thứ hai thì cháu thứ nhất mới được 2 tuổi thôi nên mọi việc chăm sóc cháu đầu là do ông bà đảm nhiệm, cũng từ đó là nó ngủ luôn với ông bà. Tối đến thế nào tôi cũng kể cho cháu nghe một, hai câu chuyện rồi qua đó nhắc nhở luôn cháu những bài học đạo đức”.
[PVS 14: Nam, 1942, Cao đẳng, Nghỉ hưu].

Những gia đình có cháu từ 10 tuổi trở lên, các cháu đã bước vào tuổi dậy thì, tâm lý luôn muốn chứng tỏ rằng mình đã lớn, thường bướng bỉnh, với suy nghĩ rằng ông bà già là những người cổ hủ nên ít nghe theo lời khuyên bảo của ông bà. Hơn nữa, với những gia đình có cháu lớn thường có bố mẹ cũng đã nhiều tuổi, kinh nghiệm chín chắn hơn trong việc giáo dục con cái nên sự tham gia trực tiếp hay tư vấn về cách thức giáo dục của ông bà giảm hẳn.

Như vậy, từ những khác biệt trong mức độ tham gia của thế hệ ông bà vào việc giáo dục cháu tùy theo độ tuổi của con cháu cho thấy mức độ tham gia của thế hệ người cao tuổi còn tùy thuộc vào kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm của các con mình. Mặt khác, chúng ta cũng có thể nhận thấy đó là một sự thay đổi về lối sống đáng chú ý ở khu vực này. Những người cao tuổi ở đây đã có thay đổi trong nhận định về vai trò giáo dục các cháu qua bảng kết quả dưới đây.

Bảng 3.11. Cách thức ông bà tham gia vào giáo dục các cháu trong gia đình

Cách thức giáo dục		Tần suất			Điểm trung bình
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	
Bênh vực cháu	Số lượng	172	59	68	2.43
	Tỷ lệ %	57,4	19,8	22,8	
Mảng mớ	Số lượng	13	92	196	1.22
	Tỷ lệ %	4,2	30,5	65,3	

Đáp ứng mọi yêu cầu	Số lượng	142	102	56	2,59
	Tỷ lệ %	47,2	34,1	18,7	
Khuyến răn	Số lượng	44	135	121	1,84
	Tỷ lệ %	14,6	45,1	40,3	

* Điểm trung bình: Thường xuyên = 3 điểm; thỉnh thoảng = 2 điểm; hiếm khi = 1 điểm. Như vậy điểm trung bình càng cao thì cách thức giáo dục tương ứng càng được sử dụng nhiều.

Những kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy cách thức giáo dục được ông bà sử dụng nhiều nhất là đáp ứng mọi yêu cầu của cháu, với điểm trung bình cao nhất là 2,59 bởi tâm lý chung của những người cao tuổi sống ở đây luôn thấy rằng với xu hướng xã hội và quy định của nhà nước khiến số lượng cháu được sinh ra chỉ từ 1 đến 2. Ông bà không có nhiều cháu nên luôn mong muốn cho cháu mình được sống thoải mái, đầy đủ nhất. Đồng thời ngay bản thân các cặp vợ chồng ở khu chung cư mới cũng là những gia đình có điều kiện về vật chất nên cũng luôn đáp ứng mọi đòi hỏi của con mình về mặt vật chất điều này cũng có tác động tới nhận thức trong vấn đề giáo dục cháu của ông bà.

Cách thức được sử dụng nhiều thứ hai là bên vực các cháu khi bố mẹ chúng phê bình với điểm trung bình là 2,43. Đây cũng là một trong những cách ông bà thể hiện tình yêu thương của mình với các cháu, đặc biệt là với những trường hợp ông bà không thường xuyên ở cùng mà thỉnh thoảng đến ở một thời gian chơi với các cháu. Và đây chính là một trong

những nguyên nhân gây nên mâu thuẫn giữa các thế hệ mà đã được đề cập.

Bên cạnh đó còn một tỷ lệ không đáng kể ông bà sử dụng mắng mỏ, chê trách, so sánh các cháu với thời của ông bà như một cách thức để giáo dục các cháu, cách thức giáo dục này chỉ thỉnh thoảng mới được ông bà sử dụng. Sự thể hiện cách thức giáo dục này phần nào thể hiện những bất đồng giữa các thế hệ trong việc giáo dục lớp trẻ.

3.2.3. Mâu thuẫn giữa các thế hệ

Khi xem xét về tương tác liên thế hệ, ngoài vấn đề con cái chăm sóc bố mẹ già về vật chất, về tinh thần, và bố mẹ già chăm sóc con cái chúng tôi còn chú ý tới những mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng với bố mẹ già trong gia đình, nhất là những gia đình có hình thức sống đa thế hệ. Chẳng hạn, có những trường hợp bố mẹ can thiệp quá sâu vào đời sống riêng tư của các con và thậm chí có những bố mẹ đã áp đặt ý kiến của mình và bắt buộc các con phải nghe theo, mặc dù họ đã trưởng thành. Tuy nhiên, số này rất ít và thường rơi vào các gia đình mà có bố mẹ là người đóng góp ngân sách chính. Và chúng ta cũng đều biết rằng với những gia đình mà hai vợ chồng phải lệ thuộc về mặt kinh tế vào bố mẹ thì quyền quyết định những việc lớn trong gia đình cũng bị hạn chế rất nhiều. Mặc dù vậy nhưng những cặp vợ chồng này vẫn nảy sinh mâu thuẫn với bố mẹ (đặc biệt là với những vấn đề liên quan đến công việc và con cái họ). Còn lại đa số trong những gia đình sống chung với bố mẹ già, các cặp vợ chồng cũng chỉ coi ý kiến của bố mẹ như những lời khuyên, dùng để tham khảo, còn họ vẫn là người đưa ra quyết định cuối cùng. Trong số ít

còn lại cũng có những bố mẹ không đưa ra lời khuyên cho các cặp vợ chồng, đó thường rơi vào những trường hợp bố mẹ sinh sống ở quê và được con cái đón ra ở cùng để nuôi dưỡng.

Bảng 3.12: Cách đóng góp ý kiến của bố mẹ già trong công việc và cuộc sống gia đình của con cái

Cách thức đóng góp ý kiến của bố mẹ	Số người	Tỷ lệ %
Bố mẹ khuyên bảo để con cái tự quyết định	217	72,4
Bố mẹ can thiệp sâu, áp đặt con cái	17	5,7
Bố mẹ không có ý kiến gì	43	14,3
Ý kiến khác	23	7,6
Tổng số	300	100

Những kết quả trên cho thấy trong một bộ phận gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính mặc dù không nhiều, vẫn tồn tại vai trò của người cao tuổi (bố mẹ già) với trách nhiệm và tình thương, bố mẹ đã có những đóng góp nhất định của mình với các con đã trưởng thành.

Trong những gia đình sống đa thế hệ, tất sẽ có nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày tạo nên mâu thuẫn giữa bố mẹ già với các cặp vợ chồng. Những mâu thuẫn này xoay quanh những vấn đề: chi tiêu, mua sắm, ứng xử, kiếm tiền, dạy dỗ các cháu, vấn đề nội trợ và việc phân chia tài sản.

Bảng 3.13. Những vấn đề làm nảy sinh mâu thuẫn giữa bố mẹ già với các cặp vợ chồng
(xét những trường hợp gia đình sống đa thế hệ)

Mâu thuẫn		Mức độ mâu thuẫn			Không trả lời	Tổng
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi		
Về vấn đề chi tiêu	Số lượng	0	10	68	5	83
	Tỷ lệ %	0	12	82,3	5,7	100
Cách ứng xử với mọi người	Số lượng	2	29	52	1	83
	Tỷ lệ %	2,1	34,4	62,2	1,3	100
Giáo dục con cái trong gia đình	Số lượng	15	59	7	2	83
	Tỷ lệ %	17,5	71	8,8	2,7	100
Quan hệ họ hàng	Số lượng	18	54	9	1	83
	Tỷ lệ %	22,1	64,8	11,3	1,8	100

Kết quả trên cho thấy, phần lớn các cặp vợ chồng ở khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính ít có mâu thuẫn lớn với bố mẹ già trong các vấn đề được nêu ra. Trong số những vấn đề thường xảy ra mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng với bố mẹ già thì vấn đề về quan hệ họ hàng và dạy dỗ cháu là hai vấn đề chiếm tỷ lệ cao. Điều này cũng phù hợp với những phỏng vấn sâu mà chúng tôi đã tiến hành. Một số người cho rằng dù ở gần hay ở xa, dù sống chung hay sống riêng, họ đều gặp phải những rắc rối với bố mẹ về những vấn đề liên quan đến ứng xử và nhất là việc dạy dỗ cháu. Một số người cho rằng ông bà quá chiều chuộng cháu, cháu đòi gì cũng được, thích gì cũng cho. Trong khi đó bố mẹ các cháu lại muốn uốn nắn con mình theo cách riêng, nghiêm khắc hơn.

“Thỉnh thoảng mẹ chồng tôi mới đến ở vài ba tuần với chúng tôi, chủ yếu để chơi với các cháu cho đỡ nhớ. Bà cũng vì quý cháu quá nên chiều vô điều kiện, cháu đòi gì cũng cho, thậm chí có những lúc còn bênh vực cháu trước mặt chúng tôi khiến tôi rất bức mình. Mặc dù biết bà không thường xuyên ở đây nhưng nhiều lúc cũng khó kiềm chế lắm, không nói gì được bà thì lại lôi con vào mắng, rồi đánh, nhiều khi nó bị ăn đòn nhiều hơn cũng vì bà đấy.” [PVS 13: Nữ, 1977, Cao đẳng, CNVC]

Ngoài ra còn có những trường hợp bố mẹ già và các cặp vợ chồng có mâu thuẫn vì trái ngược quan điểm chăm sóc các cháu. Mâu thuẫn này thường xảy ra đối với những cặp vợ chồng còn trẻ, mới sinh con hoặc con còn nhỏ. Các bà mẹ trẻ thường có xu hướng nuôi con theo khoa học, còn ông bà thì chăm cháu theo kinh nghiệm. Ông bà thường ca thán rằng con cái quá cầu kỳ trong nuôi dưỡng hoặc ép cháu ăn quá nhiều.

“Con tôi rất lười ăn. Một ngày tôi cho cháu ăn cả cháo và uống sữa là 6 bữa theo như trao đổi thông tin với các mẹ trên trang “Web trẻ thơ” nhưng vì lười ăn nên lượng ăn của cháu rất ít. Tôi rất lo lắng và bữa nào cũng tìm mọi cách để dỗ dành cháu ăn được càng nhiều càng tốt. Nhưng mẹ chồng tôi cứ mỗi lần nhìn thấy tôi cho cháu ăn là lại nói: nó ăn được bao nhiêu thì ăn chứ đừng có ép. Đã sốt ruột vì con lười ăn, đồ mãi chẳng được lại thêm bà cứ nói ra nói vào khiến tôi hay bức mình”. [PVS 12: Nữ, 1982, Đại học, Kinh doanh].

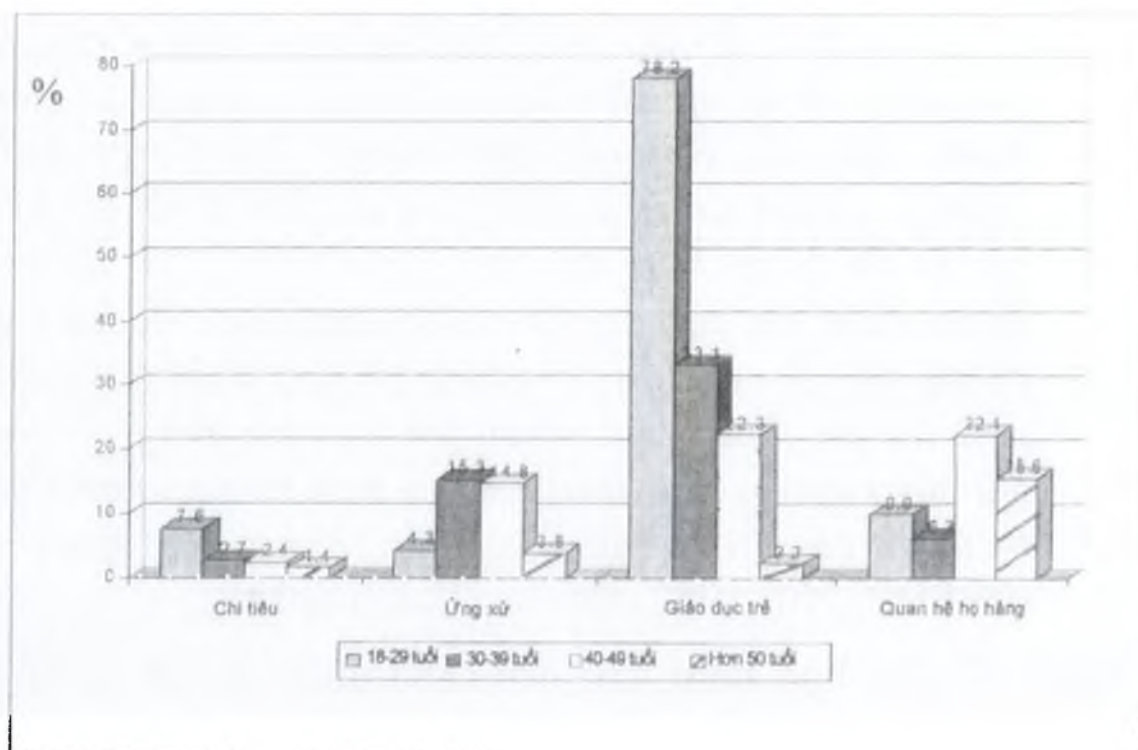
Ngay cả việc học hành của các cháu cũng là vấn đề nảy sinh mâu thuẫn giữa ông bà và bố mẹ chúng. Ông bà thì thường phản đối việc bố mẹ chúng bắt con học quá nhiều.

Còn bố mẹ thì luôn lo rằng con mình học như vậy chưa đủ, rồi lo không theo kịp các bạn.

“Ông bà nội thường hay phàn nàn về việc chúng tôi cho các cháu học quá nhiều. Ông bà nói: cho học nhiều quá khổ thân chúng nó ra. Ngày xưa chúng tao có cho con học nhiều đâu mà bây giờ cũng nên người hết. Các cụ đâu có hiểu được ngày xưa khác với bây giờ rất nhiều. Bọn trẻ chỉ cần học đủ theo chương trình ở trường đã rất vất vả rồi, lại phải học thêm tiếng Anh... nếu không sao mà theo kịp bạn bè được”.
[PVS 11: Nữ, 1973, Đại học, CNVC].

Xét về tương quan tuổi với vấn đề nảy sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày giữa các cặp vợ chồng với bố mẹ già, chúng tôi cũng thấy có nhiều điểm khác biệt.

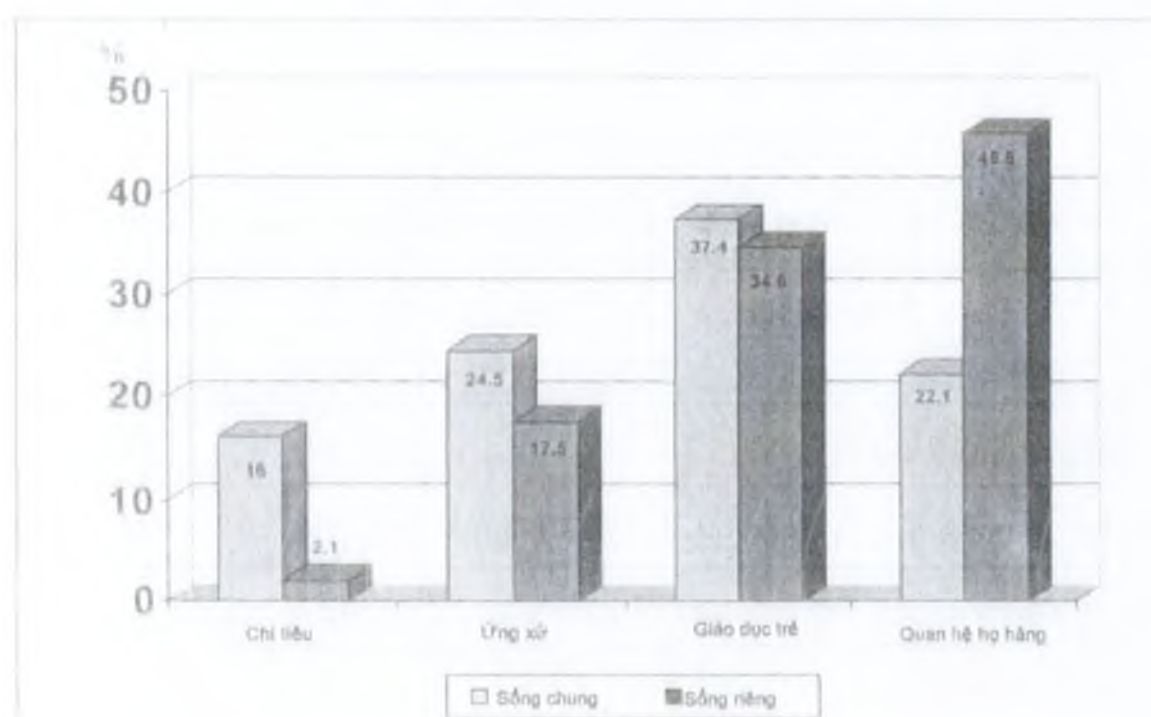
Biểu 3.7. Lứa tuổi và những mâu thuẫn nảy sinh trong sinh hoạt hàng ngày



Theo kết quả trên, chúng ta có thể nhận thấy những cặp vợ chồng có độ tuổi 40 trở lên ít có mâu thuẫn với bố mẹ già. Trong khi đó, những cặp vợ chồng trẻ dưới 30 tuổi có tỷ lệ mâu thuẫn với bố mẹ già cao hơn. Và thường gặp nhất trong những mâu thuẫn trong vấn đề chăm sóc con trẻ trong gia đình với tỷ lệ tương ứng là 78,2%.

Khi xét theo hình thức sống nghiên cứu cho thấy hình thức sống riêng hay sống chung cũng có ý nghĩa nhất định đối với việc phát sinh mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng và bố mẹ già. Những cặp vợ chồng sống chung cùng một căn hộ với bố mẹ thì mâu thuẫn xảy ra nhiều nhất trong việc giáo dục con trẻ, và ứng xử trong gia đình với tỷ lệ tương ứng là 37,4% và 24,5%. Trong khi đó những cặp vợ chồng sống riêng lại thường xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ già trong các mối quan hệ họ hàng 45,8%.

Biểu 3.8. Hình thức sinh sống và mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày



Như vậy có thể thấy rằng giáo dục con trẻ trong gia đình là mối quan tâm hàng đầu của các gia đình khu chung cư cao tầng Trung Hòa - Nhân Chính và đây cũng là nguyên nhân nảy sinh các mâu thuẫn trong gia đình giữa các thế hệ, tỷ lệ mâu thuẫn ở chỉ báo này thường xảy ra ở mức cao.

“Chúng tôi thường mâu thuẫn với bố mẹ trong quan điểm giáo dục con cái, bố mẹ tôi thì luôn chiều các cháu. Vợ chồng tôi lại không muốn thế nên nhiều khi hay xảy ra tranh luận thậm chí to tiếng. Tôi nghĩ nếu vợ chồng tôi sống riêng sẽ ít xảy mâu thuẫn hơn ”. [PVS 10: Nữ, 1978, Đại học, Giảng viên].

Tuy nhiên kết quả khảo sát cho thấy không có sự khác biệt nhiều về mâu thuẫn trong chỉ báo nuôi dạy con cái giữa các gia đình sống chung và sống riêng với bố mẹ.

Chúng tôi tiến hành xem xét cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa các thế hệ trong gia đình nơi đây xem liệu rằng họ có tuân theo nguyên tắc ứng xử của của các gia đình truyền thống “một điều nhịn, chín điều lành” không?

Bảng 3.14. Cách thức giải quyết khi có mâu thuẫn

Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ %
Im lặng, rút lui ý kiến	16	5,3
Nói thẳng quan điểm và giải quyết vấn đề ngay	104	34,7
Vợ chồng cùng bàn bạc giải quyết mâu thuẫn	157	52,3
Tranh cãi đến cùng	23	7,7
Tổng số	300	100

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy cách ứng xử “im lặng nhường bộ, rút lui ý kiến của mình” rất ít người lựa chọn. Dường như câu nói “com sôi bớt lửa” của ngày xưa đã không còn phù hợp với những con người mới sống ở khu chung cư hiện đại nữa. Họ chọn cách ứng xử tối ưu là “bàn bạc với vợ/ chồng tìm cách giải quyết: 52,3 %. Bên cạnh đó, cũng có một số ít lựa chọn cách ứng xử “mới” hơn nữa là “nói thẳng quan điểm của mình, giải quyết vấn đề ngay”: 34,7%. Như vậy chúng ta có thể thấy cách ứng xử của những cặp vợ chồng ở khu chung cư mới đa số theo xu hướng mong muốn giải quyết mâu thuẫn thế hệ một cách tốt đẹp nhưng vẫn phải thể hiện được chính kiến của mình chứ không tuân theo một cách thụ động ý kiến của bố mẹ. Tuy nhiên, cách thức giải quyết mâu thuẫn thế hệ cũng còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, tính cách riêng của từng thành viên trong gia đình. Chính vì người dân ở đây đa số là những người có trình độ học vấn từ cao đẳng trở lên sự nhận thức của họ về các hình thức giải quyết mâu thuẫn giữa các thế hệ thường rõ ràng và có lựa chọn tương đối hợp lý nên không khí của gia đình thường đầm ấm và hòa hợp, điều đó cũng góp phần tạo nên một nét văn minh cho cả khu đô thị này. Và qua nghiên cứu về tương tác liên thế hệ, có thể khẳng định rằng hầu hết trong các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, các thế hệ đều có mối quan hệ tốt với nhau. Mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng với bố mẹ già chỉ xảy ra trong một số trường hợp và cách thức giải quyết là tương đối linh hoạt. Điều này phụ thuộc nhiều vào trình độ văn hóa cũng như nhận thức của dân cư khu vực.

3.3. Tương tác trong quan hệ cộng đồng của gia đình

“Bán anh em xa mua láng giềng gần” là câu nói quen thuộc mà hầu như ai cũng biết. Xuất phát từ nền sản xuất nhỏ, từ nền văn hóa làng xã, người Việt ta bao đời nay luôn quý trọng tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau, tạo ra tính cộng đồng rất cao. Ngày nay, trong xu thế tiến bộ của xã hội, truyền thống tốt đẹp này đã có những sắc thái biểu hiện khác biệt so với trước, nhất là ở các thành thị.

Hiện nay tại các khu chung cư trong đô thị mới đang diễn ra tình trạng sống thiên về tính cá nhân, tính cộng đồng bị suy giảm và mất dần tính truyền thống, cái mà người ta gọi là tình làng nghĩa xóm đang thiếu vắng. Có nhiều quan niệm mới cho rằng nếp sống trong các đô thị mới đang bị “tây hóa”. Có thể nói đây là một trong những cách ứng xử khá phổ biến và mang nét đặc trưng riêng của các khu đô thị mới. Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính cũng không nằm ngoài tình trạng trên. Điều này có lẽ cũng do nhiều yếu tố tạo nên mà một trong những yếu tố tác động mạnh mẽ nhất đó chính là lớp người sống ở khu vực này. Đa phần họ là những người đang trong độ tuổi lao động, lại là những người có công việc và thu nhập ổn định ở mức khá trở lên nên vấn đề quỹ thời gian dành cho công việc đã chiếm gần hết, họ đã ở cơ quan từ 8 tiếng trở lên, thời gian còn lại trong ngày, họ dành cho gia đình và nghỉ ngơi. Sau một ngày lao động, họ trở về và thu mình luôn trong tổ ấm mà không có thời gian hoặc không muốn mất thời gian với những việc như sang nhà hàng xóm chơi hoặc ngồi uống chén nước chè và tán gẫu dăm ba câu chuyện mà theo họ là phí thời gian. Một nguyên nhân nữa là do những người sống ở khu vực này đều thuộc gia đình có kinh tế khá và giàu, mà những người

thuộc nhóm gia đình này thường có xu hướng ít tiếp xúc với người lạ đặc biệt khi mời họ vào nhà mình. Đó cũng là lý do họ chọn sống ở đây bởi tính an ninh cao và sự yên tĩnh, không bị phiền hà bởi những “người hàng xóm rồi việc”.

Vấn đề tương tác với môi trường xung quanh được xem xét qua mối quan hệ của các gia đình với hàng xóm và xem xét tính cộng đồng trong khu chung cư.

Hiện nay với quy hoạch đô thị hiện đại, những khu đô thị mới như văn Quán, An Khánh, Ciputra... đều có một khoảng đất dành cho cây xanh, nhưng cảm giác gần gũi với thiên nhiên lại là điều mà khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính không đem lại được cho người dân. Ở khu chung cư cao cấp này đem lại cho người ta cảm giác hiện đại và có phần “lạnh lùng”. Người dân sống ở đây cứ đi khóa, về đóng, nếu như không có việc ra ngoài thì hầu như họ giam mình trong căn hộ của mình mà không có sự giao lưu với hàng xóm. Khác với những khu nhà tập thể mặt đất, với cánh cửa khép hờ, hàng xóm có thể viếng thăm bất cứ lúc nào, thậm chí họ không cần vào nhà mà vẫn hỏi thăm, trò chuyện được với gia chủ. Với những khu nhà trong ngõ, có đất rộng, sân vườn vừa là điều kiện, vừa là chủ đề trong cuộc trò chuyện hàng ngày của những người trong ngõ. Họ sang nhà hàng xóm xin một mớ rau nấu canh, mượn nhờ cái sân để gửi xe máy của khách mỗi khi nhà có việc là những thói quen dễ gặp ở những khu dân cư truyền thống. Trong khi đó, điều kiện về nơi ở, về đặc trưng công việc cũng như con người sống ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính đã làm mất dần những nếp sống của khu dân cư truyền thống. Đây cũng là một trong những yếu tố tạo nên nét đặc trưng của khu vực này

Khi xem xét về tương tác với môi trường xung quanh của cư dân ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính, có thể thấy có những điểm rất khác biệt. Như chúng ta đã biết, cái gốc của văn hóa Việt chính là tính cộng đồng, con người Việt luôn có truyền thống tương thân tương ái, quan tâm, hỏi han, coi trọng lời chào hỏi “lời chào cao hơn mâm cỗ”. Tinh thần cộng đồng được hun đúc từ trong gia đình, làng xóm với lối sống trọng tình nghĩa. Ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, các mối quan hệ sơ cấp truyền thống đã bị phá vỡ. Ở đó, theo nhiều đánh giá, cư dân có lối sống lạnh lùng, ẩn danh và ít tình nghĩa được “ưa chuộng” hơn. Mặc dù không phải tất cả người dân sống ở đây đều luôn bận rộn với công việc thường nhật, có những người là cán bộ nhà nước một ngày chỉ 8 tiếng ở cơ quan, có những người là giáo viên, có đến nửa buổi ở nhà, thậm chí có những người vợ chỉ quanh quẩn chăm sóc con cái, lo việc gia đình, nhưng việc giao lưu với hàng xóm láng giềng là hoàn toàn không có. Hầu hết, những người sống ở khu vực này đều không biết hoặc biết rất lơ mơ về những người hàng xóm sống cùng tầng và điều đáng nói ở đây là số lượng hộ gia đình ở mỗi tầng chỉ vền vẹn 8 gia đình chứ không nhiều. Còn trong cùng một tòa nhà thì hầu như không biết nhau. Họ chỉ dăm câu trò chuyện khách sáo khi cùng ngồi họp tổ dân phố, rồi tan họp thì ai lại về nhà nấy mà không bao giờ có sự thăm hỏi, sang nhà chơi.

Hệ thống sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố hời hợt, không có không gian sinh hoạt văn hóa văn nghệ. Trong khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, thanh niên không có nơi sinh hoạt Đoàn, Đảng... các nhà văn hóa cũng không có, dường như đó là một thứ xa xỉ ở đây. Các câu lạc bộ thể dục thể thao là theo

điều kiện vật chất kinh doanh. Có nhiều ý kiến chia sẻ về những bất cập tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính về vấn đề sinh hoạt cộng đồng. Họ cho rằng sống biệt lập, khép kín trong căn hộ cao cấp cũng là nét sống hiện đại nhưng từ đó nảy sinh ra nhiều tình huống mà chỉ có ai sống chung cư mới biết. Nếu sống ở dưới đất, hai nhà cạnh nhau đã có thể là hàng xóm thân tình “tối lửa tắt đèn có nhau”. Nhưng ở chung cư thì điều đó chưa chắc. Nhà này sát nhà kia mà có gặp ở hành lang nhiều khi cũng chẳng biết mặt, biết tên, chẳng chào hỏi, chẳng biết thế nào mà chia sẻ.

“Khu tập thể trước đây chúng tôi ở, hàng xóm thân nhau lắm, cứ một nhà có việc thì cả dãy đến hỏi thăm, mỗi người giúp một chân một tay. Đang nấu ăn mà thiếu tí mắm, củ hành, chạy sang hàng xóm xin là chuyện bình thường. Nhưng từ khi tôi theo con về đây ở, cảm thấy như bị tù túng. Ban ngày con cháu đi làm, đi học, mình cứ quanh quẩn với bốn bức tường, hết việc nhà thì lại ngồi xem ti vi chứ không có chuyện sang nhà hàng xóm chơi đâu”. [PVS 9: Nữ, 1944, Trung cấp, Nghỉ hưu]

Do nhu cầu giao tiếp, tập thể dục của mọi người, nhất là người lớn tuổi rất cao nên khoảng sân rộng trước tòa nhà 34T và ba khuôn viên nhỏ rải rác trong khu luôn là nơi để họ tập thể dục, chơi cầu lông, đi tản bộ hoặc ngồi hóng gió chuyện trò. Vào những buổi sáng sớm hay buổi chiều hè, ở những địa điểm này lúc nào cũng tấp nập người. Tuy nhiên, mức độ tham gia vào các hoạt động cũng khác nhau theo từng lứa tuổi. Điều này cho thấy không gian công cộng là một yếu tố rất quan trọng với người dân. Đồng thời ta cũng thấy được ở

những khu vực người dân có điều kiện về kinh tế, cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao. Những người cao tuổi đến sống cùng với con cháu ngoài sự yêu thương chăm sóc của con cháu thì nhu cầu được thoải mái về tâm lý cũng rất cần thiết.

“...Bây giờ có tuổi rồi, chả có nhu cầu ăn uống gì, chỉ có nhu cầu gặp gỡ với mọi người thôi. Trừ những hôm trong người thấy mệt mỏi hoặc trời mưa to, còn lại ngày nào cũng như ngày nào, cứ 5h là tôi đã có mặt ở sân khu tập thể dục, trò chuyện với các bà rồi mới về đi chợ”. [PVS 8: Nam, 1942, Cao đẳng, nghỉ hưu]

“Những người già như chúng tôi sống ở đô thị thích nhất là mọi thứ đều sẵn sàng trong một phạm vi hẹp trên một mặt bằng, không mất nhiều công di chuyển như ở nhà riêng cứ phải leo lên leo xuống mấy tầng nhà. Chỉ có điều ở đây không có nhiều không gian rộng như công viên, hồ nước để chúng tôi dạo chơi, tập thể dục, suốt ngày quanh quẩn với mấy bức tường cũng chán”. (Nam, 67 tuổi).

Có thể thấy rằng những buổi sáng tập thể dục giúp ích nhiều cho sức khỏe người cao tuổi, đồng thời, những buổi tập này còn giúp cho họ gìn giữ những mối quan hệ xã hội, hòa nhập với cộng đồng.

“...Lúc này tôi có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn. Không giúp được các con những công việc nặng nhọc, tôi chỉ giúp đưa đón các cháu đi học. Ngoài ra tôi hay tập thể dục buổi sáng ở sân nhà 34T. Việc đó

giúp tôi thấy mình nhanh nhẹn, linh hoạt hơn rất nhiều. Được gặp gỡ các cụ cùng tuổi, nói chuyện con cháu cũng vui lắm”. [PVS 7: Nam, 1940, Tiến sĩ, Giảng viên].

Với những người mới về hưu, sức khỏe còn tốt, họ lại thường dùng thời gian rảnh rỗi để tới những câu lạc bộ, gặp gỡ bạn bè:

“...Tôi vẫn thường gặp bạn bè để trao đổi về các cách chăm sóc sức khỏe cho bản thân. Những buổi trò chuyện như vậy không chỉ giúp tôi có thêm nhiều thông tin về sức khỏe, biết thêm những dược phẩm dành cho người cao tuổi mà còn giúp tâm trạng trở nên thoải mái, yêu đời hơn”. [PVS 6: Nữ, 1954, THPT, Lao động tự do]

Như vậy, có thể thấy nhóm người cao tuổi sống tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính về cơ bản vẫn có những nét đặc thù như những người sống ở nơi khác. Họ vẫn ưa những hoạt động như tập thể dục thể thao, trò chuyện với những người cùng lứa tuổi nhưng rõ ràng không gian công cộng ở khu vực này không đáp ứng được nhiều cho nhu cầu của người dân.

Hiện nay, các khu đô thị mới xuất hiện ngày càng nhiều với sự xuất hiện của hệ thống các nhà chung cư đã hình thành nên lối sống, cách ứng xử mang đặc trưng riêng khác với những khu dân cư truyền thống. Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Khi nghiên cứu các hộ gia đình ở đây, chúng tôi cũng đi sâu nghiên cứu vấn đề quan hệ với hàng xóm láng giềng, bởi lẽ đây là một yếu tố khá quan trọng trong cộng đồng của cư dân người Việt.

Ông cha ta thường có câu “bán anh em xa mua láng giềng gần” hay “hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau” để đề cao mối quan hệ hàng xóm. Với câu hỏi: “Ông/bà và hàng xóm của gia đình ông bà có quan hệ với nhau như thế nào?”, chúng tôi nhận được 10,7% câu trả lời “không có quan hệ gì”, 53,0% “chào hỏi nhau khi gặp mặt”, 25,3% “sang nhà nhau chơi” và 11% “giúp đỡ nhau khi cần”. Hệ thống câu hỏi được sắp xếp theo mức độ quan hệ từ thấp đến cao.

Bảng 3.15. Hình thức quan hệ với hàng xóm

Các hình thức quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ %
Không quan hệ gì	32	10,7
Chào hỏi nhau khi gặp mặt	159	53,0
Sang nhà nhau chơi	76	25,3
Giúp đỡ nhau khi cần	33	11
Tổng số	300	100

Kết quả khảo sát cho thấy mối quan hệ hàng xóm láng giềng khá lỏng lẻo, tỷ lệ lựa chọn hình thức “chào hỏi nhau khi gặp mặt” trong khi đó các lựa chọn “sang nhà nhau chơi” và “giúp đỡ nhau khi cần” chiếm tỷ lệ thấp. Phỏng vấn sâu chị T, chúng tôi được biết:

“Ở đây không ai biết nhà ai hết, vợ chồng con cái tôi đi làm cả ngày, chiều về chỉ ở trong nhà của mình” [PVS 5: Nữ, 1966, Đại học, Kế toán]. Khi hỏi “chị có biết hết tên những người sống cùng tầng với gia đình chị không” câu trả lời là: “gặp nhau ngoài cửa hoặc trong thang máy thì chỉ chào hỏi thôi chứ cũng không hỏi tên tuổi làm gì” [PVS 5: Nữ, 1966, Đại học, Kế toán].

Điều này có lẽ cũng do đặc trưng của khu chung cư cao cấp tạo nên. Bởi như sống cùng tầng với gia đình chị T có 8 gia đình thì có tới 3 gia đình là người nước ngoài tới thuê ở đó, còn lại những gia đình người Việt Nam lại là những cán bộ công chức nhà nước, họ thường đi làm cả ngày, chiều tối về chỉ ở trong nhà sinh hoạt với gia đình của mình. Trong khi đó, ở khu chung cư bên cạnh là khu nhà tái định cư, dân cư từ các địa điểm giải tỏa được đền bù tới sống thì lại có mối quan hệ hàng xóm láng giềng khá thân thiết. Họ thường xuyên sang nhà nhau chơi, thậm chí lúc nhỡ nhàng, xin nhau củ tỏi, quả ớt là chuyện rất bình thường. Buổi tối, họ thường tập trung ở dưới sân khu, người lớn uống trà, tán chuyện, trẻ con chơi đùa. Họ vẫn giữ những nếp sống, mối quan hệ láng giềng như ở những khu vực nhà ở khác. Điều này cũng do đặc trưng của khu vực tái định cư đều là dân cư đã từng cùng sống với nhau trên một con phố hay một khu vực, khi bị giải tỏa, họ được đền bù tới cùng một khu nhà. Hơn nữa, dân cư ở đây cũng ít người là cán bộ công chức nên họ có nhiều thời gian và điều kiện để giao lưu với nhau. Thậm chí, để tăng thêm thu nhập cho gia đình, một số căn hộ còn mở thêm hàng bán đồ ăn sáng hay đồ khô ngay tại nhà. Những yếu tố trên dường như khiến cho dân cư ở những khu nhà tái định cư thân thiện với nhau hơn. Việc biết tất cả các hộ xung quanh không hề phụ thuộc vào thâm niên số năm ở của các gia đình. Theo điều tra thì những người đến sống ở đây đầu tiên (năm 2003) cho đến những người mới chuyển đến (năm 2008), việc biết về hàng xóm láng giềng là như nhau.

Chị Hạnh đã có thể tiếp thị đồ ăn sáng của nhà mình với các cư dân trong tòa nhà qua tấm biển dính vào cánh cửa. Quầy hàng của chị nằm trong gian phòng mà lẽ ra dùng để làm phòng khách. Mỗi ngày chị bán được rất ít hàng bởi khách tiêu thụ chủ yếu là những người dân sống cùng tầng, trong đó có người thỉnh thoảng phụ giúp chị bán hàng cho đỡ buồn. Mặc dù thu nhập ít nhưng chị Hạnh vẫn duy trì quầy hàng của mình để cho đỡ buồn và cũng phụ thêm đôi chút cho gia đình.

Nguồn html: <http://www.dantri.com>, truy cập 15h30 ngày 2-3-2008

Bảng 3.16: Mối quan hệ giữa năm đến sống và hiểu biết về hàng xóm láng giềng

Năm đến sống ở chung cư		Biết tất cả	Có người biết có người không	Không biết ai	Tổng số
2003	Số người	73	216	11	300
	Tỷ lệ %	24,2	72,1	3,7	100
2004	Số người	44	244	212	300
	Tỷ lệ %	14,8	81,2	4	100
2005	Số người	49	232	19	300
	Tỷ lệ %	16,4	77,4	6,2	100
2006	Số người	31	252	17	300
	Tỷ lệ %	10,3	84,1	5,6	100
2007	Số người	19	268	13	300
	Tỷ lệ %	6,4	89,4	4,2	100
2008	Số người	44	235	21	300
	Tỷ lệ %	14,7	78,2	7,1	100

Tuy nhiên, về mức độ biết hàng xóm rõ hay không lại có liên quan đến số năm ở của các gia đình. Điều này cũng là hợp lý, càng ở lâu thì càng biết rõ hơn những thông tin của các hộ gia đình xung quanh. Những người mới chuyển đến, hầu như không biết đến những hàng xóm xung quanh, nếu có gặp nhau ở thang máy hoặc hành lang thì chỉ chào hỏi lấy lệ rồi ai lại việc nấy. Còn những người sống ở đây lâu hơn thì họ cũng có được những hiểu biết nhất định về hàng xóm của mình. Đương nhiên, những hiểu biết ở đây chỉ giới hạn ở việc biết về tên, tuổi, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình chứ không thể biết được hoàn cảnh gia đình cũng như những sự kiện biến đổi lớn trong gia đình hàng xóm. Và ngay cả những thông tin rất ít ỏi đó họ nắm bắt được không phải từ nguồn chính là gia chủ mà lại do nhiều nguồn thông tin như qua tổ trưởng dân phố, thậm chí qua người giúp việc.

Bảng 3.17. Mối quan hệ giữa số năm ở và mức độ hiểu biết về hàng xóm

Năm đến sống ở chung cư		Biết rõ	Biết sơ sài	Không biết gì	Tổng số
2003	Số người	100	187	13	300
	Tỷ lệ %	33,2	62,4	4,4	100
2004	Số người	75	212	13	300
	Tỷ lệ %	25,1	70,6	4,3	100

2005	Số người	49	232	19	300
	Tỷ lệ %	16,4	77,4	6,2	100
2006	Số người	24	178	98	300
	Tỷ lệ %	8,1	59,2	32,7	100
2007	Số người	19	166	116	300
	Tỷ lệ %	6,2	55,2	38,6	100
2008	Số người	7	143	151	300
	Tỷ lệ %	2,3	47,5	50,2	100

Điều này khác hẳn với khu dân cư truyền thống. Những người sống ở khu dân cư truyền thống, đặc biệt là những khu tập thể mà những người dân sống ở đó là những người làm cùng một cơ quan thì mức độ hiểu biết, thân thiện với nhau lại khá rõ. Nhiều gia đình hàng xóm lại thân với nhau hơn cả anh em ruột thịt vì thế mà vẫn có câu “bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Họ có những sự hiểu biết khá tường tận về hoàn cảnh gia đình cũng như tính nết của nhau, thậm chí còn biết được cả những khó khăn mà hàng xóm đang gặp phải. Có những gia đình hàng xóm còn về quê nhau chơi rất thân thiết. Sự gắn kết và hiểu biết nhau đó được vun đắp theo thời gian và tình cảm họ dành cho nhau. Nhưng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính thì không có nét truyền thống đó. Công việc bận rộn và ít có thời gian ở nhà, thời gian ở nhà chỉ đủ để dành

chăm sóc gia đình và các mối quan hệ cá nhân khác. Họ ít có cơ hội để giao tiếp với hàng xóm của mình. Hơn nữa, lối tụ cư theo hình thức chung cư cao cấp mới chỉ có gần 10 năm trở lại đây, người dân đến ở là những người thuộc nhiều lứa tuổi, khác nhau về nghề nghiệp, về nơi làm việc, khác nhau cả về quan điểm... nên khả năng gần gũi nhau là rất ít. Với những lý do trên nên người dân sống ở đô thị Trung Hòa- Nhân Chính thường ít biết đến những hàng xóm của mình. Và cũng vì thế mà ở đây còn có hiện tượng những người được gọi là “ô sin” của các gia đình lại thân nhau hơn cả chủ hộ. Hàng ngày, chủ gia đình đi vắng, những người giúp việc ở nhà làm việc nhà và trông giữ trẻ con, họ có dịp để giao lưu với “ô sin” hàng xóm và cũng từ đó, các thông tin của chủ hộ bên này tới được chủ hộ bên kia qua kênh thông tin này là như vậy. Hơn nữa, những người giúp việc đều xuất thân từ nông thôn, họ mang theo những lối ứng xử mang tính cộng đồng cao của nông thôn ra đô thị và cũng có nhiều vấn đề gây phiền toái cho người dân sống ở khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính. Những mối quan hệ hàng xóm láng giềng không mật thiết ở khu Trung Hòa - Nhân Chính có thể được lý giải như sau. Những gia đình sống ở đây thực chất họ vẫn mang trong mình nếp sống truyền thống, hầu hết những gia đình đến đây ở đều xuất thân từ những khu dân cư truyền thống. Ở những nơi đó cho phép “con người làng xã” trong họ được thể hiện. Quan hệ cộng đồng trong ngõ xóm gần gũi và thân thiết cho phép những người bất kể tuổi tác, thành phần, trình độ xích lại gần với nhau, hiểu rõ về nhau hơn. Khi chuyển đến môi trường sống mới, sống trong một khu chung cư hiện đại với lối sống cá nhân, ẩn danh thì họ cũng bị khuôn vào nếp sống độc lập. Chung cư hiện đại với những căn hộ sang trọng và cánh cửa

hiện đại luôn đóng kín, tạo cho các gia đình xung quanh đó tâm lý ngại giao tiếp, ngại sang nhà nhau chơi. Mặc dù ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, ban quản lý cũng như các tổ trưởng dân phố cũng đã nỗ lực để gắn kết cộng đồng như thăm viếng những gia đình có đám hiếu hay thăm hỏi những gia đình có người bị nằm viện những đó chỉ giới hạn ở hoạt động của tổ dân phố mà chưa rộng khắp. Cái gắn kết theo kiểu “tình làng nghĩa xóm” hay “tối lửa tắt đèn có nhau” thì không thấy xuất hiện ở khu chung cư cao cấp Trung Hòa - Nhân Chính. Ở khu đô thị vào loại cao cấp này với nhân viên bảo vệ trực 24/24 giờ, camera theo dõi ngày đêm thì dù có nhiều hoạt động cộng đồng đi chăng nữa, sự thân thiết và hiểu rõ về nhau như ở khu dân cư truyền thống sẽ khó hình thành.

“Nhiều lúc tôi cảm thấy không thoải mái khi ra hành lang chơi vì xung quanh toàn camera, làm tôi cứ có cảm giác bị theo dõi nên nếu không có việc gì cần ra ngoài hành lang thì tôi ở trong nhà”. [PVS 4: Nữ, 1967, Đại học, Giáo viên]

Tìm hiểu thêm về mối quan hệ của cư dân ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, ta sẽ thấy rõ hơn sự khác biệt của nó so với lối sống ở các khu dân cư ở tập thể hay các xóm ngõ và các dãy nhà mặt đường san sát hàng quán. Cách cư trú mang tính khép kín của các gia đình ở chung cư cao cấp khiến cho họ ít trò chuyện với nhau. Tỷ lệ qua nhà nhau chơi thường xuyên 9,2%, và thỉnh thoảng sang hàng xóm chơi là 49,6% còn lại là hiếm khi và không bao giờ sang hàng xóm chơi chiếm tới gần 50%. Số năm cư trú lâu ở khu chung cư này cũng không có sự tác động nhiều tới việc thường xuyên qua nhà hàng xóm chơi.

Bảng 3.18. Mối quan hệ giữa năm cư trú và mức độ qua nhà hàng xóm chơi

Năm đến sống ở chung cư		Tần suất sang nhà hàng xóm			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
2003	Số lượng	13	226	49	12
	Tỷ lệ %	4,4	75,3	16,4	3,9
2004	Số lượng	10	205	26	59
	Tỷ lệ %	3,4	68,3	8,6	19,7
2005	Số lượng	8	142	38	112
	Tỷ lệ %	2,6	47,3	12,7	37,4
2006	Số lượng	12	167	34	87
	Tỷ lệ %	4,1	55,6	11,2	29,1
2007	Số lượng	10	209	29	52
	Tỷ lệ %	3,2	69,7	9,8	17,3
2008	Số lượng	17	238	39	6
	Tỷ lệ %	5,6	79,4	12,9	2,1

Bảng 3.18. cho thấy tỷ lệ các gia đình sang nhà nhau chơi thường xuyên chiếm tỷ lệ thấp. Điều này trái ngược với các khu dân cư truyền thống là không thể thiếu được đó là việc những người hàng xóm gặp nhau thường hỏi han nhau về chuyện gia đình, con cái. Những người đàn ông thích tán gẫu về chuyện thể thao, thời sự. Phụ nữ thì hay chia sẻ những câu chuyện thường ngày, một bộ phim truyền hình dài tập, những người thân nhau hơn thường tâm sự cho nhau những câu chuyện cuộc sống, những vấn đề cá nhân, chia vui sẻ buồn. Nhưng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính thì trong quá trình điều tra ở đây, hầu như không gặp cảnh những người hàng xóm đứng trò chuyện, tán gẫu ở lan can hay ở dưới sảnh của tòa nhà mình ở. Khi xem xét tương quan giữa mức độ trò chuyện, qua nhà hàng xóm chơi với giới tính, độ tuổi và nghề nghiệp, chúng tôi nhận thấy mức độ qua lại với hàng xóm không phụ thuộc nhiều vào giới tính nhưng lại có sự khác nhau theo độ tuổi và nghề nghiệp.

Bảng 3.19. Mối quan hệ giữa độ tuổi và mức độ qua nhà hàng xóm chơi

Độ tuổi		Tần suất sang nhà hàng xóm chơi				Tổng
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	
Từ 18-29	Số lượng	2	7	7	7	23
	Tỷ lệ %	8,7	30,4	30,4	30,4	100
Từ 30-39	Số lượng	7	79	52	14	152
	Tỷ lệ %	4,6	52,0	34,2	9,2	100

Từ 40-49	Số lượng	11	62	14	9	96
	Tỷ lệ %	11,5	64,6	14,6	9,4	100
Từ 50-59	Số lượng	3	5	5	2	15
	Tỷ lệ %	20	33,3	33,3	13,3	100
Hơn 60	Số lượng	6	4	2	2	14
	Tỷ lệ %	42,9	28,6	14,3	14,3	100
Tổng	Số lượng	29	157	80	34	300
	Tỷ lệ %	9,7	52,3	26,7	11,3	100

Như vậy chúng ta thấy tương quan giữa độ tuổi với việc thăm hỏi hàng xóm láng giềng. Ngày nay, khi cuộc sống bận rộn hơn, ai cũng tất bật với những việc mưu sinh, những quan hệ cá nhân, nên ở các khu dân cư tại đô thị việc thường xuyên qua nhà hàng xóm chơi, có ẩm chè ngon gọi nhau cùng uống dường như cũng thưa dần đi. Và những chuyện đó ở khu đô thị mới này lại càng hiếm hoi. Xét trong số những người được phỏng vấn thì tần suất mạnh hơn cả là ở nhóm người cao tuổi - nhóm đã về nghỉ hưu, có nhiều thời gian rỗi hơn. Với tỷ lệ 42,9% những người trên 60 tuổi lựa chọn hình thức thường xuyên sang nhà hàng xóm chơi, trong khi đó, nhóm trong độ tuổi khác thì tỷ lệ thường xuyên sang nhà hàng xóm chơi chiếm ít hơn. Việc thăm hỏi hàng xóm láng giềng khác nhau theo độ tuổi cũng phản ánh các mức nhu cầu khác nhau giữa các độ tuổi trong mối quan hệ với hàng xóm láng giềng. Ở độ tuổi cao, các mối quan hệ xã hội thu hẹp dần, các quan hệ làm ăn, công việc thưa dần đi, họ hàng thì cũng không phải lúc nào cũng có thể đến chơi với nhau được nên nhu cầu giao tiếp, trò chuyện với hàng xóm láng giềng của họ cũng cao hơn

so với các độ tuổi khác. Sự khác nhau về mức độ thăm hỏi hàng xóm láng giềng không chỉ khác nhau theo độ tuổi mà còn khác nhau theo nghề nghiệp hiện tại của người trả lời.

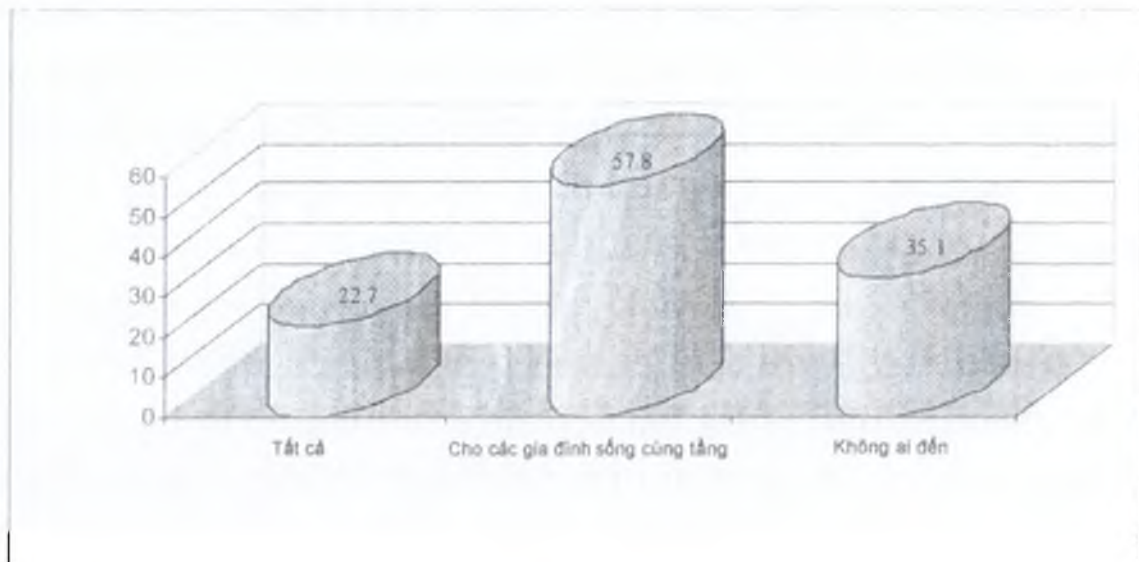
Bảng 3.20. Mối quan hệ giữa nghề nghiệp của người được hỏi với mức độ qua thăm nhà hàng xóm

Nghề nghiệp		Thăm hỏi hàng xóm				Tổng
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	
Cán bộ nhà nước	Số lượng	16	86	19	23	144
	Tỷ lệ %	11,1	59,7	13,2	16,0	100
	Số lượng	8	61	57	9	135
Doanh nghiệp	Tỷ lệ %	5,9	45,2	42,2	6,7	100
	Số lượng	1	3	0	0	4
Cty nước ngoài	Tỷ lệ %	25	75	0.0	0.0	100
Nghề tự do	Số lượng	1	2	1	0	4
	Tỷ lệ %	25	50	25	0	100
	Số lượng	5	3	3	2	13
Nội trợ, nghỉ hưu	Tỷ lệ %	38,5	23,1	23,1	15,4	100
Tổng	Số lượng	31	155	80	34	300
	Tỷ lệ %	10,3	51,7	26,7	11,3	100

Bảng 3.20. cho thấy những người có nghề nghiệp hiện tại ít căng thẳng về thời gian như hưu trí và nội trợ thì có mức độ thăm hỏi hàng xóm cao nhất với tỷ lệ tương ứng là 38,5%. Những người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đòi hỏi nhiều thời gian hơn như cán bộ nhà nước, doanh nghiệp thì tỷ lệ sang thăm hỏi hàng xóm láng giềng ít hơn, tương ứng là 11,1% và 5,9%.

Việc thăm hỏi hàng xóm láng giềng ở khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính cũng rất đơn giản, không nhất thiết phải có chuyện quan trọng mới qua, hay cũng không nhất thiết phải sang nhà nhau ngồi uống chén nước như ở các khu dân cư truyền thống. Có khi chỉ là vài câu chuyện gẫu, không đầu không cuối, rồi hỏi thăm nhau thăm ba câu khi cùng cho con xuống sân nhà 34T chơi hoặc dạo mát, tập thể dục... nhưng quả là cũng còn có một số ít đối tượng có trò chuyện qua lại với hàng xóm. Có khi ở cùng tầng chẳng mấy khi chuyện trò với nhau nhưng khi gặp nhau ở dưới sân nhà 34T, nhận ra người ở cùng tầng nhà, thế là ra hỏi han, chuyện trò. Tuy nhiên, việc trò chuyện qua lại với hàng xóm cũng mới chỉ dừng ở mức độ đó chứ chưa thân thiết đến mức những chuyện vui buồn có thể chia sẻ cho nhau. Khi nhà có việc quan trọng như đám cưới thì họ cũng chỉ đưa thiệp mời đến mấy hộ gia đình ở cùng tầng, còn khi có ốm đau hay đám hiếu thì cả tòa nhà cũng chỉ có tổ trưởng dân phố đại diện và vài gia đình cùng tầng sang thăm hỏi.

Biểu 3.9. Số hộ trong cùng một tòa nhà đến chia sẻ khi hàng xóm có việc quan trọng



Kết quả cho thấy tỷ lệ có câu trả lời tất cả các hộ trong cùng tòa nhà đều đến chia sẻ vui buồn là 22,7%, ý kiến cho rằng chỉ có những nhà cùng tầng đến chiếm cao nhất với 57,8% trả lời không có ai đến là 35,1%.

“Ở đây khác với khu trước đây tôi ở. Khi nhà nào có đám hiếu thì chỉ có những hộ ở cùng tầng nếu biết thì họ sang gửi viếng (vì không tổ chức đám tang ở đây), còn đa số là có đại diện của tổ dân phố trích quỹ tổ ra để phúng viếng. Nếu đám tổ chức ở quê xa thì họ cũng không đến tận nơi viếng được mà chỉ sang nhà chia buồn và gửi viếng thôi”. [PVS 3: Nữ, 1955, Cao đẳng, Nghỉ hưu]

“Ở đây cũng hơi giống những nơi khác là có việc vui như đám cưới thì phải đem thiệp đến mời thì người ta mới đến, chứ việc buồn thì không ai báo ai, mọi người biết thì tự đến. Tuy nhiên cũng chỉ là những người ở cùng tầng thôi chứ còn ở trong một tòa nhà

hơn trăm hộ dân cũng chẳng ai biết ai mà đến hết được". [PVS 2: Nữ, 1947, Cao đẳng, Nghỉ hưu]

Đây cũng là cách ứng xử còn mang hơi hướng của cách ứng xử ở những khu dân cư truyền thống, cách ứng xử hợp lý với lối sống trọng danh dự “ăn có mời, làm có khiến”.

Ở khu đô thị này không chỉ hạn chế về việc sang nhà nhau chơi chia sẻ những tình cảm vui buồn mà cả việc giúp đỡ nhau mỗi khi gặp khó khăn theo quan niệm “hàng xóm tối lửa tắt đèn” là hầu như không có. 46,3% trả lời không bao giờ có chuyện hàng xóm giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, và chỉ có 15,4% trả lời thỉnh thoảng có sự giúp đỡ nhau, còn lại là không bao giờ với tỷ lệ 30,9%. Thực ra những việc hàng xóm giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn ở những khu dân cư truyền thống thường rất đơn giản, chỉ là những việc nhỏ như ngó nghiêng hộ cái nhà khi mình đi vắng, đón giùm đứa trẻ khi bố mẹ bận, gửi chum chìa khóa hay đi chợ hộ nhau, v.v... cho đến những việc lớn như mỗi khi nhà ai có sự cố gì thì những người hàng xóm xung quanh đều xúm vào, mỗi người một tay, giúp được điều gì thì giúp, đó là tình làng nghĩa xóm không gì có thể đo đếm được. Kết quả khảo sát và những quan sát cho thấy những gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính thì không thấy xuất hiện các yếu tố đó. Cuộc sống của mỗi gia đình đều có những mối quan tâm riêng và dường như ai cũng không có thời gian để dành cho hàng xóm. Và có lẽ cũng còn do một nguyên nhân nữa là những người dân sống ở đây đều là những gia đình có mức sống khá, họ thường có khả năng cũng như có thói quen tự xử lý công việc và rất ngại làm phiền đến người khác nên họ không muốn nhận sự giúp đỡ của hàng xóm cũng như cũng không thấy có sự nhờ vả nào từ phía hàng xóm của mình.

Một đặc điểm có thể thấy ở các gia đình khu chung cư cao tầng Trung Hòa - Nhân Chính khác với các khu dân cư truyền thống nữa mà người dân ở đó gọi là nếp sống “văn minh”. Đó là họ sống rất “hòa thuận” với nhau, không có sự mâu thuẫn hay cãi vã to tiếng như ở các khu dân cư khác. Mặc dù mỗi căn hộ đều khép kín nhưng ở cùng một tầng nhà sẽ có nhiều thứ phải chung đụng như chung hành lang, chung cầu thang... nhưng họ chẳng bao giờ có mâu thuẫn với nhau cả. Mỗi khi có vấn đề làm ảnh hưởng đến nhau, các chủ căn hộ cũng đến có ý kiến và thường tự rút kinh nghiệm ngay, không để xảy ra mâu thuẫn.

“Ở đây trên cách âm không tốt nên tầng trên đi lại chúng tôi cũng nghe rõ lắm. Hôm vừa rồi, ông nhà tôi đau đầu mà tầng trên có trẻ nhỏ, 10 giờ đêm rồi vẫn chạy nhảy huỳnh huých trên đầu, không thể chịu được. Tôi đành lên có ý kiến với họ và thấy hết ngay hiện tượng đó. Được cái ở đây họ văn minh thế đấy”. [PVS 1: Nữ, 1943, Đại học, Nghỉ hưu]

Có thể thấy mối quan hệ hàng xóm láng giềng ở chung cư Trung Hòa - Nhân Chính mang nét đặc trưng riêng. Mối quan hệ hàng xóm ở đây ít thân thiện, cởi mở, ít sự chia sẻ nhưng cũng ít xảy ra mâu thuẫn cãi vã hay đánh chửi nhau như những khu vực khác.

KẾT LUẬN

Cùng với nhịp độ phát triển đất nước, các đô thị ngày càng mở rộng, các khu dân cư đông đúc được hình thành dẫn tới nhiều biến đổi trong xã hội. Ở Hà Nội đã hình thành nên một số khu đô thị mới với kết cấu, cơ sở hạ tầng thuộc vào loại cao cấp, giá cả những căn hộ ở đó cũng dành cho những người có thu nhập khá cao. Và cũng là một lẽ tự nhiên, những khu đô thị cao cấp này tụ hợp lại một tầng lớp dân cư giàu có với những nếp sống khác với khu dân cư truyền thống. Điển hình là khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính với những nét đặc trưng riêng biệt về môi trường sống, trình độ học vấn người dân, về nghề nghiệp và các sinh hoạt cộng đồng.

Cũng xem xét nếp sinh hoạt trong gia đình, vấn đề này là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ của các thành viên trong gia đình. Những gia đình có lựa chọn đi chợ hàng ngày có mức độ mâu thuẫn giữa vợ và chồng ở mức độ khác nhau.

Ở những gia đình có bố mẹ già sống cùng nề nếp sinh hoạt thường ổn định, bữa cơm gia đình được coi trọng, các thành viên trò chuyện vui vẻ nên việc xung đột ít xảy ra và nếu có thì cũng ở mức độ nhẹ nhàng.

Mặt khác, mâu thuẫn còn phụ thuộc vào trình độ học vấn của các cặp vợ chồng. Những cặp vợ chồng có trình độ học vấn thấp lại không nhận thức được tầm quan trọng của việc

tạo ra nề nếp sinh hoạt trong gia đình, các thành viên trong gia đình ít quan tâm tới nhau nên hay xảy ra mâu thuẫn hơn.

Trong các gia đình ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính cũng có những gia đình còn mang tính chất truyền thống trong vấn đề phân công công việc gia đình theo kiểu truyền thống (vợ là người làm các công việc đi chợ, giặt quần áo, nấu cơm, rửa bát... còn chồng đảm nhiệm các công việc lớn) nhưng cũng có nhiều gia đình đã mang xu hướng hiện đại (tỷ lệ tham gia việc nhà giữa vợ và chồng đã khá tương đồng với nhau).

Trong các gia đình ở đây, người đóng góp ngân sách chính là người chồng lại rơi vào những cặp vợ chồng ở độ tuổi 40 trở lên. Còn với những gia đình mà cả hai vợ chồng cùng đóng góp ngân sách lại rơi vào các cặp vợ chồng ở độ tuổi từ 30 - 39. Nghiên cứu theo nhóm tuổi cũng các cặp vợ chồng ở độ tuổi 30 - 39 đi làm có mức thu nhập cao nhất. Bởi lẽ nền kinh tế thị trường phát triển, nhiều ngành nghề mới xuất hiện, thu hút nhiều lao động. Đồng thời những lao động trẻ thường được đào tạo cơ bản, lại năng động hơn trong việc tìm kiếm việc làm. Một đặc điểm khác của sự chuyển đổi của nền kinh tế là sự tăng lên của hộ gia đình có cả hai vợ chồng cùng làm việc kiếm thu nhập ở bên ngoài gia đình do sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội tăng lên mà thường là những phụ nữ còn trẻ ở độ tuổi dưới 40.

Riêng vấn đề chăm sóc con cái ở các khu đô thị mới các gia đình đã có sự chia sẻ nhiều hơn của người chồng. Đặc biệt là việc học hành của con cái. Người chồng đóng vai trò trong việc chỉ bảo con học và chọn trường lớp cho con là khá lớn. Và các gia đình ở đây đều nhận thức rất rõ tầm quan trọng của

học vẫn đối với tương lai của con cái. Họ đều cố gắng dành mọi điều kiện thuận lợi nhất cho con bằng việc đầu tư về mặt kinh tế (học phí), sát sao kèm cặp hay mua cho con những đồ dùng học tập tốt... Có lẽ vì vậy mà kết quả học tập của trẻ em ở khu vực này khá cao. Những cặp vợ chồng có trình độ đại học trở lên quan tâm tới việc học hành của con cái nhiều hơn các cặp vợ chồng có trình độ học vẫn trung học phổ thông.

Có một điểm khác biệt ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính là người dân không có tâm thế trông nhờ con vào lúc tuổi già, mặc dù họ rất chăm lo cho con cái cả về thể chất lẫn tinh thần. Có không ít những gia đình chỉ sinh con gái nhưng họ vẫn chuẩn bị cho con đầy đủ cả về tiềm lực kinh tế và chỉ đơn giản là vì họ muốn cho con mình có một tương lai tốt đẹp. Hầu hết các cặp vợ chồng trẻ đều coi trọng việc sinh con.

Ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có nhiều gia đình hạt nhân, nhưng bên cạnh đó vẫn có những gia đình truyền thống ba thế hệ sống cùng nhau. Khi xem xét những gia đình này, chúng tôi nhận thấy vẫn có mối liên hệ chặt chẽ giữa bố mẹ già với các cặp vợ chồng.

Nhìn chung, nếp sống gia đình tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính có những thay đổi trong môi trường kinh tế, xã hội, chính trị, các quan niệm sống của các gia đình cũng đã có những thay đổi để thích ứng với hình thức sinh sống là các mô hình nhà chung cư cao tầng. Nét đặc trưng của những thay đổi này là sự quá độ của mô hình hôn nhân và gia đình theo hướng nhấn mạnh nhiều hơn đến các vai trò và trách nhiệm cá nhân, dân chủ và bình đẳng hơn giữa các thành viên thuộc các độ tuổi và giới tính khác nhau trong gia đình. Gia đình của

những người trẻ tuổi chiếm tỷ lệ cao. Về mặt kinh tế, các gia đình đang cấu trúc lại chiến lược sống của mình, với nét đặc trưng là việc tăng cường đầu tư nguồn lực cho giáo dục và đào tạo con em, việc theo đuổi đồng thời nhiều hình thức tạo thu nhập, sự năng động trong việc tìm kiếm các cơ hội bên ngoài gia đình và cộng đồng. Với sự nâng cao tính cơ động về kinh tế, xã hội, và địa lý, các quan hệ gia đình, nhất là quan hệ vợ - chồng trở nên ngày càng đa dạng hơn. Trong bối cảnh đó, sự gia tăng ý nghĩa của các vai trò cá nhân khiến cho việc dung hòa lợi ích của các thành viên đặt ra những đòi hỏi mới mà khi không được đáp ứng sẽ dẫn đến các xung đột gia đình. Các quan niệm về gia đình truyền thống vẫn ít nhiều tồn tại ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, tuy nhiên các gia đình ở đây sống độc lập và chủ yếu là các gia đình hai thế hệ. Vợ hoặc chồng thường là người quyết định chính cho các cách thức sinh sống của gia đình mình.

Các hành vi ứng xử của các gia đình ở khu đô thị mới này có thay đổi với các gia đình khu cư dân truyền thống.

*

* *

Công trình nghiên cứu cho thấy có những vấn đề tồn tại trong nếp sống, sự thích ứng của các thành viên trong gia đình với nhà chung cư khu đô thị mới. Trước sự dịch chuyển của các mô hình sống của các gia đình từ nhà phố truyền thống lên các khu chung cư, bên cạnh những nếp sống đẹp phù hợp với cuộc sống hiện đại thì vẫn còn tồn tại rất nhiều những thói quen kém văn minh ăn sâu trong tiềm thức. Ở đây còn nhiều

vấn đề bất cập trong việc thiết kế, xây dựng các dịch vụ công cộng, không gian sinh hoạt chung cho người dân ở đây cũng như sự chưa thích ứng về phương thức sống. Do đó, chúng tôi có một số khuyến nghị nhằm xây dựng mô hình không gian sống phù hợp.

Nói đến đô thị là nói đến văn minh và đời sống văn hoá cao, đô thị càng hiện đại thì đời sống đi vào quy củ, trật tự, nếp sống càng văn minh hơn. Để giải quyết vấn đề nếp sống truyền thống chưa phù hợp với mô hình nhà chung cư mới, trước hết các thành viên gia đình cần tuân thủ nội qui khi sống trong các chung cư cao tầng, cần làm quen với nếp sống đô thị sao cho phù hợp với sự phát triển chung của cộng đồng. Những tiêu chuẩn khắt khe trong quản lý nhà chung cư cao tầng đôi khi cũng là sự cản trở cho cách sống của các gia đình ở những mô hình nhà truyền thống. Vì vậy, cần giáo dục nhận thức cho các gia đình sống trong đó để họ hiểu và tuân theo các chuẩn mực mới.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hiện nay tại các khu chung cư trong đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính đang diễn ra tình trạng nếp sống thiên về tính cá nhân. Tính cộng đồng bị suy giảm và mất dần tính truyền thống, cái mà người ta gọi là tình làng nghĩa xóm đang thiếu vắng. Không gian công cộng ở khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính hiện nay hầu hết chỉ là những không gian tư hữu kế cận nhau, việc thiếu vắng những không gian giao tiếp cộng đồng đã ảnh hưởng trực tiếp đến nếp sống của cư dân đô thị. Sự lạnh nhạt và tư hữu tăng dần sẽ làm

cho họ sống biệt lập hơn. Vì thế, việc thiết kế không gian công cộng cũng cần tính đến yếu tố kế thừa các mô hình sống truyền thống trước đây. Trong khu đô thị mới nên có những hình ảnh quen thuộc của làng xóm như cây xanh, hồ nước.

Cụ thể, trong từng khối nhà chung cư cao tầng cần tổ chức các không gian giao tiếp cộng đồng như những vườn nhỏ, phòng sinh hoạt chung cho từng tổ dân phố của các tòa nhà. Qua đó, các gia đình sẽ dễ dàng tiếp cận với thiên nhiên và cộng đồng, gắn kết tình hàng xóm láng giềng.

Cần bố trí phòng khách của căn hộ chung cư ở vị trí có thể tiếp cận thuận lợi với các gia đình trong cùng tầng với ánh sáng tự nhiên. Hiện nay một số căn hộ chung cư được thiết kế theo dạng quay lưng về phía không gian công cộng, gây cảm giác biệt lập cho các gia đình sống trong đó. Các hộ gia đình nên chủ động tạo ra khoảng thông thoáng từ phòng khách đến bếp và vườn nhỏ ban công.

Để tạo điều kiện cải thiện mối quan hệ cộng đồng, Ban quản lý khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính cần chú trọng đẩy mạnh công tác hoạt động tổ dân phố, xây dựng nơi hội họp và sinh hoạt cho người dân nói chung và cho các cháu thanh thiếu niên nói riêng. Ngoài ra phải đáp ứng được nguyện vọng của người dân về không gian, môi trường, trồng thêm nhiều cây xanh, xây dựng thêm khuôn viên phục vụ giải trí tinh thần. Cần phải xây dựng thêm ga - ra để xe ô tô, tránh hiện tượng xe đỗ tràn lan cả dưới lòng đường, mất tính mỹ quan. Những đặc trưng của các gia đình khu chung

cư cao tầng Trung Hòa - Nhân Chính được thể hiện rất rõ trong nếp sống, cách sinh hoạt qua việc các gia đình sẵn sàng chấp nhận những cái mới. Tuy nhiên các ban quản lý chung cư và các khu vực tổ dân phố cần tổ chức tốt không gian sống, không gian vui chơi giải trí trong khu đô thị và tuyên truyền để các gia đình tại đây giữ gìn những gì tốt đẹp của những mô hình gia đình truyền thống.

Một trong những tiêu chí để một nơi tập trung dân cư nào đó được gọi là đô thị tiêu chuẩn, là sự phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng, là nơi có các trường học, phòng khám chữa bệnh đảm bảo đáp ứng nhu cầu cần thiết cũng như cho việc chăm sóc sức khỏe của người dân. Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy đối với khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính còn thiếu trường học, vì vậy Ban quản lý đô thị cần đầu tư xây dựng trường học, đặc biệt là trường mầm non cho khu vực này. Các hệ thống dịch vụ công cộng như xử lý rác thải, nguồn nước sinh hoạt cũng cần được đảm bảo.

Chợ cũng là một không gian văn hoá rất cần cho khu chung cư, bởi lẽ nước ta là nước nhiệt đới và thói quen sử dụng thực phẩm tươi sống và rau xanh vẫn là nhu cầu thường ngày. Mô hình chợ có thể được tổ chức dưới tầng 1 của các tòa nhà, có lối ra vào riêng, đảm bảo vệ sinh môi trường, cũng sẽ là một yếu tố cải thiện cuộc sống khu chung cư cao tầng.

Thờ cúng tổ tiên cũng là một nét đẹp truyền thống trong các gia đình Việt Nam, mỗi căn hộ chung cư cũng nên được thiết kế chu đáo không gian này. Ở mỗi nhà phố, thông thường người ta dành riêng không gian thờ cúng ở tầng cao

nhất, vậy trong căn hộ chung cư không gian này nên có ở đâu? Có lẽ là không gian bên cạnh phòng khách, nơi có cửa sổ tiếp cận trực tiếp với thiên nhiên. Tuy nhiên, song song với nó cũng cần phải nâng cao ý thức của các hộ gia đình. Việc làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về phòng, chống cháy, nổ cho người dân cũng rất cần thiết. Thường xuyên kiểm tra, rà soát chất lượng cũng như hiện trạng của các phương tiện phòng cháy chữa cháy; định kỳ tổ chức tập huấn kỹ thuật chữa cháy cho lực lượng chữa cháy tại chỗ để lực lượng này đủ khả năng ứng phó ngay sau khi xảy ra sự cố cháy, nổ. Từng hộ dân cũng cần nâng cao ý thức phòng ngừa cháy, nổ bằng cách thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, các thiết bị điện; chú ý tắt nguồn lửa, nguồn sinh nhiệt và các thiết bị điện khi không sử dụng.

Giáo dục trong gia đình cũng sẽ tạo ra nếp sống phù hợp với cuộc sống ở chung cư cao tầng, nơi các thế hệ sau sẽ tiếp tục ở đây. Ý thức của nhiều người qua nhiều đời sẽ tạo thành nếp sống văn hoá tốt trong môi trường sống nhà chung cư khu đô thị mới. Nếp sống văn hoá đại diện cho cộng đồng người trên một khu vực sinh sống là cái đích chung để các hộ gia đình cùng vươn tới.

Nếp sống đô thị không chỉ là vấn đề của riêng các nhà văn hoá và xã hội, mà nó cũng đang cần có sự quan tâm của các nhà kiến trúc, để khi thiết kế ngôi nhà thì các kiến trúc sư phải đặc biệt quan tâm đến phần hồn của nó là nếp sống và hơn nữa trên bình diện rộng hơn quy hoạch đô thị là sự tổ chức lối sống cho cả một cộng đồng.

Đã đến lúc nhịp không gian và nhịp cuộc sống cần phải hoà điệu, tạo nên âm hưởng chung làm cho cuộc sống của các gia đình ngày càng thuận tiện và thoải mái hơn.

Với xu thế số lượng các khu đô thị mới ngày càng gia tăng, việc thiết kế không gian sống hợp lý và giữ gìn nếp sống đẹp để tạo nên cuộc sống lý tưởng là việc mọi người, mọi ngành cần quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- Alan Bryman (2001), *Những phương pháp nghiên cứu xã hội học (bản dịch)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Mai Huy Bích (2003), *Xã hội học gia đình*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Mai Huy Bích (1993), *Đặc điểm gia đình đồng bằng sông Hồng*, Nhà xuất bản Văn hóa-Thông tin.
- Liljestrom,R. & Tương Lai (Chủ biên). *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Mai Huy Bích (1987), *Lối sống gia đình ngày nay*, Nhà xuất bản Phụ nữ.
- Bộ Xây dựng (2004), *Định hướng phát triển kiến trúc nhà ở đến năm 2020*.
- Bùi Đình Châu (2002), *Văn hóa gia đình*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Phạm Khắc Chương, Huỳnh Phước (1998), *Ông bà cha mẹ trong gia đình*, Nhà xuất bản Thanh niên.
- Charles L.Jones, Lorne Tepperman, Susannah J.Wilson (2002), *Tương lai của gia đình*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- C.Mác; Ph. Ăngghen (2004), *Hệ tư tưởng Đức*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

- Dương Tự Đàm (chủ biên), Nguyễn Như An (2006), *Gia đình trẻ - hạnh phúc, thịnh vượng*, Nhà xuất bản Thanh niên.
- Nguyễn Bá Đăng (1997), “Chung cư cao tầng trong các đô thị lớn”, *Tạp chí kiến trúc Việt Nam* (4).
- Nguyễn Thị Bích Diễm (2005), “Những vấn đề bức xúc của các gia đình trẻ hiện nay”, *Tạp chí Tâm lý học* (4).
- Guter Endruweit (chủ biên) và các đồng nghiệp (1999), *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*, Nguyễn Hữu Tâm dịch, Nhà xuất bản Thế giới.
- G. Endruweit và G. Trommsdorff (1999), *Từ điển xã hội học*, Nhà xuất bản Thế giới.
- Mai Văn Hai, Phan Đại Doãn (2000). *Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng*. NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Văn Hải (2005), *Giải pháp quy hoạch kiến trúc nhằm nâng cao chất lượng không gian ở các khu đô thị mới Hà Nội*, Luận án Tiến sỹ Kiến trúc, Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- Trần Ngọc Hiên, Trần Văn Chử (đồng chủ biên), R. Claus, C. Wiegandt (1998), *Đô thị hoá và chính sách phát triển đô thị hoá trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Thị Kim Hoa (2000), *Vị thế vai trò xã hội của phụ nữ trong gia đình nông thôn - đồng bằng Bắc Bộ hiện nay (Qua nghiên cứu lại tỉnh Nam Định)*, Luận án TS. Xã hội học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Vũ Tuấn Huy (chủ biên), Vũ Mạnh Lợi, Hoàng Đốp, Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Hồng Thái, Nguyễn Khánh

- Bích Trâm (2004). *Xu hướng gia đình ngày nay*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Vũ Tuấn Huy (2003), *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
 - Vũ Tuấn Huy (1998), *Biến đổi cơ cấu gia đình và vai trò người phụ nữ*. Đề tài cấp bộ.
 - Vũ Tuấn Huy (1996), *Những khía cạnh của sự biến đổi gia đình, Những nghiên cứu về gia đình Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
 - Vũ Tuấn Huy (1996), *Tác động của biến đổi kinh tế - xã hội đến một số khía cạnh của gia đình Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Thái Bình*, Dự án VIE/93/P02, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
 - Lê Ngọc Hùng (2002), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, NXBĐHQG Hà Nội.
 - John J.Macionis (2003), *Xã hội học*, Nhà xuất bản Thống kê.
 - Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý (2007), *Gia đình học*, Nhà xuất bản Thông tin lý luận.
 - Đặng Cảnh Khanh (2003), *Gia đình và việc giáo dục các giá trị truyền thống cho trẻ em*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.
 - Đặng Cảnh Khanh (2001), “Gia đình và cộng đồng trong việc giữ gìn văn hoá truyền thống trong điều kiện kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hoá”, Thuộc đề tài “*Vị trí vai trò của gia đình và cộng đồng trong sự nghiệp Bảo vệ chăm sóc và Giáo dục trẻ em*”.

- Vũ Khiêu (1996), *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Vũ Khiêu, Lê Thị Quý, Đặng Như (1995), *Nho giáo và gia đình*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Tương Lai (chủ biên), Hồ Ngọc Đại, Ma Văn Kháng (1996), *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Vũ Mạnh Lợi (2004), *Xu hướng gia đình ngày nay (Một vài đặc điểm từ nghiên cứu thực nghiệm tại Hải Dương*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Luật Nhà ở số 56/2005/QH 11 do Quốc hội ban hành ngày 29/11/2005.
- Mai Quỳnh Nam (chủ biên) (2004). *Trẻ em, Gia đình, Xã hội*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Mai Quỳnh Nam (Chủ biên) (2002), *Gia đình trong tâm gương xã hội học*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Cao Huyền Nga (2000), *Xung đột tâm lý trong quan hệ vợ chồng*, Hà Nội.
- Ph.Ăng-ghen (1984), “*Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và nhà nước*”, trong Mác, Ăng-ghen. *Toàn tập*, tập VI. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
- Vũ Hào Quang (chủ biên) (2006), *Gia đình Việt Nam- quan hệ, quyền lực và xu hướng biến đổi*”, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Vũ Hào Quang (2000), “*Xã hội hoá và xung đột trong gia đình trẻ*”, *Tạp chí “Giáo dục lý luận”*.

- Vũ Hào Quang (1997), “Về lý thuyết hành động xã hội của Max Weber”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
- Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh (2007), *Bạo lực gia đình - một sự sai lệch giá trị*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Lê Thị Quý (1996), *Nỗi đau thời đại*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- Hoàng Trọng (2008), *Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội*, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội.
- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (2003), Tập 1. Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa.
- Nguyễn Khắc Viện (1994), *Từ điển xã hội học*. Nhà xuất bản Thế giới.
- Nguyễn Như Ý, (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.

Tài liệu tiếng Anh

- Abbott, P (1997), *An introduction to Sociology. Feminist Perspectives*. London.
- Anderson. M (1971), *Family Structure in Nineteenth Century Lancashire*. Cambridge University Press.
- Barnades. J (1997), *Family studies*. London: Routledge.

- Bernard. J (1982), *The future of marriage*. New haven: Yale University press.
- Birman D (2006), “Accuturation gap and family adjustment: Soviet Jewish Refugees in the United States. *Journal of Cross Cultural Psychology*. Vol 37 (5).
- Britannica (2006)
<http://www.britannica.com/EBchecked/topic/1409744/2006-Academy-Awards>
- Bott. E (1957), *Family and Social network*. London: Tavistock.
- Cavan R.S (1965), *Marriage and Family in the morden world* (2nd ed), Thomas Y.Crowell.
- Cheal. D (1991), *Family and the state of theory*, Hertfordshire: Haverster Wheatsheaf.
- Diana Formoso, Nancy A.G, Leona S.A (1995), *Family Conflict and Children internalizing and Externalizing*, Brooks. Cole CA.USA.
- Eisen. A (1984), *Women and Revolution in Vietnam*, London: Zed books Ltd.
- Giddens. A (1997). *Sociology*. Third edition, Cambridge: Polity press.
- Grunwald B.B, McAbee. H.V (1999), *Guiding the family: practical counseling techniques* (2nd edit), Accelarated Development, PA.
- Goode. W (1963), *World revolution and Family patterns*, NewYork: The free press.

- Harris. C.C (1983). *The family and industrial Society*, London: George Allen & Unwin.
- Jary, David and Jary, Julia (1991), *The HarperCollins Dictionary of Sociology*, HarperCollins Publishers, New York
- Jackson .T, Chen. H, Cheng Guo, Xieo Gao (2006), “Stories we love by : Conceptions of love among couples from the People Republic of China and the United States”, *Journal of Cross cultural Psychology*, V37, (4).
- Kail R.V and Cavanaugh J.C (1996), *Human Development*, Brooks Cole Publishing Company.
- L.Strauss, C. (1966), *The Savage Mind*, University of Chicago Press, Chicago.
- Le Thị Quy (1996), “Domestic Violence in VietNam and efforts to Curb it”, *Vietnam’s Women in Transition*, Edited by Kathleen Barry, ST Martin’s Press, INC.USA, pp. 263-274.
- Marshall, G. (1998), *A dictionary of Sociology* (2 nd ed.). Oxford: Oxford University Press.
- Marshall Gordon (1998), *A Dictionary of Sociology*, Oxford, New York, Oxford University Press.
- Mann, Michael (1983), *MacMillan Student Encyclopedia of Sociology*, MacMillan Press, London.
- Morgan. D.H.J (1985), *The Family, Politics and Social Theory*, London: Routledge and Kegan Paul.
- Murdock P.G, (1945), *Social Structure*. New York: The MacMillan Company, pp. 460.

- Ritzer, Geogre (1996), *Modern Sociological Theory*, McGraw Hill, New York.
- Schaefer, R. T (2003), *Sociology*, McGraw Hill, London.
- Steel.L & Kidd.W (2000), *The Family*. Basingstoke: Palgrave.
- Turner, J. H. (1991), *The structure of sociological theory*, Wadsworth Publishing Company, USA.
- Turner, J. H; Beeghley, L, Powers, C. H (1995), *The Emergence of Sociological Theory*, Wadsworth Publishing Company, USA.
- Zanden, James W. Vander (1988), *The Social Experience - An Introduction to Sociology*, Random House, New York.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

36 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: 04.39719073 - Fax: 04.39719071

Website: http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxxh

Email: nxbkhxxh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Sương Nguyệt Ánh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

ĐT. 08.38394948 - Fax: 08.38394948

NẾP SỐNG GIA ĐÌNH Ở KHU ĐÔ THỊ MỚI
(Nghiên cứu trường hợp khu chung cư
Trung Hòa - Nhân Chính)

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG

Biên tập nội dung: TS.KIỀU VIỆT CƯỜNG

Kỹ thuật vi tính: DŨNG ĐẠT

Sửa bản in: TS.KIỀU VIỆT CƯỜNG

Trình bày bìa: NGUYỄN KHẮC CƯỜNG

In 300 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty Cổ phần in và thương mại Đông Bắc

Số đăng ký KHXB: 445 - 2012 / CXB / 18 - 20 / KHXXH

Số QĐXB: 13/QĐ-NXB KHXXH ngày 04/5/2012

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2012

0390153

THƯ VIỆN VTTKHXH



VB00050586

ĐỒNG GIÁ ĐÌNH Ở KHU ĐÔ THỊ MỚI

Viện Thông tin
Khoa học xã hội

Vb
50586



Giá: 68.000 đ